

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộ Công Thương

Khung chính sách quản lý Môi trường và Xã hội

Cho

DỰ ÁN THÚC ĐẨY TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG CÁC NGÀNH

CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VSUEE)

(Kèm theo Quyết định số 2828/QĐ-BCT ngày 04 tháng 11 năm 2020)

Hà Nội, tháng 11/2020

PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH	5
I. GIỚI THIỆU	8
II. MÔ TẢ DỰ ÁN	10
II.1. Mục tiêu và các hợp phần của dự án.....	10
II.2. Đối tượng hưởng lợi từ dự án	13
II.3. Các kiểu tiêu dự án dự kiến	13
III. CÁC KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN	16
III.1. Các luật và quy định của Việt Nam	16
III.2. Các chính sách bảo vệ của Ngân hàng Thế giới	17
IV. CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NHE.....	38
IV.1. Các tác động có thể xảy ra	38
IV.2. Các biện pháp giảm thiểu.....	38
V. QUÁ TRÌNH SÀNG LỌC, XEM XÉT, LÀM RÕ VÀ THỰC HIỆN TÀI LIỆU AN TOÀN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN.....	53
V.1. Sàng lọc chính sách an toàn.....	53
V.1.1. Sàng lọc tính hợp lệ	53
V.1.2. Sàng lọc các tác động để xác định loại tiêu dự án và tài liệu an toàn	54
V.2. Xây dựng các tài liệu an toàn cho tiêu dự án.....	58
V.3. Xem xét, phê duyệt và làm rõ các tài liệu an toàn của tiêu dự án	61
V.3.1. Xem xét, phê duyệt các tài liệu an toàn	61
V.3.2. Tham vấn cộng đồng và Công bố các tài liệu an toàn môi trường	62
V.3.3. Công bố tài liệu đánh giá môi trường	63
V.4. Thực hiện, giám sát, quan trắc và báo cáo	63
V.4.1. Thực hiện	63
V.4.2. Giám sát và quan trắc	63
V.4.3. Chế độ báo cáo.....	64
VI. SẮP XẾP THỰC HIỆN	66
VI.1. Trách nhiệm thực hiện Khung QLMTXH (ESMF).....	66
VI.2. Tích hợp ESMF vào Sổ tay hoạt động của dự án	70
VII. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT	70

VII.1. Đánh giá năng lực tổ chức	70
VII.2. Đào tạo	70
VII.3. Hỗ trợ kỹ thuật	71
VIII.KINH PHÍ THỰC HIỆN ESMF	72
IX. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	72
X. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA KHUNG CHÍNH SÁCH	74
XI. PHẦN PHỤ LỤC	78
Phụ lục 1. Danh mục kiểm tra an toàn Môi trường và xã hội.....	79
Phụ lục 2. Danh mục các tác động môi trường để sàng lọc.....	82
Phụ lục 3. Mẫu soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường.....	92
Phụ lục 4. Quy tắc Thực hành Môi trường (ECOPs).....	103
Phụ lục 5. Quy trình quản lý PCB	111
Phụ lục 6. Biên bản họp tham vấn các bên liên quan	113
Phụ lục 7. Hướng dẫn của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An toàn; và Hướng dẫn trong ngành công nghiệp	115

DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG 1: CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI ĐƯỢC KÍCH HOẠT BỞI DỰ ÁN.....	17
BẢNG 2: CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VÀ KẾT QUẢ YÊU CẦU ĐỐI VỚI MỖI DỰ ÁN ODA	22
BẢNG 3: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VÀ NHTG	25
BẢNG 4: PHÂN TÍCH CÁC KHÁC BIỆT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIỮA QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHTG	31
BẢNG 5: CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐIỂN HÌNH VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG	39
BẢNG 6: TÓM TẮT CÁC THỦ TỤC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC TIỂU DỰ ÁN THUỘC VSUEE	58
BẢNG 7: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN THỰC HIỆN ESMF	66
BẢNG 8: ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NĂNG LỰC VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	70

DANH MỤC HÌNH

HÌNH 1: CÁC GIẢI PHÁP SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ TIỀM NĂNG	13
HÌNH 2: QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG THEO CHU TRÌNH DỰ ÁN CỦA NHTG	21
HÌNH 3: QUY TRÌNH SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG	56
HÌNH 4: HỆ THỐNG BÁO CÁO	64
HÌNH 5: CƠ CẤU TỔ CHỨC THỰC HIỆN VSUEE	66
HÌNH 6: CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU KIỆN, KHIẾU NẠI CỦA DỰ ÁN	73
HÌNH 7: QUY TRÌNH QUẢN LÝ PCB	111

Danh mục viết tắt

AU	Đơn vị hành chính
BCT	Bộ Công - Thương
BTC	Bộ Tài chính
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CEP	Cam kết bảo vệ Môi trường
CPEE	Sản xuất sạch và hiệu quả năng lượng (Clean Production and Energy Efficiency)
UBND	Ủy Ban Nhân dân huyện
ECOP	Quy tắc Môi trường thực tiễn (Environmental Code of Practice)
EE	Hiệu quả năng lượng (Energy Efficiency)
EIA	Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (Environmental Impact Assessment)
EFO	Sản lượng từ nguồn tài chính bên ngoài - Externally Financed Output
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (Ethnic Minority Development Plan)
EMP	Kế hoạch quản lý môi trường (Environment Management Plan)
EPP	Kế hoạch bảo vệ môi trường (Environment Protection Plan)
ESCOs	Tổ chức dịch vụ năng lượng
FS	Nghiên cứu khả thi (Feasibility Study)
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
GCF	Quỹ Khí hậu xanh
GRI	Viện nghiên cứu quốc gia (Government research institute)
HQ	Trụ sở chính
HCFC	Hợp chất Hydro-chloro-fluoro-carbons
HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật (Technical Assistance)
IBRD	Ngân hàng quốc tế về Tái thiết và Phát triển (International Bank for Reconstruction and Development)
IDA	Hiệp hội phát triển Quốc tế (The International Development Association)
IEs	Doanh nghiệp công nghiệp (Industrial Enterprises)
IFC	Công ty tài chính quốc tế (the International Finance Corporation)
MOU	Biên bản ghi nhớ (Memorandum of Understanding)
NHTG	Ngân hàng thế giới
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NLTT	Năng lượng tái tạo
OM	Sổ tay hoạt động (Operation Manual)
PB	Ngân hàng tham gia (Participating Bank)
PFIs	Các tổ chức tài chính tham gia (Participating Financial Institutions)
PMB	Ban quản lý dự án (QLDA) VSUEE
PO	Chủ doanh nghiệp (Subproject owner) vay vốn của dự án để cải tạo, nâng cấp hiệu quả sử dụng năng lượng
PV	Pin quang điện (Photovoltaic)
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
RP	Kế hoạch tái định cư (Resettlement Plan)
STNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
UNIDO	Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hiệp quốc (The United Nations

	Industrial Development Organization)
VNEEP	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam (Vietnam National Energy Efficiency Program)
VEEIE	Dự án hiệu quả năng lượng cho các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam (Vietnam energy efficiency for industrial enterprises)
VSUEE	Dự án thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong ngành công nghiệp Việt Nam (Vietnam Scale Up Energy Efficiency Project)

I. GIỚI THIỆU

Việt Nam là một trong những nước có cường độ sử dụng năng lượng lớn nhất trong khu vực Đông Á, nhu cầu năng lượng tăng khoảng 10% trong giai đoạn 2001-2010, trong đó nhu cầu về điện tăng khoảng 13%/năm trong giai đoạn 2001-2010 và khoảng 11% trong giai đoạn 2011-2015. Theo Thống kê năng lượng năm 2015, tổng cung cấp năng lượng sơ cấp của Việt Nam là 70.588 KTOE. Trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng quốc gia, các ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 47,3% tổng năng lượng sử dụng cuối cùng. Tăng trưởng công nghiệp nhanh và sử dụng năng lượng kém hiệu quả trong công nghiệp là những yếu tố chính làm cho cường độ năng lượng của Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao so với các nước trên thế giới.

Theo dự báo, các nguồn năng lượng trong nước ngày càng khan hiếm, tiềm năng thủy điện lớn hầu như đã khai thác hết, nguồn năng lượng sơ cấp và hóa thạch ngày càng cạn kiệt, các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ, gió, mặt trời và các dạng năng lượng khác vẫn còn nhiều rào cản về cơ chế tài chính, chi phí đầu tư và rào cản công nghệ.

Trong những thập kỷ tới, nhu cầu năng lượng của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cao, sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến an ninh năng lượng, chịu tác động của giá năng lượng trên thị trường khu vực và quốc tế. Ngoài ra, chi phí đầu tư cho cung cấp năng lượng ở Việt Nam rất lớn, khoảng 14-15 tỷ đô la Mỹ mỗi năm. Chi tính riêng đối với ngành điện, yêu cầu về vốn đầu tư cho các nguồn phát và hệ thống truyền tải, phân phối lên tới 7,9 đến 10,8 tỷ đô la Mỹ hàng năm.

Theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030 điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2016 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh) thì từ nay đến năm 2030, năng lượng phải đáp ứng đủ nhu cầu điện cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm. Cũng theo kịch bản này, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện toàn quốc trong các giai đoạn tới mặc dù sẽ giảm đáng kể so với trước đây nhưng vẫn ở mức rất cao nếu so sánh với các nước trên thế giới, cụ thể là 10,6%/năm (giai đoạn 2016 - 2020), 8,5%/năm (giai đoạn 2021-2025) và 7,5%/năm (giai đoạn 2026 - 2030). Tổng công suất đặt của toàn hệ thống hiện nay khoảng 45.000 MW, theo tính toán có thể đạt khoảng 60.000 MW vào năm 2020 và dự kiến lên đến 129.500 MW vào năm 2030. Đây là một thách thức lớn đặt ra với ngành năng lượng trong việc đảm bảo thu xếp và huy động nguồn vốn đầu tư để mở rộng, nâng cấp lưới điện truyền tải, phân phối, đầu tư, phát triển nguồn điện mới cũng như cung ứng đủ các nguồn năng lượng sơ cấp cho các nhà máy điện.

Theo báo cáo nghiên cứu kịch bản phát triển các bon thấp của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2011, Việt Nam có thể tiết kiệm tới 11 GW công suất các nguồn phát mới vào năm 2030 nếu nỗ lực thực hiện tối đa các biện pháp đầu tư TKNL, đặc biệt là ở khối các doanh nghiệp công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng như sắt thép, xi măng có khả năng cắt giảm đến 30% phát thải khí nhà kính từ hoạt động này.

Tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc (UNFCCC) về biến đổi khí hậu lần thứ 21 (COP21), Việt Nam đã cam kết thực hiện việc cắt giảm khí nhà kính 8% bằng nguồn lực trong nước và tăng lên 25% nếu có sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế giai đoạn 2021-2030 so với kịch bản phát triển thông thường. Theo báo cáo Đóng góp quốc gia tự xác định (NDC) của Việt Nam, phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng chiếm đến 85% tổng phát thải khí nhà kính quốc gia vào năm 2030. Do đó, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nếu được tổ chức và thực hiện tốt sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nguồn năng lượng của quốc gia, giúp cho nền kinh tế phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, giúp thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Để đáp ứng nhu cầu năng lượng của quốc gia, đồng thời thực hiện nghĩa vụ cắt giảm phát thải khí nhà kính theo cam kết với cộng đồng quốc tế, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đối với ngành năng lượng. Một trong những giải pháp mang tính chiến lược là sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong toàn xã hội, trong đó tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiêu thụ năng lượng lớn như xi măng, thép, hóa chất, các ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng,... Thực tiễn đã chứng minh, đầu tư cho tiết kiệm năng lượng là giải pháp đa mục tiêu vừa tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường, hiệu quả về kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tăng năng lực cạnh tranh cho các ngành công nghiệp vì giảm giá thành sản xuất, tiết kiệm các chi phí cho năng lượng của doanh nghiệp.

Do đó, đề xuất triển khai Dự án “Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp ở Việt Nam” có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội đất nước và bảo vệ môi trường, tạo tiền đề tốt để thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp và năng lượng, triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và thực hiện NDC của Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Đồng thời, Dự án cũng sẽ góp phần quan trọng trong việc triển khai các chính sách ưu tiên của quốc gia về tiết kiệm và đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.

Trong hợp phần 1, dự án sẽ cung cấp bảo lãnh tín dụng một phần cho các ngân hàng thương mại (PFIs) để chi trả những rủi ro tiềm ẩn của khoản vay (khoản vay PFI) được cho vay bởi các PFIs đối với các doanh nghiệp công nghiệp (IE) và các công ty dịch vụ năng lượng (ESCO) đối với những tiểu dự án TKNL phù hợp. Những tiểu dự án này thuộc về ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng như xi măng, sắt thép, giấy và bột giấy. Những biện pháp TKNL tiềm năng sau sẽ được áp dụng: (a) áp dụng công nghệ công nghiệp tiết kiệm năng lượng (ví dụ, nồi hơi công nghiệp, lò nung, hệ thống trao đổi nhiệt hiệu quả); (b) thu hồi và tận dụng chất thải, nhiệt thải; (c) lắp đặt thiết bị điện và cơ khí hiệu suất cao (như động cơ, bơm, thiết bị sưởi ấm và thông gió); và (d) tối ưu hóa hệ thống công nghiệp để giảm sử dụng năng lượng. Trong hợp phần 2, dự án sẽ hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho Bộ Công Thương, các doanh nghiệp công nghiệp, các ngân hàng thương mại để thúc đẩy sự phát triển chính sách tiết kiệm năng lượng, thu hút đầu tư, những thỏa thuận công nghiệp.

Những tiểu dự án nhận bảo lãnh một phần của NHTG không được xác định qua việc thẩm định. Thêm vào đó, bản chất tự nhiên và vị trí của những sự đầu tư trong dự án VEEIE ban đầu và Dự án thúc đẩy này là tương tự nhau. Như vậy, trong giai đoạn chuẩn bị, Khung chính sách môi trường và xã hội cho dự án VEEIE ban đầu được Bộ Công Thương cập nhật để đảm bảo rằng nó phù hợp cho Dự án này. Khung chính sách môi trường và xã hội cung cấp hướng dẫn và đưa ra những yêu cầu để đảm bảo việc tuân thủ an toàn của dự án trong giai đoạn thực hiện. Khung chính sách môi trường và xã hội này tuân theo chính sách an toàn của NHTG và các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường.

Khung chính sách môi trường và xã hội đưa ra các quy trình bao gồm: (i) cơ chế sàng lọc để loại trừ các tiểu dự án không phù hợp, (ii) xác định những tác động môi trường và xã hội liên quan tới dự án TKNL và các biện pháp giảm thiểu; (iii) quy trình chuẩn bị và chấp thuận/làm rõ tài liệu đánh giá môi trường theo các quy định của Chính phủ Việt Nam và chính sách an toàn của NHTG bao gồm sự thẩm định môi trường và xã hội của tổ chức/doanh nghiệp công nghiệp như là một phần của Khung chính sách môi trường và xã hội; (iv) giám sát, tổ chức thực hiện và nguồn tài chính cho việc thực hiện Khung chính sách môi trường và xã hội; và (v) những yêu cầu về tham vấn cộng đồng, công bố thông tin theo chính sách an toàn của NHTG.

Khung này được Bộ Công Thương sử dụng và được đưa vào Sổ tay vận hành dự án để đảm bảo rằng các vấn đề môi trường và xã hội sẽ được cân nhắc đồng thời với các yêu cầu khác trong quá trình thực hiện dự án và có thể cả ở giai đoạn sau của dự án.

Những tài liệu an toàn xã hội gồm Khung chính sách tái định cư (RPF) và Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF) của dự án được chuẩn bị riêng và trình lên NHTG. Sàng lọc an toàn và chuẩn bị Kế hoạch quản lý môi trường (EMP), Kế hoạch tái định cư (RP), và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) cho các tiểu dự án sau này sẽ được tiến hành trong giai đoạn thực hiện.

II. MÔ TẢ DỰ ÁN

II.1. Mục tiêu và các hợp phần của dự án

Mục tiêu phát triển dự án (PDO): Mục tiêu phát triển dự án nhằm nâng cao việc sử dụng năng lượng hiệu quả trong ngành công nghiệp của Việt Nam thông qua việc huy động từ nguồn vốn thương mại.

Các hợp phần dự án: Dự án gồm hai hợp phần có liên quan mật thiết với nhau. Dự án bổ sung cho dự án Hiệu quả năng lượng cho các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam (VEEIEs) đang thực hiện bằng cách đầu tư tiết kiệm năng lượng tương tự trong lĩnh vực công nghiệp và chia sẻ việc thực hiện.

(1) Hợp phần 1: Quỹ chia sẻ rủi ro (RSF)

GCF cung cấp một khoản tài trợ không hoàn lại khoảng 3 triệu USD để trả cho tổ chức thực hiện chương trình (PIEs) bao gồm chi phí hoạt động của các đơn vị PIEs và giải quyết các vấn đề phát sinh từ các bảo lãnh trong những năm đầu hoạt động của dự án (nếu có) để đánh giá GCF RSF do Ngân hàng Thế giới quản lý.

Các PIE sẽ thực hiện các hoạt động liên quan đến cung cấp các bảo lãnh tín dụng cho các dự án vay vốn cho Hiệu quả năng lượng cho các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam, tạo điều kiện cho dự án đầu tư hiệu quả năng lượng để đánh giá 75 triệu USD từ RSF do GCF phát triển và được Ngân hàng Thế giới ủy quyền.

Quỹ sẽ cung cấp bảo lãnh tín dụng một phần (sub-guarantee) cho các đơn vị tài chính tham gia (PFIs) để bảo lãnh cho khoản vay của doanh nghiệp công nghiệp (IE). Trong trường hợp các doanh nghiệp công nghiệp không đủ tiền chi trả nợ sẽ dẫn đến việc không thể trả được các khoản vay cho PFI, RSF sẽ thanh toán với mức bảo đảm trung bình ước tính là 50% số nợ trong giai đoạn dự án.

Hiện tại, theo cơ chế giao dịch thông thường, các PFI quyết định mức lãi suất khi xem xét, đánh giá, thẩm định và đàm phán với các IE để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, với việc cung cấp khoản nợ trung bình ước tính 50% từ GCF, đây sẽ là một trong những yếu tố để các ngân hàng thương mại xem xét giảm lãi suất cho vay do các yếu tố rủi ro chung của dự án và yêu cầu thế chấp thấp hơn. Ngoài ra, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng quỹ ODA cũng sẽ được tập trung vào việc hỗ trợ các hoạt động chuyên môn của PFI (như lựa chọn, thẩm định, quản lý dự án) và xây dựng năng lực cho PFI để giảm chi phí đầu vào, từ đó góp phần giảm lãi suất cho vay IE. Các doanh nghiệp công nghiệp, ESCO và các công ty tư vấn cũng sẽ được cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thiết yếu để phát triển dự án, nâng cao năng lực và quảng bá hình ảnh trong quá trình thực hiện dự án. Trong quá trình phát triển dự án, Ngân hàng Thế giới và Bộ Công Thương đã tiến hành một loạt các hội thảo tư vấn với sự tham gia của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính, PFI, các bên điều bày tỏ sự quan tâm đối với quỹ bảo hiểm và đề xuất giảm lãi suất cho vay từ 1 - 1,5% khi khoản vay được bảo hiểm. Tất cả các

yếu tố này sẽ góp phần tăng tính khả thi của từng tiểu dự án hiệu quả năng lượng cũng như tính khả thi của VSUEE trong quá trình thực hiện dự án.

(2) Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp để đạt được mục tiêu hiệu quả năng lượng; hỗ trợ phát triển các mô hình kinh doanh hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật để thúc đẩy ứng dụng các giải pháp quản lý năng lượng cho các ngành công nghiệp Việt Nam.

- Xây dựng năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Bộ, địa phương, khu công nghiệp, cơ sở tiêu thụ năng lượng chủ chốt, hỗ trợ triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn và dài hạn về nguồn nhân lực trong lĩnh vực hiệu quả năng lượng, đào tạo, hội nghị, hội thảo, truyền thông, chia sẻ kinh nghiệm trong và ngoài nước liên quan đến hiệu quả năng lượng trong các ngành công nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh.

- Xây dựng năng lực cho các PFI để nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc xác định, thẩm tra và thực hiện các dự án cho vay hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và phát triển kinh doanh các sản phẩm hiệu quả năng lượng.

- Xây dựng năng lực cho IE và các nhà cung cấp dịch vụ hiệu quả năng lượng (Công ty dịch vụ năng lượng - ESCOs) để xác định các dự án hiệu quả năng lượng và thực hiện kiểm toán năng lượng, thiết kế kỹ thuật và chuẩn bị dự án để phát triển các dự án ngân hàng có thể cho vay;

- Hỗ trợ thực hiện cam kết của NDCs về năng lượng, công nghiệp để thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu như phát triển và vận hành các hệ thống MRV để giảm GHG ở cấp ngành, tiểu ngành, nghiên cứu phát triển các hệ số phát thải khí nhà kính ở một số ngành có phát thải cao, phát triển đề xuất NAMA và cơ chế thực hiện cho một số ngành công nghiệp tiềm năng, thí điểm phát triển mô hình phát thải carbon thấp cho các doanh nghiệp công nghiệp;

- Hỗ trợ quản lý, giám sát, vận hành dự án cũng như vận hành Văn phòng dự án, mua thiết bị, thuê văn phòng cho nhân viên dự án và chuyên gia, hỗ trợ đi lại, chỗ ở và công tác phí cho người quản lý dự án và nhân viên hỗ trợ.

Một chương trình và kế hoạch nâng cao năng lực cho Bộ Công thương, các PFIs, và các IEs, kế hoạch mua sắm liên quan sẽ được xây dựng trong 18 tháng đầu.

II.2. Đối tượng hưởng lợi từ dự án

Dự án hướng tới các doanh nghiệp công nghiệp (IEs) và các ngân hàng thương mại tham gia (PFIs) ở phạm vi toàn quốc. Các IEs sẽ hưởng lợi từ việc cải tiến công nghệ và tối ưu hóa sản xuất dẫn tới giảm sử dụng năng lượng và giảm giá thành sản xuất, nhờ đó tăng tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế. Các PFIs hưởng lợi từ việc tạo ra sản phẩm vốn vay mới cho tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp, nâng cao năng lực cho việc thẩm định và giám sát, nhờ đó thúc đẩy cho vay tiết kiệm năng lượng cho lĩnh vực công nghiệp. Các tổ chức chính phủ tham gia sẽ được hỗ trợ nâng cao năng lực trong việc xây

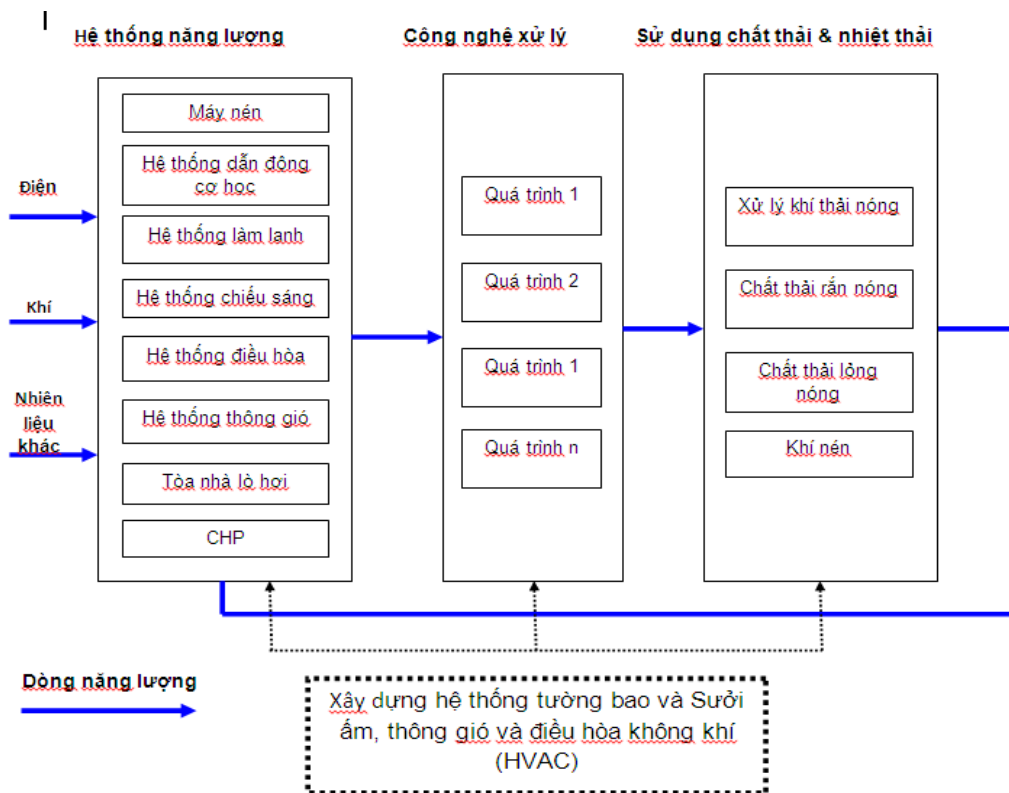
dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn về tiết kiệm năng lượng.

II.3. Các kiểu tiêu dự án dự kiến

Công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tùy thuộc vào các phân ngành, tuy nhiên, các biện pháp điển hình nhằm tiết kiệm năng lượng bao gồm:

- Các hệ thống sinh năng lượng (Energy System): nâng cấp lò hơi, chuyển đổi nhiên liệu, các hệ thống điều khiển tự động và phát động hành bao gồm các hệ thống nén khí, làm mát điện tử, chiếu sáng và các thiết bị thành phần;
- Công nghệ chế biến (Process Technology): nâng cấp và thay thế các thiết bị, máy móc và các thành phần phụ;
- Sử dụng nhiệt dư và chất thải (Waste Heat and Waste Use): sử dụng nhiệt dư (các khí chất lỏng và chất rắn có nhiệt độ nóng/ấm) và đốt các chất thải (dạng khí, lỏng và rắn).
- Sử dụng các nguồn NLTT (Renewable Energy): để giảm lượng nhiên liệu hoặc điện tiêu thụ trong các doanh nghiệp công nghiệp.

Biểu đồ sau đây mô tả các dòng năng lượng và các hạng mục đầu tư điển hình của các doanh nghiệp công nghiệp:



Hình 1: Các giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả tiềm năng

Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng như xi măng, luyện thép, giấy và bột giấy, chế biến thực phẩm, gốm và gạch xây dựng, đây là những tiêu dự án mục tiêu.

Dưới đây là danh mục các dự án hiệu quả năng lượng và tiết kiệm năng lượng tiềm năng của ba lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng bao gồm xi măng, sắt thép, giấy và bột giấy.

Ngành công nghiệp xi măng, bao gồm nhưng không giới hạn những dự án sau:

- Sử dụng máy nghiền kiểu trục lăn để nghiền vật liệu thô,

- Cải tạo các quạt lò hơi và tối ưu hóa hoạt động của quạt,
- Lắp đặt các thiết bị điều tốc,
- Sử dụng nhiên liệu từ chất thải và thu hồi nhiệt thải,
- Tận dụng nhiệt khói thải để phát điện.

Ngành công nghiệp luyện thép, bao gồm nhưng không giới hạn những dự án sau:

- Sử dụng các vòi đốt/vòi phun nhiên liệu kèm oxy,
- Xây dựng các quy trình sản xuất khép kín,
- Thay thế các máy nén khí có hiệu suất thấp,
- Lắp đặt các động cơ biến tần để có thể hoạt động ở trạng thái thấp hoặc phụ tải giao động,
- Tận dụng nhiệt từ khí thải (nhiệt thải từ các lò hồ quang điện, lò, lò nung clinker v.v.),
- Gia nhiệt cho các khí đốt cho buồng đốt

Ngành công nghiệp giấy và bột giấy, bao gồm nhưng không giới hạn những dự án sau:

- Đầu tư lò hơi mới hiệu quả hơn cho đồng phát (nhiệt và điện),
- Thay thế các động cơ,
- Chuyển đổi công nghệ sang sử dụng nhiên liệu sinh khối,
- Tận dụng chất thải hoá học để đốt.

III. CÁC KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

III.1. Các luật và quy định của Việt Nam

Các Luật, quy định và tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam sau đây được áp dụng cho dự án:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014.
- Luật Di sản văn hóa năm 2009 có bổ sung và sửa đổi.
- Luật lao động số 10/2012/QH13. Luật này quy định tiêu chuẩn lao động; quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện của người lao động, tổ chức đại diện của người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.
- Luật An toàn, Vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015. Luật này quy định đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động; chính sách và quy định đối với tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm và quyền của các tổ chức và cá nhân trong an toàn và vệ sinh lao động và quản lý nhà nước về an toàn và vệ sinh lao động.
- Luật phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Luật này quy định về phòng cháy chữa cháy; thiết lập nguồn nhân lực, thiết bị và máy móc và chính sách về phòng cháy chữa cháy
- Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết việc thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường.
- Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về bảo vệ môi trường. Nghị định này quy định vi phạm hành chính trong bảo vệ môi trường bao gồm (i) vi phạm kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường và các dự án bảo vệ môi trường; (ii) các hành động gây ô nhiễm môi trường; (iii) vi phạm quản lý chất thải, v.v.
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP dated 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

- Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của nghị 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.
- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý Chất thải nguy hại.
- Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.
- Các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia bao gồm như không giới hạn như liệt kê dưới đây:
 - + QCVN 07: 2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại.
 - + QCVN 23: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng - National Technical Regulation on Emission of Cement Manufacturing Industry.
 - + QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện - National Technical Regulation on Emission of Thermal Power industry.
 - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dusts.
 - + QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy.
 - + QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên.
 - + QCVN 13-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.
 - + QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước mặt;
 - + QCVN 09:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước ngầm;
 - + QCVN 10:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước biển ven bờ;
 - + QCVN 11:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải công nghiệp chế biến thủy sản;
 - + QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải sinh hoạt;
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
 - + QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải công nghiệp;
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn;

- + QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp.
- + QCVN 61-MT:2016/BTNMT National Technical Regulation on Solid Waste Incinerator
- + QCVN 18:2014/BXD – National Technical Regulation on Safety in Construction

III.2. Các chính sách bảo vệ của Ngân hàng Thế giới

Chính sách an toàn xã hội và môi trường của NHTG là nền tảng để hỗ trợ giảm nghèo một cách bền vững. Mục tiêu của các chính sách nhằm tránh và giảm thiểu tác hại bất thường đối với con người và môi trường trong quá trình phát triển. Các chính sách của NHTG nhằm hướng dẫn người vay xác định, lập và thực hiện các chương trình và dự án.

Các chính sách an toàn xã hội và môi trường của NHTG áp dụng vào VSUEE được liệt kê trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới được kích hoạt bởi dự án

Chính sách của Ngân hàng Thế giới	Kích hoạt
Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01)	Có
Các khu cư trú tự nhiên (OP/BP 4.04)	Không
Rừng (OP4.36)	Không
Quản lý vật gây hại (OP 4.09)	Không
Tài nguyên văn hóa (OP 4.11)	Có
Người bản địa/dân tộc ít người (OP/BP 4.10)	Có
Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12)	Có
An toàn Đập (OP/BP 4.37)	Không
Dự án đường thủy quốc tế (OP/BP 7.50)	Không
Dự án trong các khu vực tranh chấp (OP/BP 7.60)	Không

Hướng dẫn tạm thời của Ngân hàng Thế giới về việc áp dụng Chính sách an toàn về Kỹ thuật sẽ áp dụng cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật được tài trợ theo dự án liên quan đến hỗ trợ phát triển chính sách. Các ĐKTC cho các hoạt động này sẽ bao gồm yêu cầu bắt buộc phải bao gồm phân tích các tác động môi trường tiềm năng của các chính sách được đề xuất

Các định nghĩa và yêu cầu của NHTG về các chính sách an toàn môi trường được thể hiện như sau:

OP/BP 4.01 - Đánh giá môi trường

Trong các chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới, mục tiêu của chính sách đánh giá môi trường là để cải thiện việc ra quyết định nhằm đảm bảo dự án được lựa chọn mang tính lành mạnh và bền vững, và những người có khả năng bị ảnh hưởng được tham vấn một cách phù hợp. Để đáp ứng mục tiêu này, chính sách của NHTG xác định rõ các thủ tục, gồm: (a) xác định mức độ rủi ro môi trường (sàng lọc) liên quan đến dự án, (b) đánh giá các tác động

môi trường tiềm ẩn và các biện pháp sẽ được áp dụng để giảm các tác động môi trường đến mức chấp nhận được (quản lý và đánh giá môi trường), (c) đảm bảo người bị ảnh hưởng bởi dự án có thông tin đầy đủ về rủi ro môi trường và biện pháp xử lý các tác động (tham vấn cộng đồng), (d) chắc chắn các thủ tục liên quan đến quá trình đánh giá môi trường được công bố phù hợp và minh bạch đến công chúng (công bố thông tin) và (e) gồm các biện pháp thực hiện và giám sát các cam kết liên quan đến các phát hiện và các khuyến nghị trong tài liệu đánh giá môi trường (kế hoạch quản lý môi trường).

Căn cứ theo OP/BP 4.01, NHTG phân loại các dự án dựa trên quy mô, phạm vi, vị trí, mức độ nhạy cảm của dự án và đặc điểm cũng như mức độ của các tác động môi trường tiềm ẩn. Một dự án gây ra các tác động xấu nghiêm trọng cho môi trường mà không thể đảo ngược và chưa có tiền lệ được phân loại dự án là loại A. Với loại dự án này sẽ phải tiến hành đánh giá môi trường đầy đủ. Các dự án loại B là những dự án có tác động môi trường ít hơn, đặc thù theo từng khu vực, chỉ một số ít là không thể đảo ngược, và trong hầu hết các trường hợp thì các biện pháp giảm thiểu có thể được thiết kế dễ hơn là dự án loại A.

Dự án loại B yêu cầu cần có Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) hoặc Đánh giá tác động môi trường với phạm vi hẹp hơn loại A. Dự án gây ra ít hoặc không có tác động tiêu cực được xếp vào loại C và không cần tiến hành đánh giá môi trường.

Loại cuối cùng là Tổ chức tài chính trung gian (Financial Intermediary – FI) nếu có sự tham gia đầu tư của quỹ ngân hàng thông qua các tổ chức tài chính trung gian, các tiểu dự án có thể gây ra những tác động môi trường bất lợi.

VSUEE được phân loại là một dự án Tài chính trung gian FI có sự tham gia của các tổ chức tài chính trung gian được gọi là Tổ chức tài chính tham gia (PFIs). Sở tay hoạt động sẽ được xây dựng để chỉ ra các tiêu chí lựa chọn đối với các bên cho vay lại và các tiểu dự án, quy trình và hướng dẫn phê duyệt, vai trò và trách nhiệm của PFIs và Chính phủ, bố trí thể chế nội bộ của các PFIs' để thực hiện dự án, đánh giá kỹ thuật, môi trường và xã hội, khuôn khổ quản lý tài chính, mua sắm thiết bị phải tuân thủ với các quy định và thủ tục của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện dự án, PFIs sẽ phải có trách nhiệm xác định, thẩm định và hỗ trợ tài chính cho các tiểu dự án đảm bảo thỏa mãn các tiêu chí trong OM và chịu trách nhiệm về các rủi ro liên quan. Ngoài ra, trong suốt quá trình thực hiện, PFIs và MOIT sẽ chịu trách nhiệm giám sát và cung cấp những hỗ trợ cần thiết để thực hiện chính sách an toàn. PFIs và MOIT căn cứ trên các quy trình được đưa ra trong ESMF này để đảm bảo rằng các tiểu dự án hoàn toàn tuân theo các chính sách an toàn của Ngân hàng và thỏa mãn các yêu cầu về môi trường của quốc gia, cơ quan quản lý địa phương. ESMF sẽ là một phần của Sở tay vận hành dự án.

Thông qua thiết kế, dự án VSUEE có sự tham gia của các hoạt động xây dựng nhỏ để lắp đặt và thay thế các thiết bị và công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả trong Hợp phần 1 và kích hoạt chính sách của NHTG về đánh giá môi trường (OP/BP 4.01) và Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11); Người bản địa (OP/BP 4.10) với sự có mặt của người dân tộc thiểu số hoặc gắn với với tài nguyên thiên nhiên, đất đai trong khu vực của tiểu dự án; và Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12) khả năng của việc lấy đất dẫn đến việc phải tái định cư hoặc mất nhà, mất tài sản, mất nguồn thu nhập hoặc phương tiện duy trì sinh kế. Bất kỳ tiểu dự án nào kích hoạt các chính sách an toàn khác sẽ phải hỏi ý kiến của Ngân hàng trước.

OP/BP 4.11 Tài nguyên văn hóa vật thể

Mục tiêu của chính sách là tránh hoặc giảm nhẹ các tác động bất lợi đối với tài nguyên văn hoá vật thể của các dự án phát triển do NHTG tài trợ. Tài nguyên văn hoá vật thể bao gồm những vật thể di dời hoặc không di dời, các địa điểm, kết cấu, nhóm kết cấu và những đặc điểm tự nhiên và cảnh quan tự nhiên có giá trị về khảo cổ, sinh vật cổ, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, thẩm mỹ hoặc giá trị văn hoá khác.

Như một phần của quá trình đánh giá tác động môi trường, các tiểu dự án có ảnh hưởng đến các tài sản văn hoá được bảo vệ hợp pháp, và/hoặc đặc biệt được coi là quan trọng hoặc nhạy cảm đối với người dân địa phương (ví dụ khu vực mồ mả), là điều kiện không hợp lệ để được tài trợ trong khuôn khổ dự án VSUEE.

Dự án sẽ không gây ra các hoạt động đào đắp lớn, phá dỡ, vận chuyển đất, lũ lụt, hoặc thay đổi môi trường khác. Dự án dự kiến sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ tài nguyên văn hoá vật thể nào. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện tiểu dự án, vẫn có khả năng phát hiện các tài nguyên văn hoá vật thể. Do đó, chính sách này được kích hoạt và chuẩn bị các thủ tục, bao gồm trong ESMF, biện pháp bảo vệ các tiểu dự án cụ thể, đấu thầu và các văn bản hợp đồng.

OP/BP 4.10: Người bản địa/dân tộc ít người

Chính sách này được kích hoạt do sự hiện diện tiềm ẩn của các dân tộc ít người hoặc sự gán bó chặt chẽ của họ với đất/ tài nguyên thiên nhiên trong khu vực tiểu dự án. Dự án sẽ đảm bảo rằng các cộng đồng dân tộc ít người sẽ hoàn toàn được hưởng lợi từ dự án và rằng họ sẽ được thông báo đầy đủ và tham khảo ý kiến về dự án, tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm nhẹ. Khung kế hoạch dân tộc thiểu số (Ethnic Minority Planning Framework - EMPF) đã được chuẩn bị để đưa ra các hướng dẫn nhằm đảm bảo tuân thủ với chính sách OP 4.10 của NHTG trong quá trình triển khai dự án. EMPF sẽ bao gồm một phụ lục hướng dẫn cho việc chuẩn bị của SA giữa các cộng đồng dân tộc ít người hoặc các phương án thay thế bao gồm OP 4.10, Phụ lục A - Đánh giá xã hội ở cuối tài liệu.

OP/BP 4.12: Tái định cư bắt buộc

Các loại dự án sử dụng năng lượng hiệu quả được tài trợ trong dự án này có thể bao gồm: (a) sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng (vd: lò hơi, lò nung công nghiệp hiệu suất cao, hệ thống trao đổi nhiệt); (b) thu hồi và tái sử dụng nhiệt thải; (c) lắp đặt các thiết bị cơ khí, thiết bị điện hiệu suất cao (vd: motors, bơm, thiết bị trao đổi nhiệt và thông khí); và (d) tối ưu hóa hệ thống công nghiệp để giảm tiêu thụ năng lượng. Hầu như các tiểu dự án được tài trợ trong nguồn vốn vay này sẽ được triển khai trong doanh nghiệp đang hoạt động sẵn. Tuy nhiên, chính sách này sẽ được kích hoạt nhằm lường trước có thể xảy ra việc thu hồi đất trong quá trình triển khai. Thông qua việc thẩm định, khuôn khổ chính sách về tái định cư đã được chuẩn bị để hướng dẫn việc tuân thủ theo chính sách OP 4.12 của NHTG nếu cần và chuẩn bị Kế hoạch tái định cư trong quá trình thực hiện dự án.

Hướng dẫn chung của Ngân hàng Thế giới về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHS)

Hướng dẫn EHS là các tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và của các ngành công nghiệp đặc thù về thực hành công nghiệp quốc tế tốt (GIIP), như được xác định trong Tiêu chuẩn số 3 của IFC về Phòng chống và giảm thiểu ô nhiễm.

Hướng dẫn EHS đưa ra các biện pháp và mức tính năng thường được Nhóm Ngân Hàng Thế

giới chấp nhận và nhìn chung có thể được thực hiện tại các cơ sở vật chất mới với chi phí hợp lý với công nghệ hiện có.

Nếu các quy định của nước nhận đầu tư khác với các mức tính năng và biện pháp được trình bày trong Hướng dẫn EHS, các dự án cần nên làm theo các quy định nào có tính nghiêm ngặt chặt chẽ hơn. Nếu các cấp độ hay biện pháp ít nghiêm ngặt hơn lại mang tính phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của dự án thì sẽ cần một sự điều chỉnh đầy đủ và chi tiết cho bất cứ phương án thay thế đề xuất nào như một phần của đánh giá môi trường tại địa điểm cụ thể. Điều chỉnh này cần cho thấy sự lựa chọn các mức tính năng thay thế sẽ mang tính bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Các hướng dẫn của NHTG đối với các ngành công nghiệp. Ngoài ra, tùy thuộc vào bản chất của các tiểu dự án đề xuất, các hướng dẫn của Ngân hàng đối với ngành công nghiệp sẽ được áp dụng trong việc thực hiện chương trình VSUEE. Những hướng dẫn này bao gồm, nhưng không giới hạn các nội dung sau::

Đối với các tiểu dự án liên quan đến việc tận dụng sản phẩm lâm nghiệp như nhà máy giấy và bột giấy:

- Hướng dẫn về môi trường, y tế và an toàn cho hoạt động chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ
- Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn đối với bột giấy và các xưởng làm giấy

Đối với các tiểu dự án về kinh doanh nông nghiệp hoặc sản xuất thực phẩm

- Hướng dẫn về môi trường, y tế và an toàn đối với thực phẩm và đồ uống chế biến

Đối với các tiểu dự án xi măng, vôi, gạch gốm, dệt may và các nhà máy thép tích hợp

- Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn đối với sản xuất xi măng và vôi
- Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn đối với sản xuất ngói và gốm sứ
- Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn đối với sản xuất dệt may
- Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn đối với sản xuất thép

Hướng dẫn về sức khỏe môi trường và ngành công nghiệp bao gồm trong phụ lục 7 của ESMF.

Mô tả sơ lược quy trình đánh giá môi trường cho các dự án đầu tư

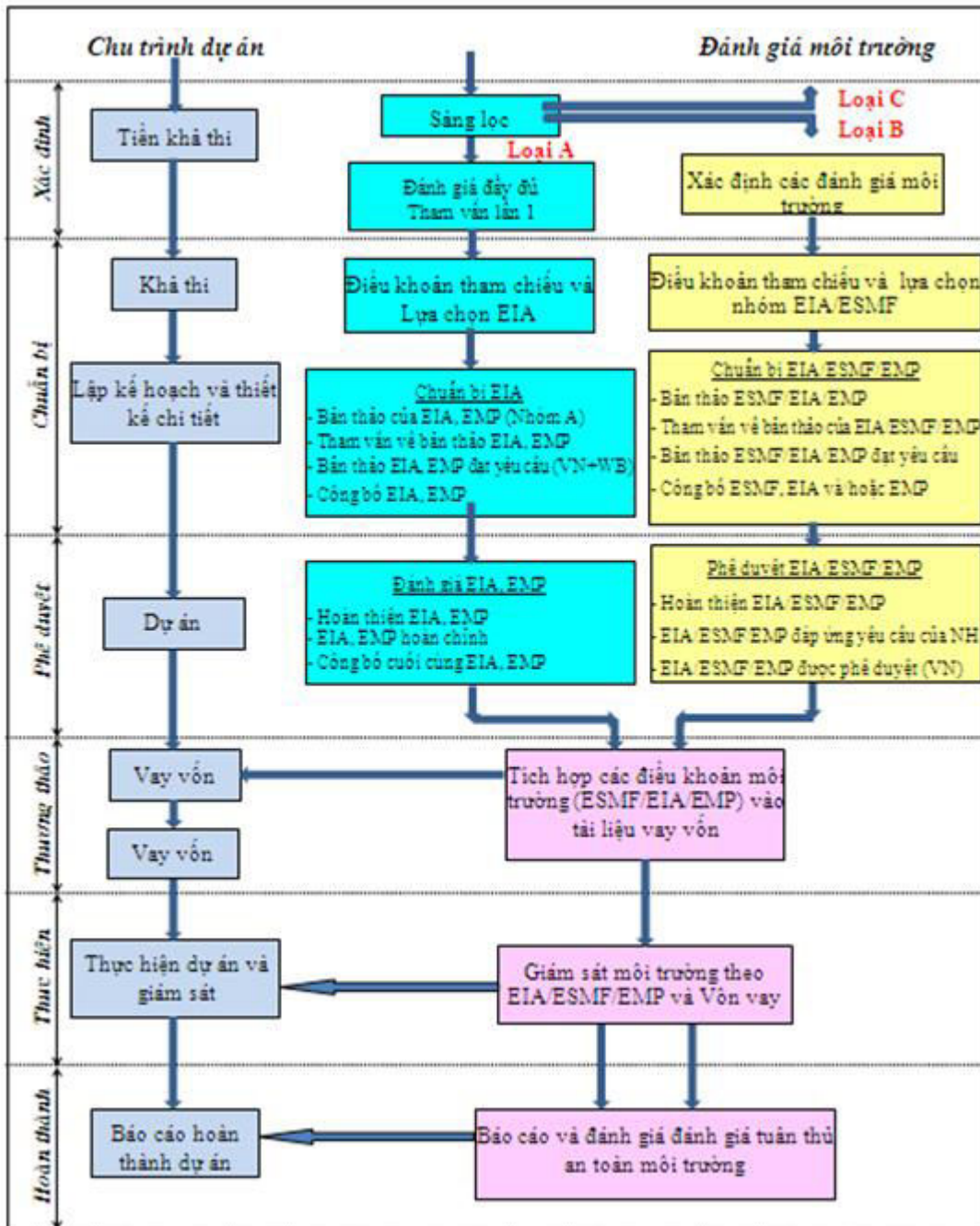
Đối với các tiểu dự án và các Doanh nghiệp Công nghiệp được yêu cầu phải tuân thủ đầy đủ các chính sách môi trường của Việt Nam hiện hành trong suốt vòng đời dự án từ giai đoạn chuẩn bị, phê duyệt, thực hiện và hoàn thành bao gồm các bước được mô tả ở Hình 2 sau đây.

<i>Chu trình dự án</i>		<i>Đánh giá môi trường</i>
	Nghiên cứu tiền khả thi	<u>Chuẩn bị đánh giá môi trường</u>
Chuẩn bị	Nghiên cứu khả thi	- Dự thảo báo cáo ĐTM (tất cả các dự án được liệt kê trong phụ lục IIa, và cột 3 của phụ lục II bổ sung trong Nghị định 40/2019/NĐ-CP và tham vấn cộng đồng về dự thảo báo cáo ĐTM và KHBVMT
	Quy hoạch và thiết kế chi tiết	- Dự thảo KHBVMT (các dự án được liệt kê trong cột 5 của phụ lục II bổ sung Nghị định 40/2019/NĐ-CP)
		<u>Cơ quan phê duyệt ĐTM và KHBVMT:</u>
Thẩm tra, thẩm định	Thẩm tra, thẩm định (Khi ĐTM, KHBVMT được phê duyệt)	- Bộ TNMT phê duyệt tất cả các ĐTM của các dự án nằm trong phụ lục III của Nghị định 40/2019/NĐ-CP. - các Bộ và các cơ quan ngang bộ được phê duyệt báo cáo ĐTM của các dự án còn lại.
		- Các tỉnh chịu trách nhiệm xác nhận KHBVMT được liệt kê trong phụ lục IV của Nghị định 40/2019/NĐ-CP.
Thực hiện	Thực hiện dự án và giám sát	Giám sát và quan trắc Môi trường căn cứ theo DDTM và KHBVMT được phê duyệt
Hoàn thành	Hoàn thành	Xác nhận hoàn thành các Công trình bảo vệ Môi trường và báo cáo giám sát liên tục, định kỳ

Hình 2: Quá trình đánh giá môi trường theo chu trình dự án của Việt Nam

Các PIE và PFI sẽ sàng lọc, xem xét để xác minh tiểu dự án được đề xuất và đảm bảo rằng chủ sở hữu tiểu dự án thực hiện đánh giá môi trường phù hợp cho tiểu dự án. Trước khi phê duyệt tiểu dự án, PFI xác minh rằng tiểu dự án đáp ứng các yêu cầu môi trường quốc gia và phù hợp với các chính sách bảo vệ của NHTG. Nếu tiểu dự án đề xuất sẽ không tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường của Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới, các hành động bổ sung sẽ được yêu cầu.

Đối với một dự án là dự án đầu tư được tài trợ/bảo lãnh của Ngân hàng Thế giới, một quy trình tiêu chuẩn về đánh giá môi trường đã quy định và trở thành một công cụ được công nhận rộng rãi được sử dụng trong kế hoạch phát triển và trong chu trình dự án của NHTG. Chu trình dự án bao gồm các bước được minh họa trong Hình 3 bên dưới.



Theo định nghĩa trong Điều 8 (Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ), quy trình vận động, quản lý và sử dụng vốn vay ưu đãi bao gồm 5 giai đoạn như sau:

- (i) Xây dựng và phê duyệt danh mục tài trợ
- (ii) Chuẩn bị, thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án
- (iii) Ký kết điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi
- (iv) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án
- (v) Giám sát và đánh giá chương trình, dự án

Quá trình đánh giá môi trường theo vòng đời dự án ODA theo luật của Chính phủ Việt Nam

được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Các hoạt động thực hiện đánh giá môi trường và kết quả yêu cầu đối với mỗi dự án ODA

<p>Các giai đoạn dự án theo quy định của Việt Nam <i>Quá trình đánh giá môi trường</i></p>	<p>Các hoạt động của quá trình đánh giá môi trường</p>	<p>Kết quả</p>
<p>Xây dựng và phê duyệt danh mục tài trợ <i>Sàng lọc</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các tác động tới môi trường và xã hội có thể xảy ra của dự án được đề xuất. - Lập kế hoạch/chiến lược xác định và giảm thiểu các tác động có thể có của dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích sơ bộ các tác động đến môi trường và xã hội trong đề cương dự án
<p>Chuẩn bị, thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án <i>Chuẩn bị ĐTM – Phê duyệt ĐTM</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận loại dự án để chuẩn bị đánh giá môi trường theo quy định của Việt Nam (Nghị định 40/2019/NĐ-CP, thay thế Nghị định 18/2015/NĐ-CP về Quy hoạch BVMT, ĐTM, ĐMC và KHBVMT) và/hoặc tham vấn các bên liên quan theo quy định. - Chuẩn bị Báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT tuân thủ theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT. - Lập Chương trình giám sát và quản lý môi trường (EMMP) trong Báo cáo ĐTM. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt ĐTM và/hoặc EPP. - Tóm tắt ĐTM hoặc KHBVMT thành 1 chương trong báo cáo dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi).
<p>Thương thảo và ký kết vốn vay ưu đãi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không cần thực hiện thêm 	<ul style="list-style-type: none"> - Không yêu cầu
<p>Tổ chức thực hiện <i>Giám sát sự tuân thủ theo ĐTM hoặc KHBVMT</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ dự án (ÍE) và đơn vị đại diện (thường là PMU – Ban quản lý dự án) có trách nhiệm thực hiện các hoạt động của dự án theo những nội dung được quy định trong báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT. - Cơ quan quản lý môi trường có trách nhiệm giám sát, theo dõi quá trình thực hiện các nội dung được cam kết trong ĐTM hoặc KHBVMT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện EMP/lập kế hoạch lấy mẫu (nếu cần).
<p>Hoàn thành dự án <i>Đánh giá cuối cùng</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi dự án đi vào hoạt động, các cơ quan quản lý môi trường thuộc các cấp sẽ xem xét, 	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận hoàn thành các hoạt động bảo vệ môi

	kiểm tra tất cả các hoạt động về bảo vệ môi trường của dự án đã được thực hiện đầy đủ theo nội dung được phê duyệt trong ĐTM và/hoặc KHBVMT.	trường trong quá trình xây dựng
--	--	---------------------------------

* Đề cương chi tiết của một DPO được mô tả trong Phụ lục II A của Nghị định 38/2013.

** Nội dung hồ sơ dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi) được nêu tại Phụ lục III A của Nghị định 38/2013

Quy trình đánh giá môi trường của NHTG trong các giai đoạn cho vay và mối quan hệ của nó với các quy định của Việt Nam được thể hiện tương ứng trong Bảng 3.

Bảng 3: Quy trình đánh giá môi trường theo quy định của Việt Nam và NHTG

<i>Thời gian chỉ định cho quá trình đánh giá môi trường¹</i>	<i>Các yêu cầu về an toàn môi trường của NHTG</i>	<i>Các yêu cầu về quản lý môi trường của Chính phủ</i>	<i>Trách nhiệm của Chính phủ</i>	<i>Trách nhiệm của NHTG</i>
Nhận biết (3 - 12 tháng)	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách ngăn các đề xuất đầu tư phù hợp được yêu cầu từ Chính phủ Việt Nam để đưa vào xem xét ban đầu. - Vấn đề có thể xảy ra được xác định theo các Chính sách an toàn được kết hợp trong dự án. - Các loại môi trường bắt buộc đối với dự án. - Công cụ bảo vệ được xác định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo đề cương chi tiết của dự án (DPO) cần được chuẩn bị, khi được yêu cầu bởi Chính phủ Việt Nam từ Nguồn Hỗ trợ phát triển Chính thức (ODA), trong đó bao gồm một phần tóm tắt của Đánh giá môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cử cán bộ môi trường và xã hội làm việc với nhóm của NHTG. - Cung cấp cho NHTG các tài liệu/thông tin về dự án/tiểu dự án tiềm năng bao gồm vị trí dự án, phạm vi và loại hình dự án đầu tư, độ nhạy cảm (bao gồm các nghiên cứu tiên khả thi, báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường (EPP²), v.v...). - Thực hiện khảo sát địa điểm và gặp gỡ các bên liên quan về các tác động môi trường tiềm ẩn. 	<p>Thực hiện và hoàn thành các ghi chú nội bộ ý tưởng dự án (PCN) phân thành các giai đoạn quá trình xem xét giải pháp bảo vệ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sàng lọc dự án theo (1) các vấn đề tiềm ẩn về môi trường và xã hội lớn, (2) nhận biết các chính sách an toàn được kích hoạt, và (3) phân loại dự án; - Đánh giá năng lực về thực hiện chính sách an toàn của khách hàng; - Tư vấn cho người vay về thủ tục và các yêu cầu về An toàn Môi trường của NHTG bao gồm tham vấn và công bố thông tin; và - Tư vấn cho bên vay về loại báo cáo đánh giá môi trường hoặc công cụ bảo vệ cần được chuẩn bị (ví dụ: ĐTM, Khung chính sách an toàn Môi trường và xã hội ESMF, Kế hoạch quản lý môi trường EMP, ...)
Chuẩn bị (10 tháng – 3 năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án loại A: i) NHTG sẽ xem xét và làm rõ các điều khoản tham chiếu của báo cáo ĐTM đầy đủ; ii) ít nhất hai cuộc tham vấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn tư vấn có đủ điều kiện tiêu chuẩn để chuẩn bị các báo cáo ĐTM và các tài liệu khác. - Điều khoản tham chiếu về 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án loại A: NHTG yêu cầu thực hiện ít nhất 2 lần tham vấn cộng đồng. - Đối với các dự án loại B: Chuẩn bị một Điều khoản tham chiếu phù 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, cung cấp các ý kiến về và làm rõ dự thảo điều khoản tham chiếu cho các dự án loại A. - Thực hiện khảo sát địa điểm và tham gia các cuộc họp tham vấn các bên liên quan (nếu cần)

¹Thời gian chỉ định cho quá trình đánh giá môi trường có thể khác nhau tùy thuộc mức độ phức tạp của dự án.

² Chương trình bảo vệ môi trường EPP là một dạng đơn giản của EIA áp dụng cho các dự án nhỏ và có rủi ro môi trường thấp được quy định trong thông tư về Đánh giá môi trường của Chính phủ

	<p>cộng đồng phải được thực hiện, một là ngay khi sàng lọc các vấn đề môi trường, và trước khi hoàn thành các điều khoản tham chiếu và tham vấn khi hoàn thành dự thảo báo cáo ĐTM; iii) Một bản tóm tắt ĐTM được trình lên Ban Thực thi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án loại B: có ít nhất 01 lần tham vấn cộng đồng. - Các công cụ đánh giá Môi trường (ĐTM/ESMF/EMP) được chuẩn bị đáp ứng các yêu cầu của Quốc gia và NHTG. - Thiết lập mốc thời gian và các yêu cầu cho bên độc lập (ví dụ: bên chuyên gia đối với các dự án loại A tiềm ẩn những rủi ro cao) hoặc giám sát bên thứ 3 (đánh giá kiểm tra) khi được dự báo. - Công bố tất cả các tài liệu an toàn liên quan tại địa phương và tại Infoshop trước khi bắt đầu nhiệm vụ thẩm định và 120 ngày³ trước thời hạn của Ban thực thi. 	<p>đánh giá môi trường đảm bảo đáp ứng thỏa đáng các yêu cầu của NHTG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách cho các hợp đồng (nếu được trả từ nguồn của đối tác) phải được chuẩn bị sẵn sàng. - Đánh giá môi trường (ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường) đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của Việt Nam và NHTG và phải được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt. - Nghiên cứu khả thi đáp ứng được các yêu cầu của Việt Nam và NHTG. - Gửi báo cáo tóm tắt đánh giá môi trường (tiếng Anh) đến Giám đốc của Ban Thực thi của NHTG. - Làm rõ các yêu cầu giám sát, báo cáo giải pháp an toàn của Bên vay trong Sổ Tay Hoạt động của dự án. 	<p>hợp cho ĐTM/ESMF/EMP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo rằng Điều khoản tham chiếu được NHTG cân nhắc và xem xét yếu tố kỹ thuật. - Thuê tư vấn để chuẩn bị các báo cáo Đánh giá Môi trường kể cả tư vấn trong suốt quá trình thực hiện. - Xem xét và đảm bảo chất lượng của các dự thảo báo cáo đánh giá môi trường. - Đảm bảo rằng các báo cáo Đánh giá môi trường được các cơ quan chức năng phê duyệt. - Đảm bảo rằng tất cả các tài liệu an toàn dự thảo liên quan được công bố kịp thời cho địa phương theo yêu cầu của NHTG. - Đề nghị NHTG công bố các tài liệu dự thảo về an toàn tại Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam (VDIC) và tại InfoShop. - Trình tất cả các báo cáo đánh giá môi trường chính thức cho NHTG để xem xét và làm rõ. - Trình tất cả các báo cáo đánh giá môi trường chính thức cho các cơ quan liên quan để thẩm định và phê duyệt – Bộ TNMT/cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp tỉnh hoặc huyện). 	<p>để xác định các vấn đề/mối quan tâm về môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình chuẩn bị đánh giá môi trường bao gồm cả hướng dẫn Bên vay về nội dung đánh giá môi trường và tham vấn cộng đồng. - Xem xét, đóng góp ý kiến để đảm bảo chất lượng của các báo cáo đánh giá môi trường. - Xem xét năng lực tổ chức của Bên vay để thực hiện các yêu cầu an toàn và tuân thủ trong thiết kế dự án để xem liệu có cần thiết phải nâng cao năng lực cho Bên vay. - Đối với dự án loại A và dự án không chuyên gia: gửi các báo cáo Đánh giá môi trường cho thư ký an toàn vùng (RSS) để xem xét và làm rõ lần cuối. - Đối với dự án loại A: Tóm tắt thực hiện (bằng tiếng Anh) của ĐTM gửi cho Ban Thực thi trước khi bắt đầu nhiệm vụ thẩm định. - Giúp Bên vay công bố dự thảo dự án và tài liệu an toàn hoàn thiện tại InfoShop.
--	--	--	--	---

³Theo Bổ sung của Pelosi, yêu cầu của Chính Phủ Mỹ, Mỹ không thể dành ngân sách ưu tiên cho các hoạt động có tác động lớn đến “môi trường của loài người” ngoại trừ một đánh giá Môi trường (gồm các tài liệu hỗ trợ liên quan như EMP, Kế hoạch hành động Tái định cư RAP, IPP v.v...) đã được công bố tối thiểu 120 ngày trước thời hạn của Ban: (a) trong nước, và (b) tại infoshop của NH. Điều này quy định cho tất cả các dự án có tác động lớn đến môi trường sống của loài người, không kể loại dự án được NH chi định.

	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ NHTG tất cả những báo cáo đánh giá môi trường để xem các tài liệu đó có được NHTG chấp nhận trước khi gửi đi để phê duyệt. Hoặc có thể các báo cáo đánh giá môi trường đó yêu cầu phải sửa đổi bổ sung theo những yêu cầu rõ ràng của NHTG đưa ra. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các báo cáo đánh giá môi trường đã có xem xét những ý kiến đóng góp của NHTG và gửi trở lại cho NHTG để xem xét và làm rõ lần cuối. - Thực hiện công bố cuối cùng thích hợp với tất cả các báo cáo Đánh giá môi trường tại địa phương theo yêu cầu của NHTG. 	
Thẩm định (1 – 3 tháng)	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo đánh giá môi trường hoàn chỉnh và được NHTG chấp nhận trước khi kết thúc nhiệm vụ thẩm định, nếu điều kiện làm rõ đã được yêu cầu đối với Người vay trước khi thẩm định. - Các nghiên cứu đánh giá môi trường cuối cùng được công bố kịp thời cho địa phương tại khu vực dự án, tại VDIC (bằng tiếng Việt Nam) và tại InfoShop (tiếng Anh) theo như quy định của NHTG về truy cập thông tin. - Tích hợp các yêu cầu về an toàn vào Sổ tay hoạt động của dự án - Các quy định về quản lý môi trường (ví dụ ĐTM/EMP/ESMP) được bao trùm trong các điều khoản của Thỏa thuận tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo Đánh giá môi trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Bộ Tài Nguyên và Môi trường BTNMT/cơ quan quản lý địa phương). - Thực hiện tham vấn kịp thời và đúng đắn đối với các báo cáo đánh giá môi trường cuối cùng trong vùng dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành tất cả các báo cáo đánh giá môi trường trên cơ sở các điều kiện và làm rõ của NHTG. - Đảm bảo rằng tất cả các tài liệu an toàn hoàn thiện được công bố phù hợp với yêu cầu của NHTG cho địa phương. - Gửi xác nhận cho NHTG về việc công bố các báo cáo đánh giá môi trường đã hoàn thành. - Đề nghị NHTG công bố các tài liệu an toàn đã hoàn thiện tại InfoShop. - Đảm bảo rằng các yêu cầu báo cáo và giám sát được bao gồm trong Sổ tay hoạt động dự án. - Thiết lập hệ thống quan trắc và giám sát sự tuân thủ các quy định về môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét các nghiên cứu Đánh giá Môi trường và đưa ra các góp ý (nếu cần) để đảm bảo rằng các tài liệu phù hợp với các chính sách an toàn của NHTG. - Đảm bảo rằng các báo cáo đánh giá môi trường được chỉnh sửa và hoàn thành một cách thích hợp và làm rõ nội dung các báo cáo đánh giá môi trường đã thỏa mãn các yêu cầu. - Đảm bảo rằng các báo cáo đánh giá môi trường hoàn thiện được công bố cho địa phương và InfoShop kịp thời và đúng đắn. - Đảm bảo rằng các yêu cầu về báo cáo và quan trắc an toàn được bao gồm trong Sổ tay hoạt động dự án. - Đảm bảo rằng hệ thống giám sát và quan trắc sự tuân thủ các quy định môi trường của Bên vay được thành lập. - Đảm bảo rằng các yêu cầu quản lý môi trường (ví dụ ĐTM/EMP/ESMP) được bao gồm trong các điều khoản của Thỏa thuận tài chính.

Thỏa thuận và phê duyệt (3 – 6 tháng)	<ul style="list-style-type: none"> - Sự hiểu biết và chấp nhận của bên vay với các quy định về quản lý môi trường được bao gồm trong Thỏa thuận Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét và thống nhất các quy định về quản lý môi trường (ví dụ: ĐTM/EMP/ESMP) được quy định trong các điều khoản của Thỏa thuận Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ các quy định về quản lý môi trường (ví dụ: ĐTM/EMP/ESMP) được bao gồm trong các điều khoản của Thỏa thuận Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh các quy định về quản lý môi trường trong Thỏa thuận Tài chính nếu cần và hỗ trợ để người vay hiểu rõ về các quy định đó.
Triển khai (5 – 6 năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý môi trường một cách thoả đáng được chỉ rõ. - Hệ thống giám sát quan trắc môi trường được thiết lập và đầy đủ chức năng thực hiện. - Báo cáo đánh giá môi trường bao gồm EMP được sửa đổi nếu có những thay đổi trong thiết kế dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các quy định về quản lý môi trường của Chính phủ Việt Nam và các chính sách an toàn Môi trường của NHTG. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA đảm bảo hệ thống quản lý môi trường của dự án theo đúng chức năng của mình. - Thỏa mãn liên tục sự tuân thủ về an toàn theo EMP hoặc ESMF. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Bên vay và giám sát sự tuân thủ môi trường trên cơ sở Thỏa thuận Tài chính, ĐTM, EMP, và ESMF.
Hoàn thiện (3-6 tháng)	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét việc thực hiện bảo vệ môi trường trong báo cáo hoàn thành thực hiện (ICR) được Người vay trình lên. Việc xem xét sẽ chỉ ra (1) các giải pháp bảo vệ chính trong vận hành, (2) sự tuân thủ chính sách của NHTG và các quy định mang tính thủ tục (3) Bất kỳ vấn đề phát sinh nào và giải pháp kèm theo được áp dụng, và (4) Bất kỳ sự sai khác quan trọng nào có thể có. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoàn thành dự án của Chính phủ Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận tuân thủ các biện pháp và công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động của dự án. - Chuẩn bị báo cáo ICR đáp ứng các yêu cầu của Chính Phủ Việt Nam và NHTG. - Tiếp tục thực hiện các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại cho đến khi được xác định là đạt yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng nhóm nhiệm vụ của NHTG sẽ chuẩn bị một báo cáo ICR riêng. - Nhóm nhiệm vụ của NHTG xem xét báo cáo giám sát cuối cùng và kiểm soát quá trình lập báo cáo hoàn thành (ICR) để đảm bảo các nội dung (1), (2), (3), và (4) được đánh giá đầy đủ trong báo cáo ICR và yêu cầu Bên vay tiếp tục giải quyết những vấn đề môi trường còn tồn tại.

Phân tích sự khác biệt giữa chính sách của Chính phủ và NHTG

Ở Việt Nam, các bước đánh giá môi trường quan trọng trong chu trình dự án là giai đoạn chuẩn bị và phê duyệt. Trong suốt quá trình chuẩn bị và phê duyệt, hai nguyên tắc liên quan đến tài liệu đánh giá môi trường. Thông thường hệ thống của Chính phủ Việt Nam yêu cầu các báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm thiết kế cơ sở) và tài liệu ĐTM riêng biệt hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (KHBVMT) (với cấu trúc và nội dung được đưa ra trong nghị định số 40/2019/ND-CP ngày 13/05/2019). Ngoài ra, tóm tắt báo cáo ĐTM được đưa vào báo cáo nghiên cứu khả thi. Báo cáo ĐTM riêng (đứng riêng 01 mình) hoặc EPP được cơ quan chức năng xem xét và phê duyệt ví dụ: Bộ TNMT (BTNMT), Sở tài nguyên Môi trường tỉnh hoặc huyện.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản dưới luật cho thấy những nỗ lực của Việt Nam nhằm hài hòa giữa các Chính sách của Chính phủ Việt Nam với chính sách của các nhà tài trợ. Các hướng dẫn chuẩn về các chính sách đánh giá môi trường của Việt Nam đã được thu hẹp dần giữa các hệ thống. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khác biệt quan trọng giữa các chính sách Môi trường của Chính phủ Việt Nam và NHTG như được đưa ra trong bảng 4 dưới đây:

Bảng 4: Phân tích các khác biệt về bảo vệ môi trường giữa quy định của Việt Nam và chính sách của NHTG

Các giai đoạn thực hiện đánh giá Môi trường	Chính sách của NHTG, OP/BP 4.01 về đánh giá môi trường	Nghị định 40/2019/ND-CP, Thông tư 25/2019/TT-BTNMT	Giải pháp bổ sung các khác biệt
Sàng lọc	<p>Loại (A, B, C, FI)</p> <p>Không đưa thành quy định mà tùy theo từng loại để phân loại, nhận biết các chính sách an toàn có thể áp dụng và công cụ đánh giá Môi trường phù hợp.</p> <p>+ NHTG sẽ phân loại dự án thành loại A, B, C, FI theo đặc điểm và mức độ tác động đến môi trường và xã hội có thể xảy ra của dự án.</p> <p>Loại A: Yêu cầu phải có Báo cáo đánh giá môi trường đầy đủ.</p> <p>Loại B: Yêu cầu báo cáo đánh giá môi trường, Khung quản lý Môi trường và xã hội hoặc Kế hoạch quản lý môi trường.</p> <p>Loại C, Không yêu cầu báo cáo đánh giá môi trường.</p> <p>Loại FI: Yêu cầu báo cáo đánh giá môi trường hoặc EA Khung quản lý Môi trường và xã hội.</p>	<p>Loại: (I, II, và III)</p> <p>Phụ lục IIa – Danh mục các dự án sản xuất công nghiệp tiềm ẩn rủi ro ô nhiễm môi trường. Các phụ lục được chia thành 3 nhóm I, II và III.</p> <p>Phụ lục II là Danh mục các dự án yêu cầu phải lập ĐTM hoặc KHBVMT.</p> <p>Phụ lục III là Danh mục ĐTM của các dự án do Bộ TNMT phê duyệt.</p> <p>Phụ lục IV là Danh mục các KHBVMT được cơ quan quản lý Môi trường chức chức địa phương xác nhận.</p> <p>+ Thông thường các chủ đầu tư sẽ tự sàng lọc dự án dựa vào các loại dự án được chỉ ra trong Nghị định 40/2019/ND-CP và tham vấn Sở TNMT tỉnh hoặc Tổng Cục Môi trường Việt Nam để xác định loại dự án và yêu cầu lập báo cáo đánh giá môi trường phù hợp. Tất cả các dự án được quy định trong các danh mục tại phụ lục IIa và II của Nghị định 40 phải được lập báo cáo đánh giá Môi trường.</p> <p>+ Tất cả các dự án không được liệt kê trong các phụ lục IIa và II, III</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cách tiếp cận tùy ý của NHTG (tùy theo từng tiểu dự án cụ thể) để sàng lọc dự án có những tác động lớn và sau đó tìm hiểu rõ ràng dự án thuộc loại đánh giá môi trường nào. - Kiểm tra mức độ và tính nghiêm trọng của các tác động của dự án dựa vào loại và quy mô dự án, vị trí dự án và độ nhạy cảm của các vấn đề môi trường và xã hội, đặc điểm và mức độ tác động có thể xảy ra.

<p>Tài liệu đánh giá môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tùy thuộc vào tác động của dự án, rất nhiều tài liệu được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của NHTG các tài liệu đó bao gồm: ESMF, Đánh giá môi trường cụ thể, EMPs, Đánh giá môi trường ngành và vùng; Đánh giá Môi trường chiến lược ĐMC; Đánh giá rủi ro và tính nguy hại; kiểm toán môi trường. NHTG cung cấp hướng dẫn chung để thực hiện từng loại tài liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Loại tài liệu Đánh giá môi trường gồm có ĐMC hoặc ĐTM được quyết định theo phụ lục IIa, II, III và IV của Nghị định 40/2019/ND-CP. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân theo yêu cầu của NHTG về loại tài liệu đánh giá môi trường cần phải có.
<p>Phạm vi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - NHTG giúp Bên Vay dự thảo các Điều khoản tham chiếu TOR cho báo cáo ĐTM và xác định phạm vi đánh giá môi trường, các quy trình và kế hoạch thực hiện và đề cương của báo cáo đánh giá môi trường. - Với các dự án loại A, yêu cầu phải có các Điều khoản tham chiếu cho báo cáo ĐTM, phạm vi và tham vấn được thực hiện để chuẩn bị các Điều khoản tham chiếu cho báo cáo ĐTM. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều khoản tham chiếu cho Đánh giá môi trường không được quy định. - Thông thường sau khi tham vấn Sở TNMT địa phương, Tổng Cục Môi trường về loại đánh giá môi trường của dự án, Chủ đầu tư sẽ bắt đầu thực hiện báo cáo đánh giá môi trường cho dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều khoản tham chiếu cho ĐMC, ESMF, ĐTM và EMP là thực tiễn tốt để tuân thủ thực hiện. - Tuân theo TOR, phạm vi và các yêu cầu tham vấn.

<p style="text-align: center;">Tham vấn cộng đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện Đánh giá Môi trường, Bên vay tham vấn các nhóm chịu ảnh hưởng của dự án và Chính quyền địa phương về các khía cạnh môi trường của dự án và xem xét các ý kiến của họ. - Với các dự án loại A, Bên vay tham vấn các nhóm này ít nhất hai lần: (a) sau khi sàng lọc các vấn đề môi trường và trước khi hoàn thiện các điều khoản tham chiếu cho đánh giá môi trường; và (b) ngay khi có dự thảo báo cáo đánh giá môi trường. Ngoài ra, Bên vay sẽ tham vấn các nhóm bị tác động trong suốt quá trình thực hiện dự án nếu cần thiết để xác định các vấn đề liên quan đến đánh giá môi trường nào ảnh hưởng đến họ. Với các dự án loại B phải thực hiện ít nhất một lần tham vấn. - Tham vấn một cách có ý nghĩa, Bên Vay cung cấp các tài liệu liên quan của dự án kịp thời trước khi thực hiện tham vấn với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu và dễ tiếp cận với nhóm đối tượng được tham vấn. - Biên bản họp tham vấn được đưa vào trong báo cáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình chuẩn bị ĐTM, Chủ dự án sẽ tham vấn (i) UBND xã, Hội đồng nhân dân (được hiểu là ở cấp xã) nơi mà dự án được thực hiện; và (ii) các đại diện câu cộng đồng dân cư à các tổ chức bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án bằng cách gửi văn bản yêu cầu tham vấn cùng với báo cáo ĐTM/EPP. Sau 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản tham vấn, nếu cơ quan được tham vấn không có văn bản trả lời cho chủ dự án, thì được coi như là đồng ý với chủ dự án về phát triển dự án. - Với các cộng đồng dân cư và các tổ chức chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án sẽ thực hiện theo hình thức họp tham vấn cộng đồng với sự đồng chủ trì của UBND xã và Chủ đầu tư. Đại diện của các tổ chức và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trực tiếp của dự án sẽ được thông báo họp. Kết quả của cuộc họp sẽ được ghi lại bằng văn bản với đầy đủ tất cả các ý kiến thảo luận, chữ ký của đại diện chủ đầu tư, và tất cả các bên tham gia. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham vấn đánh giá môi trường theo quy định của Việt Nam là chưa đủ và Bên vay và tư vấn của Bên vay cần phải thực hiện theo các quy định của NHTG về tham vấn và công bố thông tin trong quá trình thực hiện đánh giá Môi trường. - Thực hiện tốt quá trình tham vấn sẽ có nhiều lợi ích cho giai đoạn thiết kế dự án và đóng góp cho kết quả tốt về môi trường của dự án.
<p style="text-align: center;">Công bố thông tin</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi NHTG bắt đầu quá trình phê duyệt dự án, báo cáo đánh giá môi trường phải hoàn thành để sẵn sàng công bố tại những nơi mà người dân bị ảnh hưởng bởi dự án và các tổ chức phi chính phủ ở địa phương có thể tiếp cận được. Khi NHTG chính thức nhận được báo cáo bằng tiếng Anh và báo cáo này đã được công bố trên Infoshop. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án sẽ thành lập và phê duyệt công bố công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án tại văn phòng UBND xã nơi đã thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư để cung cấp thông tin cho người dân kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện. (Điều 16, Nghị định 18/2015/ND-CP và Điều 1, Nghị định 40/2019/ND-CP). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân theo Chính sách của NHTG về tiếp cận chính sách thông tin trong việc công bố thông tin của dự án bao gồm các báo cáo đánh giá môi trường.

<p style="text-align: center;">Chuyên gia độc lập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Với dự án loại A, Bên vay thuê chuyên gia đánh giá môi trường độc lập không liên quan đến dự án để thực hiện đánh giá Môi trường. - Với các dự án loại A có mức độ rủi ro cao hoặc mối quan tâm đến nhiều khía cạnh môi trường, Bên vay sẽ phải thuê ban tư vấn độc lập, các chuyên gia môi trường quốc tế được công nhận để tư vấn về các khía cạnh liên quan đến đánh giá môi trường của dự án. - Chuyên gia/công ty tư vấn sẽ được chọn thông qua quá trình đấu thầu tư vấn dưới sự giám sát chặt chẽ của NHTG. 	<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam không có quy định. - Chủ dự án sẽ thực hiện hoặc thuê cơ quan chức năng có đủ điều kiện như được quy định tại khoản 1, điều 13 (Nghị định 18/2015/ND-CP và khoản 4 và 5 điều 1 của nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019) để chuẩn bị báo cáo ĐTM. Chủ dự án hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn phải có đủ các điều kiện sau: (i) Có chuyên gia môi trường tốt nghiệp đại học hoặc cao hơn; (ii) Có chuyên gia tốt nghiệp đại học hoặc cao hơn và có chứng chỉ về ĐTM đối với các lĩnh vực liên qua đến dự án; (iii) Có cơ sở vật chất kỹ thuật và các thiết bị chuyên dụng để phục vụ đo đạc, lấy mẫu, xử lý và phân tích các mẫu môi trường, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật. Trong trường hợp không có sẵn các thiết bị chuyên dụng đảm bảo yêu cầu, cần phải thuê đơn vị có chức năng thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân theo Chính sách của NHTG để tránh các mâu thuẫn về lợi ích.
<p style="text-align: center;">Quy trình làm rõ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm xét duyệt là của NHTG. Nếu báo cáo đánh giá môi trường thỏa mãn các yêu cầu của NHTG, NHTG sẽ ban hành thư báo làm rõ. Nếu báo cáo Đánh giá môi trường cần phải được hoàn thiện hơn nữa, NHTG sẽ ban hành một yêu cầu làm rõ có các điều kiện để hiểu rằng Bên vay sẽ phải chỉnh sửa báo cáo đánh giá môi trường theo yêu cầu của NHTG đến khi thỏa mãn tất cả các yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá tác động môi trường sẽ được Hội đồng thẩm định phê duyệt hoặc bên cung cấp dịch vụ phê duyệt (Chỉ áp dụng cho các dự án loại A). - Ủy quyền trách nhiệm xét duyệt cho Bộ TNMT và Sở TNMT tùy thuộc loại và quy mô dự án như được quy định tại phụ lục III của Nghị định 40/2019/ND-CP - Quá trình thẩm định sẽ được thực hiện trong vòng 45 ngày ở cấp Bộ TNMT và 30 ngày cấp Sở TNMT và 25 ngày ở các cấp khác sau khi nhận được báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT đầy đủ và hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngoài các quy định của Việt Nam, yêu cầu tuân thủ quy trình làm rõ và xét duyệt của NHTG.

<p>Số lượng và ngôn ngữ của ĐTM được quy định để phê duyệt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng của báo cáo không được quy định. - Ngôn ngữ yêu cầu: tiếng Anh hoặc tiếng Việt và bản tóm tắt thực hiện bằng Tiếng Anh với dự án loại A. - Không yêu cầu khảo sát nghiên cứu khả thi: NHTG không thảo luận trước về bất kỳ dự án đầu tư nào mà Bên vay không chuẩn bị các nghiên cứu kỹ thuật tối thiểu để minh chứng cho dự án đầu tư đó khả thi trên quan điểm Môi trường-xã hội và kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ dự án phải trình ít nhất 07 bộ báo cáo ĐTM (tùy thuộc vào số lượng thành viên hội đồng thẩm định) và một bộ báo cáo Nghiên cứu khả thi hoặc luận cứ Kinh tế - Kỹ thuật của dự án đề xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân theo hướng dẫn của NHTG và các yêu cầu của Việt Nam
<p>Nội dung của báo cáo ĐTM</p>	<p>Dự án loại A bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nền theo OP 4.01, Phụ lục B – Nội dung của một Báo cáo Đánh giá Môi trường đối với một dự án Loại A. - Báo cáo ĐTM cho một dự án loại B có đặc trưng giống với bảng nội dung của dự án loại A. 	<p>Các dự án loại II và III gồm có các nội dung chính được quy định trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ hướng dẫn tại thông tư 25/2019/TT-BTNMT và mẫu 4 phụ lục VI, mục I của Nghị định 40/2019/NĐ-CP 	<ul style="list-style-type: none"> - Với dự án loại B, tuân theo quy định của Chính phủ Việt Nam. - Với dự án loại A, có hai lựa chọn: i) tuân theo hai nguyên tắc đánh giá ĐTM riêng biệt của NHTG và của Việt Nam; ii) tuân thủ quy định về mẫu ĐTM của Chính phủ Việt Nam sau đó kết hợp với các yêu cầu của NHTG về phân tích kịch bản, đánh giá tác động tích lũy, tham vấn cộng đồng, công bố thông tin và các yêu cầu về EMP.
<p>Giám sát đánh giá môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện dự án, NHTG giám sát các yếu tố môi trường của dự án trên cơ sở các điều khoản môi trường và việc sắp xếp các báo cáo của Bên vay được thống nhất trong thỏa thuận vay vốn và mô tả trong tài liệu của dự án để xác định liệu Bên vay đã tuân thủ các điều khoản môi trường (sơ bộ với EMP) đã thỏa mãn chưa. Nếu Bên vay chưa đáp ứng được các yêu cầu, NHTG sẽ thảo luận với Bên vay về các hành động cần thiết để có thể đáp ứng hoàn toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở TNMT địa phương được ủy quyền giám sát sự tuân thủ các quy định về môi trường của dự án. - Kết thúc giai đoạn xây dựng của dự án, Các cơ quan QLMT sẽ phối hợp với Các cơ quan QLXD để kiểm tra sự tuân thủ các hoạt động quản lý môi trường đã được đưa ra trong nghiên cứu Đánh giá Môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quản lý môi trường của dự án cần phải được thiết lập để giám sát và quan trắc sự tuân thủ các giải pháp an toàn trong quá trình thực hiện. - Tuân thủ theo các yêu cầu trong thỏa thuận vốn vay, EMP và hợp đồng với các nhà thầu quan trắc và giám sát sự tuân thủ các giải pháp an toàn.

Từ kết quả phân tích những sai khác ở bảng trên, ESMF này sẽ bao gồm cả hướng dẫn của NHTG và các quy định của Việt Nam để đưa ra các nguyên tắc, quy định, hướng dẫn và quy trình để đánh giá các tác động môi trường và xã hội của dự án VSUEE, đảm bảo quá trình đánh giá môi trường được thực hiện theo quy định của Quốc gia và OP 4.01. Khung này sẽ cung cấp một quy trình sàng lọc môi trường và xã hội cho phép nhận biết, đánh giá và giảm thiểu các tác động tiềm ẩn của hoạt động/dự án được đề xuất dưới dự án VSUEE ở các khía cạnh chi tiết được biết đến như ở mục IV dưới đây. Khung này cũng đưa ra các hướng dẫn để phát triển các đánh giá môi trường, Kế hoạch Quản lý môi trường cho các tiểu dự án/địa điểm cụ thể, các báo cáo thẩm định. Khung ESMF sẽ được sử dụng để sàng lọc và quản lý các tác động môi trường và xã hội tiềm ẩn phát sinh do việc thực hiện các tiểu dự án thuộc dự án VSUEE.

IV. CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ

IV.1. Các tác động có thể xảy ra

Nhìn chung dự án này mang lại những lợi ích cho các ngành công nghiệp và môi trường, góp phần giảm thiểu phát thải các chất ô nhiễm và KNK, tăng tiết kiệm năng lượng và khuyến khích các thực thể công nghiệp tốt.

Một tiểu dự án có thể bao gồm hoạt động xây dựng nhỏ để lắp đặt thay thế thiết bị và công nghệ hiệu suất năng lượng. Các tác động môi trường có thể xảy ra kết hợp với các tiểu dự án trong quá trình xây dựng/lắp đặt là ồn, bụi, an toàn lao động và thải bỏ chất thải trong quá trình lắp đặt các thiết bị mới, quản lý chất thải từ quá trình loại bỏ thiết bị không hiệu quả; và trong một số trường hợp, dầu mỡ thải từ máy biến áp có thể có chứa PCBs. Các tác động có thể có trong giai đoạn vận hành thiết bị hoặc cơ sở sản xuất mới bao gồm các vấn đề về an toàn; phát thải khí, chất thải rắn và nước thải được đánh giá là mức độ thấp và giảm thải lượng ô nhiễm hơn so với lượng sinh ra khi vận hành thiết bị và công nghệ cũ. Dự báo rằng hầu hết các tiểu dự án thuộc dự án VSUEE là các dự án loại B với các tác động đặc trưng như lưu ý ở trên và được đánh giá là cục bộ, biến đổi nhỏ đến trung bình và các biện pháp giảm thiểu có thể đã được thiết kế. Trong bất kể trường hợp nào, tất cả các tiểu dự án sẽ được sàng lọc cẩn thận từng dự án để xác định loại và các tài liệu an toàn môi trường thích hợp để kiểm soát các tác động có thể xảy ra.

IV.2. Các biện pháp giảm thiểu

Hầu hết các tác động chính sẽ xảy ra xuất phát từ các hạng mục xây dựng nhỏ, nhiều tác động tiêu cực tiềm ẩn đến môi trường tự nhiên, sinh học, và xã hội có thể được giảm thiểu thông qua một bộ giải pháp chung được áp dụng đặc trưng cho hầu hết các dự án xây dựng để giảm tối đa các tác động như tiếng ồn, bụi, nước thải, chất thải ... Một phần trong Kế hoạch quản lý Môi trường của dự án các giải pháp chung này được chuyển sang thành đặc tính kỹ thuật của tiêu chuẩn Môi trường được gọi là Các Quy tắc Môi trường thực tiễn (ECOPs) (phục lục 4) và nó sẽ được áp dụng để giảm thiểu các tác động đặc trưng của các hạng mục xây dựng nhỏ.

ECOP là một phần của EMP mô tả các yêu cầu cụ thể để các nhà thầu thực hiện và các kỹ sư giám sát xây dựng giám sát trong suốt quá trình xây dựng. Các ECOP được thiết kế cho dự án này để có thể áp dụng cho nhiều các hạng mục xây dựng từ nhỏ đến trung bình. Điều khoản liên quan của ECOP sẽ được bao gồm như một phụ lục trong hồ sơ mời thầu và tài liệu thầu

trong giai đoạn thiết kế chi tiết. Phạm vi và nội dung của ECOP cụ thể như sau:

Phạm vi: các hoạt động xây dựng và lắp đặt các hạng mục nhỏ được kiểm soát bởi ECOPs này là các tác động được giới hạn, tạm thời và có thể đảo ngược và được kiểm soát dễ dàng bằng các kinh nghiệm thực tiễn tốt trong xây dựng.

Các biện pháp giảm thiểu đặc trưng được nhận biết từ các khía cạnh sau đây:

- Phát sinh bụi
- Ô nhiễm không khí
- Các tác động do ồn và rung
- Ô nhiễm nước
- Kiểm soát thoát nước và trầm tích
- Quản lý bãi thải, mỏ đá khai thác và công trường khai thác đá.
- Chất thải rắn
- Quản lý vật liệu nạo vét
- Sự phân cắt thảm thực vật và nguồn tài nguyên sinh thái
- Quản lý giao thông
- Giảm đoạn dịch vụ tiện ích
- Phục hồi các diện tích bị ảnh hưởng
- An toàn cho công nhân lao động và công chúng
- Truyền thông và liên lạc với các cộng đồng địa phương
- Phát hiện các khảo cổ

Tuy nhiên, có thể có các tác động đặc trưng của địa điểm cụ thể yêu cầu phải có các giải pháp cụ thể cho cả giai đoạn xây dựng và vận hành ví dụ như biện pháp giảm thiểu đối với việc dọn sạch các vật liệu nổ UXO; thải bỏ dầu có nhiễm PCBs từ quá trình thay thế thiết bị; thay thế các thiết bị và phụ tùng cũ; kiểm soát phát thải khí, chất thải rắn và nước thải từ hoạt động của các cơ sở/dây chuyền sản xuất trong quá trình hoạt động. Các biện pháp này được xác định và kết hợp vào trong EMP của các tiểu dự án.

Các tác động môi trường bất lợi có thể xảy ra và các giải pháp giảm thiểu cho các dự án đầu tư Hiệu quả năng lượng cụ thể được miêu tả trong bảng 5 dưới đây.

Bảng 5: Các tác động môi trường điển hình và biện pháp giảm thiểu đối với các dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng

Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Các tác động môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
Các dự án liên quan đến hệ thống năng lượng		
Thay thế hệ thống chiếu sáng truyền thống bằng hệ thống chiếu sáng hiệu suất cao (bóng đèn tiết kiệm năng lượng, đèn LED...)	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề về an toàn trong quá trình lắp đặt thiết bị mới, vd: làm việc trên cao, điện giật... - Thải bỏ chất thải nguy hại (đèn huỳnh quang) và chất thải rắn trong quá trình lắp đặt hệ thống chiếu sáng mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thải bỏ chất thải nguy hại (đèn huỳnh quang) - Tiết kiệm năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất giúp giảm và bảo tồn tài nguyên, giảm tổng lượng KNK thải ra hàng năm. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp an toàn, quản lý chất thải mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Chất thải nguy hại phải được nhận biết, gắn nhãn và lưu giữ tại vị trí an toàn, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành các sổ tay thực hành và thủ tục an toàn. - Cần có thủ tục quản lý chất thải.
Thay thế hệ thống làm mát truyền thống bằng hệ thống có sử dụng biến tần	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải điện tử. - Xả thải dung môi lạnh (HCFC) từ những thiết bị lạnh bị thay thế. - Các vấn đề về an toàn trong quá trình lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p>	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp an toàn, quản lý chất thải mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Chất thải nguy hại phải được nhận biết, gắn nhãn và lưu giữ tại vị trí an toàn, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. <p>Trong giai đoạn vận hành</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải điện tử; - Tiết kiệm năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất giúp giảm và bảo tồn tài nguyên, giảm tổng lượng KNK và HCFC thải ra hàng năm. - Các vấn đề về an toàn trong quá trình vận hành thiết bị mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. Chất thải nguy hại phải được nhận biết, gắn nhãn và lưu giữ tại vị trí an toàn, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. - Cần có các biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp trong quá trình vận hành các tiêu dự án.
Nâng cao hiệu suất lò hơi bằng một số giải pháp như nâng cao hiệu quả lò đốt, tuần hoàn khí, đốt đa giai đoạn...	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Chất thải rắn từ vật liệu thải. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm xả thải chất thải. - Tiết kiệm năng lượng cho quá trình gia nhiệt và giảm thất thoát nhiệt. - Thúc đẩy việc cải tiến và sử dụng kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp an toàn mô tả trong Quy tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình vận hành lò hơi từ việc đốt cháy nhiên liệu, bản thân nó đã gây ra khí thải như NO_x, SO_x, bụi, CO₂, và chất thải rắn như tro xỉ. - Khí thải sẽ được thu và xử lý thông qua hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý và giám sát chất lượng không khí nhằm đảm bảo việc phát thải tuân thủ các quy định. - Tro xỉ sẽ được vận chuyển đến bãi thải được cấp phép. - Tuy nhiên, lò hơi được cải tiến sẽ giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và tải lượng chất ô nhiễm.
Thay thế vật liệu cách nhiệt	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải trong quá trình lắp đặt thiết 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Quy tắc môi trường thực thi (ECOPs).

	<p>bị mới, quản lý chất thải đối với thiết bị kém hiệu quả bị loại bỏ.</p> <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng cho quá trình gia nhiệt và giảm thất thoát nhiệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu cách nhiệt giúp cách nhiệt để làm giảm thất thoát nhiệt. Thay thế vật liệu cách nhiệt vẫn duy trì hiệu suất lò hơi, tiết kiệm nhiên liệu dẫn tới giảm phát thải.
Nâng cao hiệu quả cách nhiệt của đường ống hơi.	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Chất thải rắn từ vật liệu thải. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thất thoát hơi và nâng cao hiệu quả. - Tiết kiệm năng lượng cho quá trình gia nhiệt. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Quy tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cũng như trên, nâng cao hiệu quả cách nhiệt vẫn duy trì hiệu suất lò hơi, tiết kiệm nhiên liệu dẫn tới giảm phát thải.
Nâng cao chất lượng nước cấp cho lò hơi	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm việc phát sinh chất thải/bùn không bị ô nhiễm từ việc xử lý nước cấp. - Giảm hóa chất sử dụng để xử lý nước. - Định kỳ xả thải nước thải từ nồi hơi. - Mối nguy hại về hóa chất. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Quy tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần bùn không bị ô nhiễm sẽ được định kỳ xử lý phù hợp. - Cần có thủ tục an toàn về hóa chất để ngăn ngừa tai nạn hóa chất. - Nước thải phải được thu gom xử lý bởi hệ thống xử lý nước thải.

<p>Lắp đặt bẫy hơi cho lò hơi</p>	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm nước thải được thải ra từ bình ngưng và đường ống. - Tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải phải được thu gom xử lý bởi hệ thống xử lý nước thải. - Khí thải sẽ được thu và xử lý thông qua hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý và giám sát chất lượng không khí nhằm đảm bảo việc phát thải tuân thủ các quy định.
<p>Sử dụng máy nén khí hiệu suất cao/lắp đặt biến tần.</p>	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn từ thiết bị thải bỏ, dầu mỡ, chất thải từ lọc dầu... <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm tiêu thụ điện. - Đảm bảo tính ổn định của hệ thống kiểm soát, hệ thống phân phối. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Cần có biện pháp quản lý và thủ tục an toàn. <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy nén khí hiệu suất cao/biến tần được lắp đặt để tạo ra khí nén hoặc các thiết bị điện đáp ứng được với giao động về tải trong điều kiện sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.
<p>Thay thế đường ống hơi bị rò rỉ nhằm giảm thất thoát năng lượng.</p>	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Chất thải rắn từ vật liệu thải. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng trong 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường ống kín được thay thế để giảm thất thoát

	<p>quá trình sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thất thoát năng lượng. 	<p>khí và tiết kiệm năng lượng, giúp giảm phát thải.</p>
Sử dụng hệ thống quạt hiệu suất cao.	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. - Cần có các thủ tục về an toàn. <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quạt mới sẽ tiêu thụ ít năng lượng hơn (ví dụ như điện), bởi vậy giúp tiết kiệm năng lượng, giúp giảm phát thải. Không có tác động tiêu cực trong giai đoạn vận hành.
Lắp đặt thiết bị biến tần cho các động cơ.	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến tần lắp đặt cho các thiết bị điện để đáp ứng với sự biến động về tải/điều kiện vận hành để giảm và tiết kiệm năng lượng, dẫn tới giảm phát thải cho toàn hệ thống.
Ứng dụng hệ thống kiểm soát điều khiển tự động để nâng cao khả năng kiểm soát sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết bị và sử	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs).

dung dụng năng lượng.	<p>dỡ, lắp đặt thiết bị mới.</p> <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu. - Giảm chất ô nhiễm trong khí thải và chất thải rắn. 	<p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiểm soát tự động sẽ tự động điều chỉnh hỗ trợ cho hệ thống vận hành giúp tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.
Các dự án về công nghệ		
Sử dụng biến thế lõi từ vô định hình để giảm thất thoát điện năng	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Chất thải rắn và chất thải nguy hại (Có thể có dầu biến thế). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về cháy nổ và tác động do điện từ trường cao. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp quản lý chất thải mô tả trong Quy tắc môi trường thực thi (ECOPs). - Chất thải nguy hại phải được nhận biết, gắn nhãn và lưu giữ tại vị trí an toàn, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. - Dầu thải từ máy biến thế cũ phải được kiểm tra xem có PCB không. Trong trường hợp có chứa PCB, cần có thủ tục để quản lý PCB (xem Phụ lục 5). <p>Trong giai đoạn vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến thế lõi từ vô định hình sẽ giảm thất thoát điện năng giúp tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải. Vẫn có những rủi ro về cháy nổ nhưng sẽ còn ít hơn biến thế truyền thống cũ. - Tuân theo quy chuẩn kỹ thuật và các biện pháp an toàn cho máy biến thế.
Áp dụng công nghệ hiệu quả năng lượng cao thay thế cho các công nghệ truyền thống (vd:	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Quy tắc

<p>thay thế nghiền bi bằng nghiền đứng trong ngành xi măng, công nghệ siêu tới hạn trong ngành nhiệt điện...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm việc phát sinh tiếng ồn, chất thải rắn, khí thải. - Tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất. 	<p>môi trường thực thi (ECOPs).</p> <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình vận hành lò từ việc đốt cháy nhiên liệu, bản thân nó đã gây ra khí thải như NOx, SOx, bụi, CO2, và chất thải rắn như tro xỉ. Tuy nhiên, việc thay thế bằng công nghệ mới hiệu suất cao sẽ dẫn tới giảm tiêu thụ năng lượng và tải lượng ô nhiễm đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường. - Khí thải sẽ được thu và xử lý thông qua hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý và giám sát chất lượng không khí nhằm đảm bảo việc phát thải tuân thủ các quy định. - Tro xỉ sẽ được vận chuyển đến bãi thải được cấp phép.
<p>Sử dụng công nghệ lò đốt mới để nâng cao hiệu quả đốt và tiết kiệm năng lượng (vd: mỏ đốt oxy-nhiên liệu thay thế cho điện trong công nghệ luyện thép, tách ô xy từ không khí cung cấp trực tiếp cho vôi đốt trong ngành nhiệt điện, v.v...)</p>	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu. - Giảm chất ô nhiễm trong khí thải. - Rủi ro về an toàn lao động. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Quy tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động tích cực, không cần có biện pháp giảm thiểu. - Quá trình vận hành lò từ việc đốt cháy nhiên

		<p>liệu, bản thân nó đã gây ra khí thải như NOx, SOx, bụi, CO2, và chất thải rắn như tro xỉ. Tuy nhiên, việc thay thế bằng công nghệ mới hiệu suất cao sẽ dẫn tới giảm tiêu thụ năng lượng và tải lượng ô nhiễm đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khí thải sẽ được thu và xử lý thông qua hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý và giám sát chất lượng không khí nhằm đảm bảo việc phát thải tuân thủ các quy định. - Tro xỉ sẽ được vận chuyển đến bãi thải được cấp phép. - Tuân theo các thủ tục về an toàn lao động trong số tay vận hành.
<p>Sử dụng các nguồn năng lượng mới ít ô nhiễm (vd: thay thế LNG, LPG cho than, sử dụng than trộn, hỗn hợp bitum và than antraxit trong ngành nhiệt điện, v/v...)</p>	<p>Trong giai đoạn Tiền xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mất đất làm cảng LNG, kho chứa, hệ thống ống dẫn. - Cần sử dụng đất để lưu giữ, quản lý nhiên liệu và các hoạt động khác. <p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động và quá trình quản lý nhiên liệu; 	<p>Trong giai đoạn Tiền xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực lựa chọn xa khu dân cư và hệ sinh thái nhạy cảm, xa hệ thống ngầm quan trọng. - Thực hiện kế hoạch đền bù và tái định cư tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và chính sách của NHTG OP/BP 4.10, 4.12 với ngân sách tương xứng để tiến hành các hành động cần thiết. - Việc lựa chọn khu vực sẽ được tiến hành bao gồm khu vực đủ để tiến hành các công việc cần thiết của dự án. <p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs) và các biện pháp

	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thay đổi chất lượng không khí, nước, đất, phát sinh tiếng ồn do việc tháo dỡ thiết bị cũ, xây dựng lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm việc xả thải chất ô nhiễm và các loại khí nhà kính. - Nâng cao hiệu quả đốt, tiết kiệm năng lượng cho quá trình sản xuất. - Giảm việc xả thải chất thải rắn (tro). - Có thể gây ô nhiễm nước do quá trình hóa lỏng và hóa khí, vận chuyển LNG, nhập than do hoạt động của tàu thuyền. - Gia tăng nguy cơ cháy nổ, rò rỉ gas. 	<p>cụ thể tùy từn khu vực.</p> <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khí thải sẽ được thu gom xử lý thông qua hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên bảo trì hệ thống xử lý và giám sát nhằm đảm bảo việc phát thải tuân thủ theo các quy định của pháp luật. - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. - Cần có thủ tục ứng phó với tình huống khẩn cấp về tai nạn hóa chất. - Cần có thủ tục xếp, bốc hàng. - Nước thải sẽ không được xả trực tiếp ra nguồn nước mà phải được xử lý phù hợp. - Cần có thủ tục ứng phó sự cố cháy nổ.
Các dự án về tái sử dụng nhiệt thừa, tái sử dụng chất thải		
Sử dụng hơi dư để làm nóng nước cấp cho lò hơi.	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Phát sinh chất thải rắn. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu trong quá trình sản xuất. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động tích cực, không cần có biện pháp giảm thiểu.
Ứng dụng đồng phát để tận dụng nhiệt dư, nhiên liệu sinh học.	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc

	<ul style="list-style-type: none"> - Xả thải chất thải rắn từ thiết bị cũ. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm việc phát sinh chất thải rắn (tro). - Giảm chất ô nhiễm trong khí thải. - Tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu trong quá trình sản xuất. 	<p>môi trường thực thi (ECOPs).</p> <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tro xỉ sẽ được vận chuyển đến bãi thải được cấp phép. - Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải. - Giám sát chất lượng khí thải nhằm đảm bảo không vượt quá ngưỡng cho phép của quốc gia. - Định kỳ bảo trì hệ thống xử lý khí thải.
Tái sử dụng nhiệt dư (vd: nhiệt dư từ lò nung clinker, từ lò luyện thép, nồi hơi...) cho các hoạt động khác (phát điện, sấy sơ bộ nguyên vật liệu...) trong các ngành công nghiệp.	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm năng lượng. - Giảm chất ô nhiễm trong khí thải. - Các vấn đề về an toàn lao động. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có biện pháp quản lý chất thải và thủ tục quản lý chất thải. - Khí thải phải được thu giữ và xử lý. Giám sát chất lượng khí thải nhằm đảm bảo không vượt quá ngưỡng cho phép của quốc gia. - Cần có thủ tục về an toàn lao động.
Các dự án về sử dụng năng lượng tái tạo		
Thay thế hóa chất, nguyên vật liệu đầu vào nhằm tiết kiệm năng lượng (vd: sử dụng enzyme trong công nghiệp nhuộm, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, các phụ phẩm sinh học là tác nhân phân hủy trong ngành giấy, năng lượng mặt trời, gió...).	<p>Trong giai đoạn tiền xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thu hồi đất để lưu giữ, quản lý nhiên liệu. <p>Trong giai đoạn xây dựng:</p>	<p>Trong giai đoạn tiền xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kế hoạch đền bù và tái định cư tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và chính sách của NHTG OP/BP 4.10, 4.12 với ngân sách tương xứng để tiến hành các hành động cần thiết.

	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm chất ô nhiễm trong khí thải - Xả thải hóa chất ít ô nhiễm và ít độc hại hơn so với công nghệ truyền thống. - Gia tăng nguy cơ cháy nổ, rò rỉ hóa chất. - Giảm lượng nguyên vật liệu đầu vào. - Tiết kiệm năng lượng cho quá trình gia nhiệt, giảm thất thoát nhiệt. - Thúc đẩy việc ứng dụng cải tiến kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống xử lý chất thải để xử lý loại chất ô nhiễm không khí mới. Cần thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải và giám sát nhằm đảm bảo tuân thủ quy định môi trường. - Cần có các biện pháp an toàn, ứng phó khẩn cấp với cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất. - Chất thải rắn phải được thu gom và xử lý phù hợp.
<p>Thay đổi chất lượng sản phẩm với mục đích tiết kiệm năng lượng (vd: điều chỉnh độ trắng của giấy nhằm giảm tiêu thụ năng lượng, hóa chất, v.v)</p>	<p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm lượng nguyên vật liệu đầu vào. - Giảm lượng chất thải rắn và hóa chất thải. Xả thải chất thải rắn/hóa chất ít ô nhiễm và ít độc hại hơn. 	<p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn và hóa chất thải phải được thu gom và xử lý phù hợp.
<p>Thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng nguồn năng lượng tái tạo (vd: năng lượng mặt trời, nhiên liệu sinh học, dầu thải cho lò nung clinker, phụ gia than trong công nghiệp nhiệt điện, v.v..).</p>	<p>Trong giai đoạn tiền xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thu hồi đất để lưu giữ, quản lý nhiên liệu. 	<p>Trong giai đoạn tiền xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kế hoạch đền bù và tái định cư tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và chính sách của NHTG OP/BP 4.10, 4.12 với ngân sách tương xứng để tiến hành các hành động cần thiết.

	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Xả thải chất thải rắn bao gồm nguyên vật liệu thải, phát sinh tiếng ồn, hóa chất thải từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm phát sinh chất ô nhiễm (không khí và nước thải) - Xả thải chất thải rắn/hóa chất ít ô nhiễm và độc hại hơn. - Giảm lượng vật liệu đầu vào. - Gia tăng nguy cơ cháy nổ và rò rỉ hóa chất. - Tiết kiệm năng lượng cho quá trình nung/gia nhiệt và giảm thất thoát nhiệt. - Thúc đẩy việc ứng dụng cải tiến kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất. 	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs). <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống xử lý chất thải để xử lý loại chất ô nhiễm mới. Cần thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải và giám sát nhằm đảm bảo tuân thủ quy định môi trường. - Chất thải rắn và hóa chất thải phải được thu gom và xử lý phù hợp. - Cần có các biện pháp an toàn, ứng phó khẩn cấp với cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất.
<p>Lắp đặt các thiết bị cách nhiệt cho mái, tường, cửa sổ, cửa chính, pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, bình nước nóng năng lượng mặt trời và máy bơm nhiệt</p>	<p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về an toàn lao động. - Phát sinh tiếng ồn, bụi. - Cháy nổ do hàn và dẫn điện từ hệ thống pin năng lượng mặt trời đấu nối với hệ thống tiêu thụ điện trong tòa nhà. - Thải chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ, lắp đặt thiết bị mới. <p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm phát sinh chất ô nhiễm (không khí và nước thải) 	<p>Trong giai đoạn tiên xây dựng:</p> <p>Trong giai đoạn xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp giảm thiểu mô tả trong Qui tắc môi trường thực thi (ECOPs).

	<ul style="list-style-type: none"> - Thải chất thải rắn/hóa chất ít ô nhiễm và độc hại hơn. - Giảm lượng vật liệu đầu vào. - Giảm nguy cơ cháy nổ. - Tiết kiệm năng lượng cho quá trình sử dụng thiết bị điện, chống nóng và giảm thất thoát nhiệt. <p>Thúc đẩy việc ứng dụng cải tiến kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất.</p>	<p>Trong giai đoạn vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống xử lý chất thải để xử lý loại chất ô nhiễm mới. Cần thường xuyên bảo dưỡng hệ thống bảo ôn, giữ vệ sinh dàn pin năng lượng mặt trời. - Chất thải rắn và hóa chất thải phải được thu gom và xử lý phù hợp. <p>Cần có các biện pháp an toàn, ứng phó khẩn cấp với cháy nổ.</p>
--	---	---

V. QUY TRÌNH SÀNG LỌC, XEM XÉT, LÀM RÕ VÀ THỰC HIỆN TÀI LIỆU AN TOÀN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN

Phần này của Khung chính sách miêu tả quy trình để đảm bảo rằng các vấn đề liên quan tới môi trường và xã hội được xác định thông qua các quy trình và sự sắp xếp của mỗi đơn vị được sử dụng cho dự án để quản lý việc xác định, chuẩn bị, chấp thuận, và thực hiện các tiêu dự án được bảo lãnh.

V.1. Sàng lọc chính sách an toàn

Mục đích của sàng lọc là để xác định tính hợp lệ của các hoạt động của dự án để nhận tài trợ/bảo lãnh của Ngân hàng Thế giới và để nhận biết tiêu dự án có thể gây ra các tác động tiêu cực và các rủi ro đến môi trường tự nhiên và xã hội hay không, do vậy đưa ra các tài liệu an toàn môi trường và các giải pháp giảm thiểu phù hợp để kiểm soát các tác động đó. Sàng lọc môi trường sẽ được thực hiện ngay từ khi xác định và lựa chọn dự án.

V.2. Sàng lọc tính hợp lệ

Mục tiêu của việc sàng lọc tính hợp lệ của dự án là để tránh các tác động môi trường và xã hội nghiêm trọng không thể giảm thiểu được bởi dự án hoặc các hoạt động đó vi phạm chính sách cấm của NHTG hoặc các công ước quốc tế.

Tiêu chí không hợp lệ, (i) vi phạm các chính sách cấm của HNTG cấm ví dụ: sự suy giảm nghiêm trọng hoặc biến đổi môi trường sống tự nhiên tới ngưỡng, v.v.; (ii) vi phạm các nghĩa vụ quốc gia liên quan đến các công ước môi trường quốc tế ví dụ Nghị định thư Montreal hoặc Công ước Stockholm, v.v.... và (iii) các tác động môi trường xã hội quá phức tạp và nghiêm trọng vượt quá khả năng của Ban QLDA để kiểm soát. Một tiêu dự án nếu rơi vào một trong các tiêu chí không hợp lệ này sẽ là không hợp lệ để nhận hỗ trợ tài chính/bảo lãnh cho dự án.

Các PFIs sẽ thực hiện thẩm định môi trường và xã hội dựa trên hoạt động hiện tại của Doanh nghiệp công nghiệp đầu tư để đảm bảo rằng hoạt động của IEs tuân thủ các quy định của quốc gia về bảo vệ và đánh giá môi trường.

Chi tiết nghị định thư hoặc điều khoản tham chiếu để tiến hành thẩm định môi trường và xã hội trong cơ sở sản xuất hiện có được hỗ trợ bởi dự án sẽ được triển khai vào giai đoạn đầu thực hiện dự án trước khi sàng lọc các tiêu dự án đầu tiên. Các nghị định thư hoặc điều khoản tham chiếu sẽ được đệ trình lên và phê duyệt của Ngân hàng.

Việc thẩm định sẽ tuân thủ của các cơ sở sản xuất hiện có dựa trên quá trình thực hiện quản lý môi trường và xã hội liên quan đến nhưng không giới hạn ở các khía cạnh sau: khí thải, nước thải, quản lý và xử lý chất thải, sức khỏe và an toàn lao động, giám sát chất lượng môi trường định kỳ, chiếm dụng đất, bồi thường, tái định cư, phục hồi sinh kế và người dân tộc thiểu số phù hợp với yêu cầu quốc gia. Trong trường hợp có một vấn đề nổi bật, các cơ sở có trách nhiệm đề xuất một kế hoạch khắc phục hậu quả với các biện pháp thích hợp. Và những kế hoạch này sẽ được bao gồm trong hợp đồng vay giữa PFIs và IEs và các biện pháp giảm thiểu của các kế hoạch phải được giám sát chặt chẽ trong quá trình thực hiện các tiêu dự án.

Đơn đề nghị và kết quả sàng lọc ban đầu tính hợp lệ của dự án bao gồm chính sách an toàn môi trường và xã hội của IE sẽ được gửi cho PFIs. Các nhân viên môi trường của PFIs sẽ kiểm tra và thẩm định việc điền đầy đủ thông tin vào mẫu sàng lọc ban đầu ở phụ lục 1 của IEs.

Tính hợp lệ của dự án:

- Nếu các tiêu dự án chỉ mang lại những tác động tích cực và/hoặc không gây ra tác động bất lợi nào, tiêu dự án được đánh giá là hợp lệ về mặt môi trường và qua vòng sàng lọc, không có yêu cầu nào khác về đánh giá môi trường cho tiêu dự án.
- Dự án VSUEE chỉ kích hoạt chính sách an toàn về đánh giá Môi trường (OP/BP 4.01) và OP/BP 4.11 về Tài nguyên Văn hóa vật thể; Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12), và Dân tộc ít người/bản địa (OP4/BP 4.10) của NHTG. Nếu việc thực hiện tiêu dự án kích hoạt các chính sách an toàn nào khác của Ngân hàng, tiêu dự án được coi là không hợp lệ và bị loại trừ khỏi dự án VSUEE để nhận tài trợ hoặc phải được tham vấn ý kiến NHTG trước.

Nếu các tiêu dự án được xác định là hợp lệ, việc sàng lọc tác động sẽ được thực hiện để xác định loại của tiêu dự án và tài liệu an toàn đó cần thiết được chuẩn bị theo quy định của quốc gia và chính sách an toàn của NHTG. Quá trình sàng lọc tác động được nêu chi tiết trong mục V.1.2.

Sàng lọc các tác động đối với OP/BP 4.01 Đánh giá Môi trường và OP/BP 4.11 sẽ được bao gồm trong ESMF này. Với các chính sách an toàn được kích hoạt về Tái định cư Bắt buộc (OP/BP 4.12), và dân tộc ít người/người bản địa (OP/BP 4.10); các yêu cầu về RP và EMPF sẽ được tuân thủ.

Trong trường hợp, các tiêu dự án là một phần cơ sở sản xuất hiện có của Doanh nghiệp Công nghiệp và các tài liệu An toàn môi trường và xã hội cần thiết đã có sẵn, việc sàng lọc sẽ được thực hiện để xác định tính hợp lệ của các tiêu dự án và các thiếu sót trong các tài liệu có sẵn và nếu các hành động bổ sung để đảm bảo tuân thủ các quy định của quốc gia và các chính sách an toàn của NHTG.

V.3. Sàng lọc các tác động để xác định loại tiêu dự án và tài liệu an toàn

Tiêu chí phân loại tiêu dự án

World Bank's categorization

Theo OP/BP 4.01, NHTG phân loại dự án dựa trên quy mô và mức độ ảnh hưởng của các tác động.

- (a) Dự án loại A là dự án có thể gây ra các tác động môi trường bất lợi nghiêm trọng tác động đó ở nhiều dạng, không thể đảo ngược và chưa từng xảy ra và với loại dự án này, yêu cầu một báo cáo đánh giá môi trường đầy đủ được thực hiện.
- (b) Dự án loại B là những dự án có các tác động ít nghiêm trọng hơn xảy ra ở vị trí cụ thể, không có bất kỳ tác động nào trong chúng có thể đảo ngược được; và hầu hết các trường hợp các biện pháp giảm thiểu có thể được thiết kế dễ dàng hơn so với các dự án loại A. Các dự án loại B sẽ yêu cầu chuẩn bị Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP) hoặc một báo

cáo ĐTM có phạm vi hẹp hơn các dự án loại A.

- (c) Dự án loại C: Các dự án có thể gây ra các tác động tiêu cực nhỏ hoặc không có các tác động tiêu cực sẽ được phân là dự án loại C và bỏ qua quá trình sàng lọc, không yêu cầu phải đánh giá môi trường.

Yêu cầu luật pháp của Việt Nam

Các văn bản pháp luật của Chính Phủ Việt Nam như Nghị định 40/2019/ND-CP, có một danh sách loại dự án để phân loại các dự án theo các loại dưới đây:

- a) Danh sách các dự án sản xuất công nghiệp là loại có nguy cơ rủi ro ô nhiễm môi trường được liệt kê trong Phụ lục IIa của Nghị định 40/2019/ND-CP, các dự án này được phân thành 3 nhóm I, II và III.
- b) Danh sách các dự án được yêu cầu phải lập ĐTM hoặc KHBVMT được đưa ra trong Phụ lục II của Nghị định 40/2019/ND-CP. Trong đó, danh mục dự án có ĐTM thuộc trách nhiệm phê duyệt của Bộ TNMT được liệt kê trong phụ lục III.
- c) Phụ lục IV là danh mục các KHBVMT của dự án thuộc trách nhiệm xác nhận của Cơ quan quản lý Môi trường chức năng của địa phương.
- d) Phụ lục III liệt kê các dự án có ĐTM do Bộ TNMT thẩm định và phê duyệt là các dự án liên quan:
- (i) Dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định chu trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng chính phủ.
 - (ii) Dự án có sử dụng 1 ha đất trở lên của vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; dự án có sử dụng từ 2 ha đất trở lên của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; từ 10 ha của khu di sản thế giới hoặc khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia; từ 20 ha đất trở lên của khu dự trữ sinh quyển;
 - (iii) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện nguyên tử, nhà máy điện nhiệt hạch, lò phản ứng hạt nhân; dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện công suất từ 600 MW trở lên; dự án xây dựng nhà máy thủy điện công suất từ 20MW trở lên, công trình thủy lợi có dung tích hồ chứa từ 100.000.000 m³ nước trở lên;
 - (iv) Dự án có lấn biển từ 20 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ từ 30 ha trở lên, hoặc rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 50 ha trở lên;
 - (v) và các dự án khác như liệt kê tại phụ lục III của nghị định 40/2019/ND-CP.
- Dự án mở rộng, nâng cấp, nâng công suất các cơ sở sản xuất, kinh doanh tới công suất tương đương với dự án của Phụ lục này.
- (vi) Các dự án được thực hiện trong vùng thuộc hai tỉnh trở lên.
- e) Ngoài ra, theo khoản 6, điều 1 của nghị định 40/2019/ND-CP về sửa đổi bổ sung điều 15 của nghị định 18/2015/ND-CP về lập báo cáo ĐTM.

1. Chủ dự án chỉ được thực hiện những thay đổi nêu tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 20 của Luật BVMT phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, việc không triển khai dự án trong thời hạn 24 tháng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Luật BVMT là việc chủ dự án không triển khai thực

hiện hạng mục nào trong giai đoạn thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật BVMT chưa đi vào vận hành phải lập lại báo cáo ĐTM, bao gồm:

a. Tăng quy mô, công suất (mở rộng dây chuyền sản xuất chính, bổ sung công trình, hạng mục chính) của dự án làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

b. Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm chính của dự án; thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

c. Mở rộng quy mô đầu tư của KCN; bổ sung vào khu công nghiệp ngành nghề đầu tư thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại nhóm I và nhóm II phụ lục IIa Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được tiếp tục triển khai thực hiện dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lại báo cáo ĐTM; Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 điều này chỉ được thực hiện những thay đổi nêu trên sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lại báo cáo ĐTM.

Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM sau thay thế cho quyết định phê duyệt trước đó.

4. The activities/project's EIA reports are approved by MONRE is list in the appendix III of the Decree No.40/2019/NĐ-CP.

5. The project's EPPs are certified by Provincial Functional Environmental Authorities is list in the appendix IV of the Decree No.40/2019/NĐ-CP.

Nghị định có điểm quy định mới đáng lưu ý về trách nhiệm của Chủ dự án/Doanh nghiệp công nghiệp sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt là Chủ dự án sẽ phải lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Quy trình sàng lọc môi trường cho các tiểu dự án trong khuôn khổ dự án VSUEE được mô tả như Hình 3 sau đây.

Trong quá trình thực VSUEE, các PFIs, tuân thủ các chính sách bảo vệ Ngân hàng Thế giới, tiến hành sàng lọc tác động môi trường và xã hội của các tiểu dự án để phân loại của chúng (A, B hoặc C) và xác định các loại tài liệu an toàn mà một tiểu dự án cần phải chuẩn bị. Hãy xem Phụ lục 2 về hướng dẫn sàng lọc tác động môi trường và sàng lọc tác động xã hội. Các PFIs được khuyến nên tham khảo ý kiến Ngân hàng Thế giới về các tiểu dự án phức tạp để đạt được thỏa thuận về các loại, các loại tài liệu an toàn, và các tác động chính trước khi bắt tay vào nghiên cứu.

Các PFIs phải gửi cho Ngân hàng Thế giới danh sách các tiểu dự án được đề xuất lựa chọn và kết quả sàng lọc ở hai mức độ sàng lọc theo quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

Nếu NHTG không hài lòng về năng lực của PFIs trong quá trình sàng lọc, PFIs sẽ phải bổ sung các biện pháp tăng cường để nâng cao năng lực. Một Ban Quản lý dự án (Ban QLDA)

thuộc Bộ Công Thương sẽ được thành lập cung cấp những hỗ trợ để nâng cao năng lực cho cán bộ của PFIs về sàng lọc chính sách an toàn môi trường và quản lý thông qua các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật. Ngân hàng Thế giới sẽ kết hợp với Ban QLDA để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng lực của PFIs khi cần thiết.

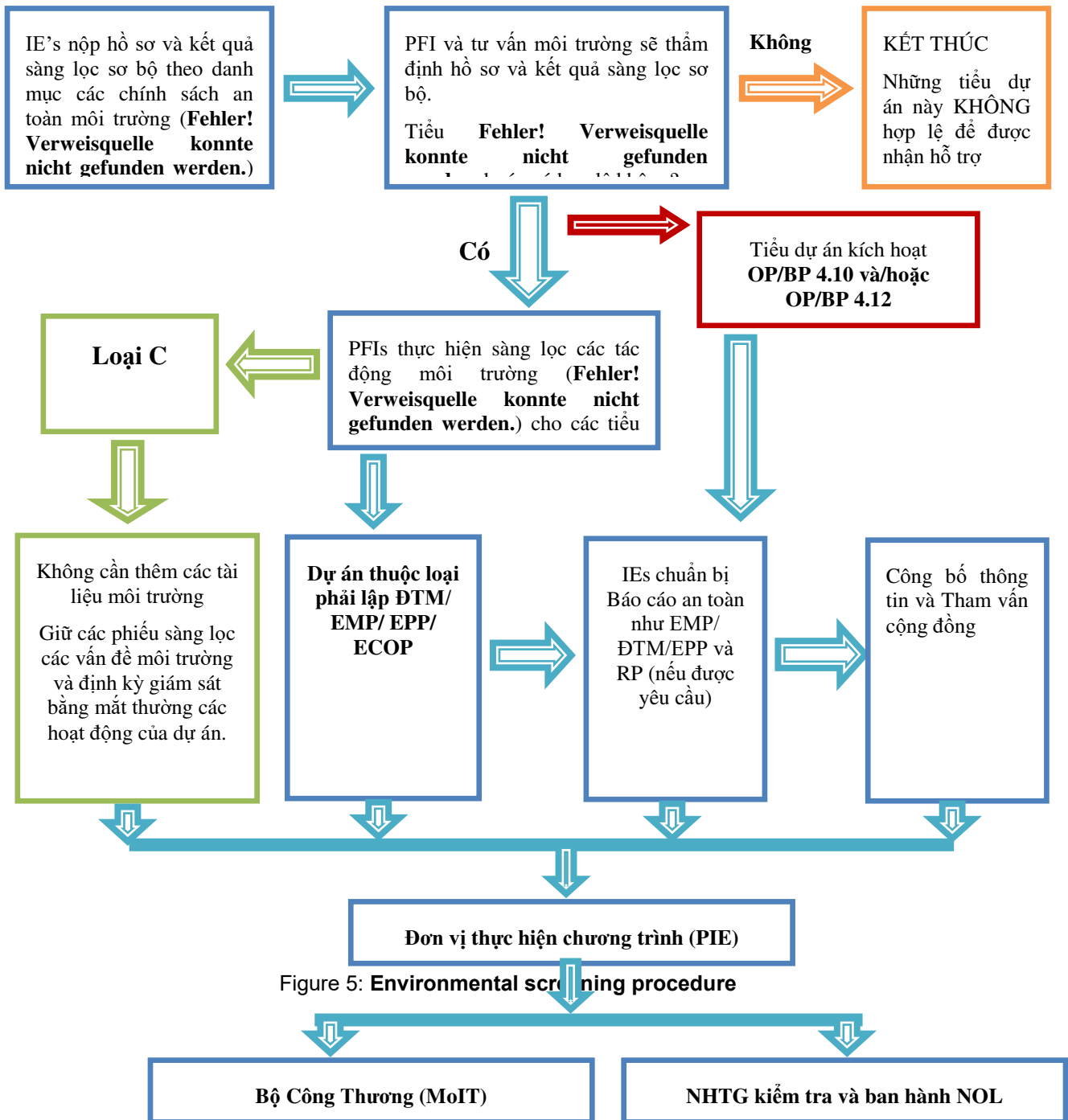


Figure 5: Environmental screening procedure

Hình 3: Quy trình sàng lọc môi trường

V.4. Xây dựng các tài liệu an toàn cho tiểu dự án

Các tiểu dự án thuộc dự án VSUEE phải tuân thủ các quy định của quốc gia về đánh giá vào bảo vệ môi trường và các Chính sách về an toàn của NHTG.

Các cơ sở công nghiệp khi đệ trình tiểu dự án cần phải chuẩn bị các tài liệu về môi trường theo yêu cầu (ĐTM/kế hoạch bảo vệ môi trường) theo quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và chính sách an toàn của NHTG. Các cơ sở công nghiệp sẽ phải chuẩn bị ĐTM/Kế hoạch BVMT đối với mỗi tiểu dự án tại giai đoạn chuẩn bị, ví dụ song song với việc chuẩn bị báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc nghiên cứu khả thi và tiến hành tham vấn cộng đồng và công bố thông tin theo như hướng dẫn tại phần 5.3. Nội dung và cấu trúc của ĐTM và Kế hoạch BVMT tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 và khoản 4 và 5 điều 1 của nghị định 40/2019/NĐ-CP. Nội dung và cách trình bày đối với RP and EMDP sẽ tuân theo yêu cầu nêu tại Khung hành động chính sách về tái định cư (RPF) và Khung hành động phát triển dân tộc ít người (EMDF), ngoại trừ với các tiểu dự án có diện tích đất là một phần đất của cơ sở đang hoạt động thuộc phạm vi của các Doanh nghiệp công nghiệp. Phạm vi và mức độ chi tiết của RAP sẽ khác nhau phụ thuộc vào độ phức tạp và mức độ tái định cư.

Hơn thế nữa, theo như Chính sách về an toàn của NHTG, dựa trên sàng lọc tác động, (i) đối với các tiểu dự án nhóm C, các cơ sở công nghiệp không cần phải chuẩn bị tài liệu nào về an toàn môi trường; (ii) với các tiểu dự án thuộc nhóm B, các cơ sở công nghiệp phải chuẩn bị Kế hoạch quản lý môi trường (EMP); và (iii) với các tiểu dự án thuộc nhóm A, các cơ sở công nghiệp phải thuê công ty tư vấn chuẩn bị báo cáo ĐTM đầy đủ thỏa mãn các yêu cầu của NHTG. Đặc biệt, với các tiểu dự án nhóm A, trước khi chuẩn bị báo cáo ĐTM, các cơ sở công nghiệp sẽ phải chuẩn bị TOR cho báo cáo ĐTM và gửi cho NHTG trước để xem xét và làm rõ.

Với các tiểu dự án nhóm B đã có ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT được phê duyệt bởi Chính phủ, cán bộ/tư vấn của PFI's có thể cân nhắc đánh giá tính đầy đủ của các báo cáo này. Nếu thấy có sự không đầy đủ, Chủ tiểu dự án sẽ phải chuẩn bị Chương trình QLMT với các biện pháp bổ sung, trình lên PFIs để sàng lọc xem xét và đánh giá các tác động trước khi chuyển sang cho NHTG xem xét và phê duyệt.

KHBVMT bao gồm một loạt các biện pháp giảm thiểu, giám sát và thể chế cần phải thực hiện trong quá trình xây dựng và vận hành nhằm giảm thiểu, giảm hoặc loại bỏ bất kỳ tác động tiêu cực tiềm ẩn nào tới mức chấp nhận được. Nó bao gồm toàn bộ phạm vi và tác động của tiểu dự án. Hướng dẫn để chuẩn bị EMP nêu ở Phụ lục 3.

KHBVMT bao gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu
- Mô tả tiểu dự án
- Các yêu cầu môi trường cần tuân thủ
- Các tác động tới môi trường và xã hội
- Các biện pháp quản lý và giảm thiểu

- Sắp xếp tổ chức thực hiện an toàn
- Giám sát, đánh giá và báo cáo
- Ngân sách cho thực hiện EMP
- Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin

Các thủ tục về quản lý môi trường đối với các tiểu dự án thuộc hợp phần này có thể được tóm tắt như sau

Bảng 6: Tóm tắt các thủ tục quản lý môi trường đối với các tiểu dự án thuộc VSUEE

Các bước	Hành động môi trường cần có	Thực hiện bởi	Kiểm tra, giám sát bởi
1. Xác định tiểu dự án	1.1. Chuẩn bị thông tin cơ bản và nộp lên PFI để sàng lọc sơ bộ	Cơ sở công nghiệp (IEs)	PFI's
	1.2. Sàng lọc tính hợp lệ về môi trường	PFI's	NHTG sẽ xem xét kết quả sàng lọc
	1.3. Sàng lọc để phân loại tiểu dự án thuộc nhóm A, B hay C căn cứ theo Chínhs sách an toàn của NHTG Với các tiểu dự án nhóm C: không cần làm gì thêm nữa. Với các tiểu dự án thuộc nhóm khác, tiến hành các bước tiếp theo.	PFI's	NHTG sẽ xem xét kết quả sàng lọc
2. Chuẩn bị tiểu dự án	2.1. Cung cấp hướng dẫn cho tư vấn môi trường được lựa chọn để chuẩn bị các tài liệu môi trường cần thiết, thu thập và ghi lại các giấy phép theo yêu cầu tuân theo ESMF đã được phê duyệt.	IEs hoặc tư vấn môi trường của IEs	PFI's kiểm tra và đánh giá hồ sơ hợp lệ. PMB cũng cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết thuộc VSUEE. NHTG sẽ kiểm tra ngẫu nhiên
	2.2. Với các Tiểu dự án nhóm B đã có ĐTM/Kế hoạch BVMT đã được phê duyệt và còn hiệu lực, tiến hành xem xét tài liệu và yêu cầu IE chuẩn bị bổ sung Chương trình quản lý môi trường nếu cần.	PFI's và IE	Xem xét bởi PFI's/PIE và NHTG
	2.3. Với các tiểu dự án nhóm A, chuẩn bị báo cáo về năng lực tổ chức để tiến hành các hành động an toàn môi trường và TOR để chuẩn bị ĐTM.	IEs	Giám sát bởi PFI's/PIE và làm rõ bởi NHTG.
	2.4. Chuẩn bị dự thảo ĐTM/EMP/EPP Tiến hành tham vấn cộng đồng với những người có thể bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương về nội dung	IE hoặc tư vấn môi trường của IE's	Giám sát bởi PFI's

Các bước	Hành động môi trường cần có	Thực hiện bởi	Kiểm tra, giám sát bởi
	<p>của ĐTM/EMP/EPP, chuẩn bị biên bản và danh sách người tham dự</p> <p>Đưa nội dung các giải pháp về những lo ngại của cộng đồng vào bản báo cáo ĐTM/EMP/EPP cuối. Hồ sơ tham vấn cần được lưu giữ để trình nộp khi có yêu cầu.</p> <p>Nộp bản dự thảo ĐTM/EMP/EPP lên PFIs và NHTG (nếu có yêu cầu) để xem xét.</p>		
	<p>2.5. Xem xét bản ĐTM/EMP/EPP cuối trước khi nộp phê duyệt.</p>	<p>PFIs</p>	<p>NHTG sẽ kiểm tra chọn lọc các hồ sơ môi trường của tiểu dự án nhóm B (30%)</p> <p>NHTG sẽ tiến hành xem xét trước các ĐTM của tất cả tiểu dự án thuộc nhóm A.</p>
	<p>2.6. ĐTM/EMP/EPP (nếu có) được phê duyệt, làm rõ.</p>	<p>ĐTM/EMP được làm rõ bởi PFIs và/hoặc NHTG</p> <p>ĐTM/EPP được phê duyệt bởi chính quyền địa phương liên quan</p>	<p>NHTG sẽ đưa ra các yêu cầu làm rõ đối với các ĐTM của tiểu dự án nhóm A.</p> <p>NHTG sẽ đưa ra các yêu cầu làm rõ có chọn lọc đối với các EMP của các tiểu dự án nhóm B.</p> <p>Cơ quan địa phương Giám sát bởi PFI đối với việc phê duyệt ĐTM/EPP/RP</p>
	<p>2.7. Trước khi ban hành phê duyệt bảo lãnh, kiểm tra để đảm bảo rằng các tài liệu về an toàn của các đề xuất bảo lãnh của PFIs cho các tiểu dự án của các doanh nghiệp công nghiệp đầy đủ:</p> <p>(i) tất cả các tài liệu sẽ được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền phù hợp với thẩm quyền quốc gia</p> <p>(ii) đối với một số tiểu dự án loại A và loại B được chọn, ĐTM/KHBVMT đã được Ngân hàng thế giới làm rõ.</p> <p>(iii) đối với các tiểu dự án loại B cụ thể phải được các PFI xem xét và</p>	<p>PIE</p>	<p>PMB</p>

Các bước	Hành động môi trường cần có	Thực hiện bởi	Kiểm tra, giám sát bởi
	thẩm tra và xác nhận rằng KHBVMT được chấp thuận theo tiêu chuẩn của NH.		
3. Đấu thầu tiểu dự án	<p>3.1. Đưa nội dung các giải pháp giảm nhẹ và/hoặc các yêu cầu trong bản ĐTM/EMP/EPP được phê duyệt vào hồ sơ mời thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa nội dung các giải pháp giảm nhẹ và các yêu cầu vào tài liệu tái định cư và hợp đồng (nếu có) - Đưa nội dung các giải pháp giảm nhẹ/các yêu cầu vào hợp đồng nhà thầu cung cấp thiết bị (nếu có) - Đưa nội dung các giải pháp giảm nhẹ/các yêu cầu vào hồ sơ thầu và hợp đồng với giám sát xây dựng (nếu có) 	IEs	<p>Giám sát bởi by PFIs, PMB</p> <p>Kiểm tra ngẫu nhiên bởi NHTG</p>
4. Giai đoạn thực hiện	Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ	Nhà thầu/IEs	<p>Giám sát bởi PFIs, chính quyền địa phương, PMB</p> <p>Giám sát nội bộ bởi tư vấn môi trường và tư vấn giám sát xây dựng (CSC) của IEs</p> <p>Kiểm tra ngẫu nhiên bởi NHTG</p>
	Hàng ngày tiến hành kiểm tra và giám sát môi trường nội bộ.	IEs và CSC	Giám sát bởi PFIs
	Tiến hành định kỳ giám sát môi trường do cơ quan bên ngoài.	PMB, PFIs, tư vấn độc lập của IEs	Định kỳ kiểm tra bởi NHTG
	Thu thập và lưu lại các giấy phép môi trường cần thiết.	IEs	<p>Giám sát bởi PFIs, PMB</p> <p>Định kỳ kiểm tra bởi NHTG</p>
	Báo cáo về sự tuân thủ môi trường của tiểu dự án tới PFIs để xem xét.	Tư vấn môi trường của IEs	<p>Xem xét bởi PFIs,</p> <p>Kiểm tra ngẫu nhiên bởi by NHTG</p>
	Báo cáo toàn bộ sự tuân thủ về môi trường của dự án tới NHTG và Ban quản lý dự án để xem xét.	PFIs	Được xem xét bởi NHTG và PMB

V.5. Xem xét, phê duyệt và làm rõ các tài liệu an toàn của tiểu dự án

V.5.1. Xem xét, phê duyệt các tài liệu an toàn

Xem xét và phê duyệt của Chính phủ: Nếu một tiểu dự án đòi hỏi phải xem xét và phê duyệt Báo cáo đánh giá môi trường (EA) theo các quy định của chính phủ, IEs sẽ chuẩn bị và nộp báo cáo đánh giá môi trường như quy định để xem xét và nhận được sự phê duyệt của cơ quan chính phủ liên quan trước khi phê duyệt tiểu dự án. Các hướng dẫn về thẩm định và phê duyệt ĐTM hoặc EPP có trong quy định của chính phủ tương ứng (cụ thể là Thông tư 25/2019/TT-BTNMT; Khoản 1 và phụ lục II, IIa, III và IV của Nghị định 40/2019/NĐ-CP). Văn bản phê duyệt sẽ được cung cấp cho Ngân hàng Thế giới để thông báo.

PFI xem xét và làm rõ: có trách nhiệm sàng lọc các tiểu dự án đề xuất và đảm bảo rằng các tiêu đề thực hiện các đánh giá môi trường thích hợp. Trước khi phê duyệt tiểu dự án, PFI xác minh rằng tiểu dự án đáp ứng các yêu cầu về môi trường quốc gia và phù hợp với các chính sách bảo vệ của NHTG về Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01) và OP/BP 4.11 về Tài nguyên văn hóa vật thể.

Các PFI và IE có trách nhiệm ghi lại và lưu giữ tất cả các tài liệu an toàn (mẫu sàng lọc môi trường, hồ sơ tham vấn EIA/EPP/EMP, xác nhận công bố công khai, hồ sơ giám sát môi trường và hợp đồng thu gom chất thải, v.v.) liên quan đến các tiểu dự án. Thực hiện chính sách an toàn là một phần của báo cáo thực hiện tiến độ mà PFI sẽ nộp cho Ngân hàng Thế giới trước khi thực hiện nhiệm vụ giám sát.

PIE, trước khi ban hành phê duyệt bảo lãnh sẽ kiểm tra để đảm bảo rằng đề xuất bảo lãnh của PFI bao gồm các tài liệu về an toàn (EIA/EPP/EMP) của các tiểu dự án đã được xác nhận: (i) đã được chính quyền địa phương phê duyệt; (ii) đã được Ngân hàng làm rõ (đối với loại A và một số dự án loại B được chọn theo đánh giá trước của WB); và (iii) chấp nhận các tiêu chuẩn của Ngân hàng (đối với các tiểu dự án loại B được PFIs xem xét và thẩm định). Trong trường hợp tiểu dự án đã hoạt động và xin tài trợ từ dự án, sẽ yêu cầu cả chứng nhận giám sát thường xuyên của Sở TNMT địa phương (hoặc Bộ TNMT theo kế hoạch giám sát được phê duyệt trong ĐTM/KHBVMT) cho thấy tiểu dự án đáp ứng các yêu cầu giám sát môi trường.

NHTG xem xét và làm rõ: NHTG sẽ xem xét kết quả sàng lọc và tài liệu môi trường được chọn chiếm khoảng 30% trong số các tiểu dự án. NHTG sẽ xem xét và làm rõ các báo cáo môi trường của tất cả các tiểu dự án được xác định là dự án loại A tuân theo các chính sách an toàn của NHTG. Ngoài ra, với các tiểu dự án loại A, trước khi chuẩn bị báo cáo ĐTM, chủ dự án sẽ phải chuẩn bị TOR cho báo cáo ĐTM và gửi lên NHTG trước để xem xét và làm rõ.

Trong trường hợp báo cáo EA đáp ứng được yêu cầu, NHTG sẽ ra văn bản ghi nhớ các nội dung được làm rõ. Nếu báo cáo EA cần phải chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện, NHTG sẽ nêu rõ các điều kiện trong biên bản ghi nhớ là IE sẽ phải chỉnh sửa báo cáo EA đáp ứng những yêu cầu cuối cùng.

V.5.2. Tham vấn cộng đồng và Công bố các tài liệu an toàn môi trường

Trong quá trình chuẩn bị ĐTM/EMP/EPP, IEs sẽ thực hiện tham vấn cộng đồng để nhận được ý kiến của các bên liên quan và đưa vào xem xét theo quy định của Việt Nam và chính sách

an toàn của NHTG.

Các quy định của Việt Nam về tham vấn cộng đồng được quy định trong Nghị định 18/2015/NĐ-CP và and khoản 4 và 5, điều 1 nghị định 40/2019/NĐ-CP, Thông tư 25/2019/TT-BTNMT. Cụ thể, trong quá trình chuẩn bị ĐTM, IEs sẽ xin ý kiến của UBND xã và đại diện của cộng đồng dân cư và các tổ chức bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các tiểu dự án. IEs sẽ tham vấn những người có nguy cơ bị ảnh hưởng trong quá trình chuẩn bị EMP/EPP.

Các chính sách an toàn của NHTG yêu cầu tất cả các dự án loại A và B, IEs sẽ phải thực hiện tham vấn người dân bị ảnh hưởng bởi dự án (PAPs) và các tổ chức phi chính phủ tại địa phương trong quá trình thực hiện Đánh giá môi trường. Với các tiểu dự án loại A, IEs phải thực hiện tham vấn các nhóm này ít nhất 2 lần: (a) ngay sau khi thực hiện sàng lọc tác động môi trường và trước khi hoàn thành các điều khoản tham chiếu cho Đánh giá môi trường; và (b) một lần khi hoàn thành dự thảo báo cáo EA. Ngoài ra, IEs sẽ phải tham vấn các nhóm chịu tác động này trong suốt quá trình thực hiện dự án nếu cần để xác định các vấn đề liên quan đến EA có ảnh hưởng đến họ.

Trong quá trình chuẩn bị các tài liệu ĐTM/EPP/EMP, tham vấn cộng đồng phải được thực hiện bằng hình thức dễ dàng và thuận lợi cho người dân địa phương (ví dụ: khảo sát, họp, tờ rơi, miên yết trên bảng, ...) và thông tin về những phát hiện những tác động môi trường chính và các biện pháp giảm thiểu đề xuất phải được cung cấp bằng ngôn ngữ địa phương để hiểu với hầu hết người dân bị ảnh hưởng. Các hoạt động tham vấn cộng đồng gồm thời gian, địa điểm, hình thức tham vấn, ý kiến của người được tham vấn và trả lời của chủ dự án (IEs) sẽ được đưa vào văn bản và kèm theo trong báo cáo ĐTM/EMP/EPP hoàn thiện.

V.5.3. Công bố tài liệu đánh giá môi trường

Trong quá trình chuẩn bị của tiểu dự án, toàn bộ tài liệu ĐTM/EMP/EPP của các tiểu dự án sẽ phải được công bố kịp thời ở những nơi dễ tiếp cận, theo hình thức và ngôn ngữ mà các bên liên quan dễ dàng hiểu được

PFI sẽ phải xác nhận với Ngân hàng, các bản sao cứng của dự thảo báo cáo EMP/ĐTM (bằng tiếng Việt) đã được công bố tại địa phương nơi thực hiện tiểu dự án, tại văn phòng và website của PFIs, và văn phòng của UBND xã và dễ dàng để người dân tiếp cận và thời điểm công bố. Công bố thông tin của tất cả các tiểu dự án sẽ được làm trước khi phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật hoặc Nghiên cứu khả thi của tiểu dự án.

Với dự án loại A, IEs phải gửi báo cáo ĐTM Tiếng Anh cho NHTG để công bố tại Infoshop. Một bản tóm tắt thực hiện báo cáo ĐTM cũng được yêu cầu chuẩn bị và công bố bằng cả Tiếng Anh và tiếng Việt.

V.6. Thực hiện, giám sát, quan trắc và báo cáo

V.6.1. Thực hiện

Trong quá trình thực hiện tiểu dự án, IEs có trách nhiệm đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện các yêu cầu về an toàn môi trường có trong tài liệu môi trường được phê duyệt/làm rõ (ĐTM/EMP/EPP).

Cụ thể, IEs sẽ kết hợp EMPs/ECOPs vào trong hồ sơ mời thầu và tài liệu hợp đồng. Căn cứ theo hợp đồng, nhà thầu xây dựng sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu

được mô tả trong EMP trong quá trình thực hiện tiểu dự án.

V.6.2. Giám sát và quan trắc

Trong quá trình thực hiện tiểu dự án, các biện pháp giảm thiểu được đưa ra trong ĐTM/EMP/EPP phải được giám sát để đảm bảo rằng các giải pháp đó được thực hiện đủ và kịp thời. Trong trường hợp cần có giải pháp bổ sung để đảm bảo tất cả các tác động môi trường phát sinh được xác định và giải quyết đầy đủ.

Giám sát nội bộ

Ngoài ra, IEs sẽ chỉ định nhân viên hoặc thuê tư vấn giám sát xây dựng (CSC) để hỗ trợ IEs trong việc giám sát sự tuân thủ của nhà thầu về các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã được đưa ra trong báo cáo ĐTM/EMP/EPP đã được phê duyệt/làm rõ. CSC sẽ giúp IE giám sát hàng ngày việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của nhà thầu.

IEs sẽ hợp đồng với một tư vấn môi trường độc lập để thực hiện giám sát chất lượng môi trường về chất lượng đất, không khí, nước như đưa ra trong báo cáo ĐTM /EMP/EPP đã được phê duyệt. Kết quả giám sát sẽ được báo cáo bằng văn bản cho IE. IE sẽ trình báo cáo kết quả quan trắc định kỳ lên PFIs, các cơ quan quản lý chức năng và các bên liên quan (nếu được yêu cầu).

Giám sát bên ngoài

- Các cơ quan quản lý môi trường địa phương (Sở TNMT/Bộ TNMT) chịu trách nhiệm giám sát sự tuân thủ các quy định môi trường trong ĐTM/EPP đã được phê duyệt của IEs.
- PFIs định kỳ sẽ thực hiện việc kiểm tra sự tuân thủ các quy định về an toàn môi trường của IEs trong quá trình thực hiện tiểu dự án và năm đầu tiên vận hành. Việc giám sát của PFI sẽ được thực hiện trong suốt vòng đời dự án và thời gian sau dự án.
- Ban QLDA sẽ thuê tư vấn độc lập để thực hiện giám sát độc lập sự tuân thủ các quy định về an toàn môi trường của IEs và PFIs. Việc giám sát thực hiện của IEs được thực hiện trong cả quá trình thực hiện tiểu dự án và trong năm đầu tiên vào vận hành tiểu dự án. Nhìn chung, với các dự án loại A sẽ có ít nhất 2 lần giám sát trong năm và với dự án loại B có ít nhất 1 lần giám sát trong năm.

Trong giai đoạn sau của dự án, PIE sẽ tiến hành giám sát bên ngoài ngẫu nhiên, khi cần thiết, về việc tuân thủ an toàn của các bảo lãnh/tiểu dự án.

- Các cộng đồng địa phương được khuyến cáo tham gia giám sát. Nếu có những phàn nàn từ các nhóm cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án, IEs phải cử ngay nhân viên đi đánh giá tình trạng của những ý kiến đó và đưa ra những hành động cần thiết để khắc phục. Báo cáo thực hiện EMP phải được gửi cho PFIs như một phần trong báo cáo tiến độ dự án.
- NHTG sẽ cung cấp các hướng dẫn kỹ thuật cần thiết cho PFIs cho phép họ thực hiện trách nhiệm giám sát của mình, các báo cáo liên quan và tài liệu yêu cầu.

V.6.3. Chế độ báo cáo

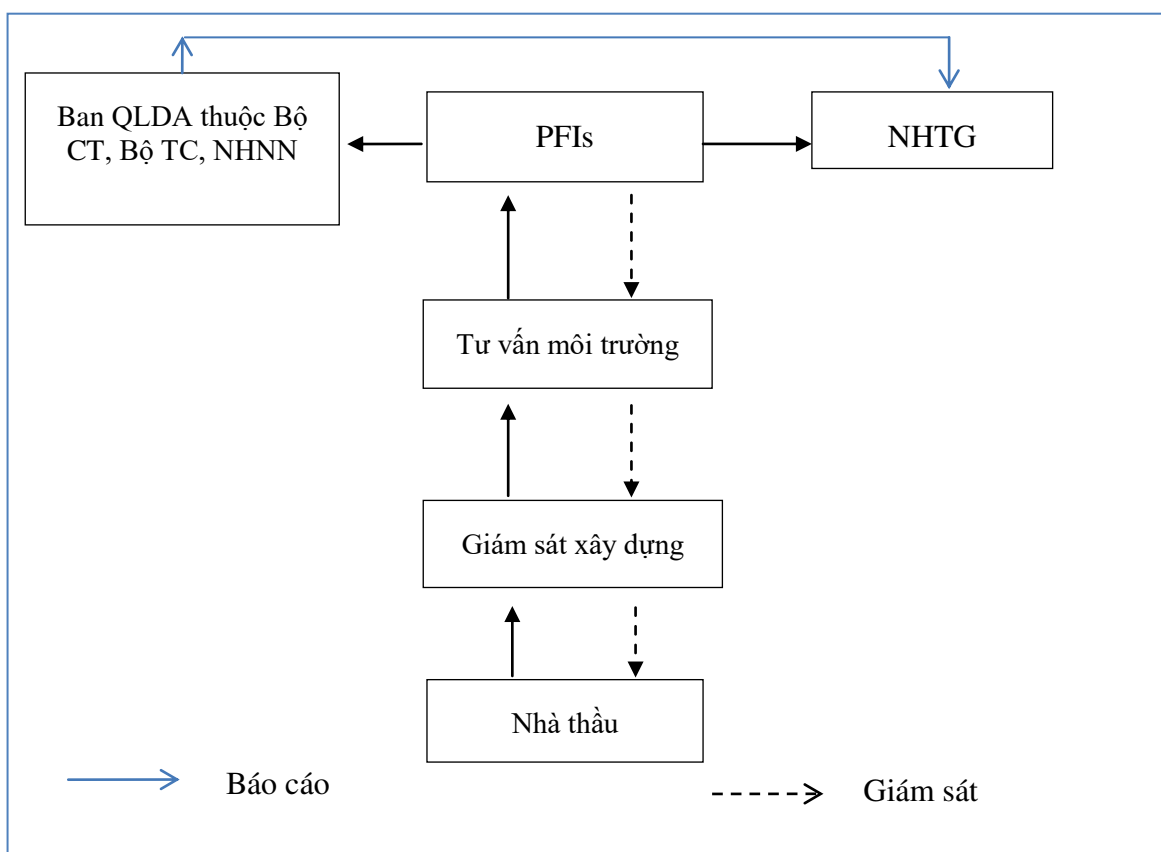
Các doanh nghiệp công nghiệp (IEs) sẽ lập các báo cáo định kỳ về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu và giám sát nội bộ theo kế hoạch trong EIA/EMP/EPP được duyệt. Các báo

cáo này sẽ được nộp cho PFI 6 tháng/lần trong quá trình thực hiện và năm vận hành đầu tiên.

Trong suốt vòng đời dự án, các PFIs sẽ trình báo cáo giám sát môi trường nửa năm/lần của các tiểu dự án được hỗ trợ tài chính lên Ban QLDA khoảng 4 tuần trước khi NHTG thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ.

Ban QLDA và PIE sẽ tổng hợp kết quả giám sát của mình (mỗi 6 tháng) và kết quả báo cáo của PFIs thành báo cáo giám sát tổng hợp trình lên NHTG trước mỗi nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ.

Khuyến nghị trong giai đoạn hậu dự án, các PFI phải báo cáo lên PIE về việc tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường của các tiểu dự án được bảo lãnh của họ 06 tháng/lần. PIE dựa trên báo cáo giám sát của PFI và giám sát bên ngoài của họ, sẽ yêu cầu IE và PFI thực hiện các biện pháp khắc phục để đảm bảo tuân thủ an toàn môi trường.



Hình 4: Hệ thống báo cáo

V.7. Các quy định an toàn đối với các hoạt động thuộc hợp phần 2 của dự án

Hỗ trợ kỹ thuật cho hợp phần 2 liên quan chủ yếu đến các hoạt động nâng cao năng lực. Các hoạt động này thường không gây ra các tác động môi trường và xã hội tiêu cực lớn và các rủi ro. Trong thực tế, hoạt động này giúp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an toàn của các tiểu dự án ở hợp phần 1. Do đó, Hỗ trợ kỹ thuật được phân thành loại C và không có tài liệu an toàn môi trường nào được yêu cầu chuẩn bị cho các hoạt động này.

Hơn nữa, trong quá trình thực hiện tất cả các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật sẽ được sàng lọc các

gợi ý tiềm ẩn về môi trường và xã hội, các rủi ro và tác động, phân loại tác động môi trường và việc lựa chọn các tài liệu an toàn môi trường liên quan. Tư vấn môi trường của Ban QLDA sẽ tham chiếu đến hướng dẫn trung gian hồ sơ Chính sách An toàn Môi trường đến các hoạt động Hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án được Ngân Hàng chi trả tài chính và Quỹ tín thác được NH trao quyền quản lý⁴ để sàng lọc hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến các tác động môi trường và xã hội và xác định các tài liệu an toàn môi trường phù hợp.

VI. SẮP XẾP THỰC HIỆN

VI.1. Trách nhiệm thực hiện Khung QLMTXH (ESMF)

Cơ quan thực hiện sẽ là Vụ tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững trực thuộc Bộ Công Thương cùng với Ban Quản lý dự án (Ban QLDA), cũng chính là Ban Quản lý dự án VEEIE, sẽ điều phối và giám sát thực hiện VSUEE.

BQLDA sẽ chịu trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể dự án VSUEE, giám sát quá trình thực hiện dự án VSUEE bao gồm cả việc tuân thủ biện pháp an toàn và có nhiệm vụ báo cáo định kỳ với Bộ Công Thương và NHTG. BQLDA cũng sẽ chịu trách nhiệm quản lý tất cả các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật thuộc dự án VSUEE của các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam và sẽ yêu cầu Bộ Tài Chính thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến hỗ trợ kỹ thuật từ các tài khoản đặc biệt được thiết lập cho VSUEE.

PIE chịu trách nhiệm xem xét và đánh giá các ứng dụng bảo lãnh; bao gồm kiểm tra để đảm bảo tính đầy đủ của các tài liệu về chính sách an toàn của các đề xuất bảo lãnh của các PFI cho các tiểu dự án IE. Trong quá trình triển khai tiểu dự án, cùng với PMB, PIE sẽ thực hiện giám sát về việc tuân thủ bảo vệ PFI và IE theo các yêu cầu quốc gia và chính sách bảo vệ của ngân hàng.

Các PFIs được chọn chịu trách nhiệm thực hiện hợp phần tín dụng và chịu trách nhiệm hoàn toàn quá trình cho vay và phê duyệt các tiểu dự án đáp ứng các tiêu chí trong OM, và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các rủi ro tín dụng liên quan. Mỗi PFI sẽ thành lập một bộ phận thực hiện dự án (PIU) với đội ngũ chuyên gia riêng, được hỗ trợ bởi các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia đảm bảo biện pháp an toàn môi trường và các chuyên gia mua sắm thiết bị. PIU sẽ thực hiện các hoạt động cho vay lại và hoạt động như tâm điểm của PFI để tương tác với Ngân hàng, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các bên liên quan khác. PIU cũng chịu trách nhiệm sàng lọc sơ bộ về tính hợp lệ của các tiểu dự án theo yêu cầu của khung ESMF này để tìm ra các tiểu dự án đủ điều kiện cho vay.

Tuy nhiên, trong số các PFIs tiềm năng vẫn có những tổ chức có năng lực thể chế không đầy đủ hoặc chưa hoàn thiện. Những tổ chức này phải tuyển dụng và đào tạo các chuyên gia môi trường và an toàn xã hội nhằm đảm bảo các yêu cầu an toàn của dự án được IEs và ESCO đáp ứng đầy đủ.

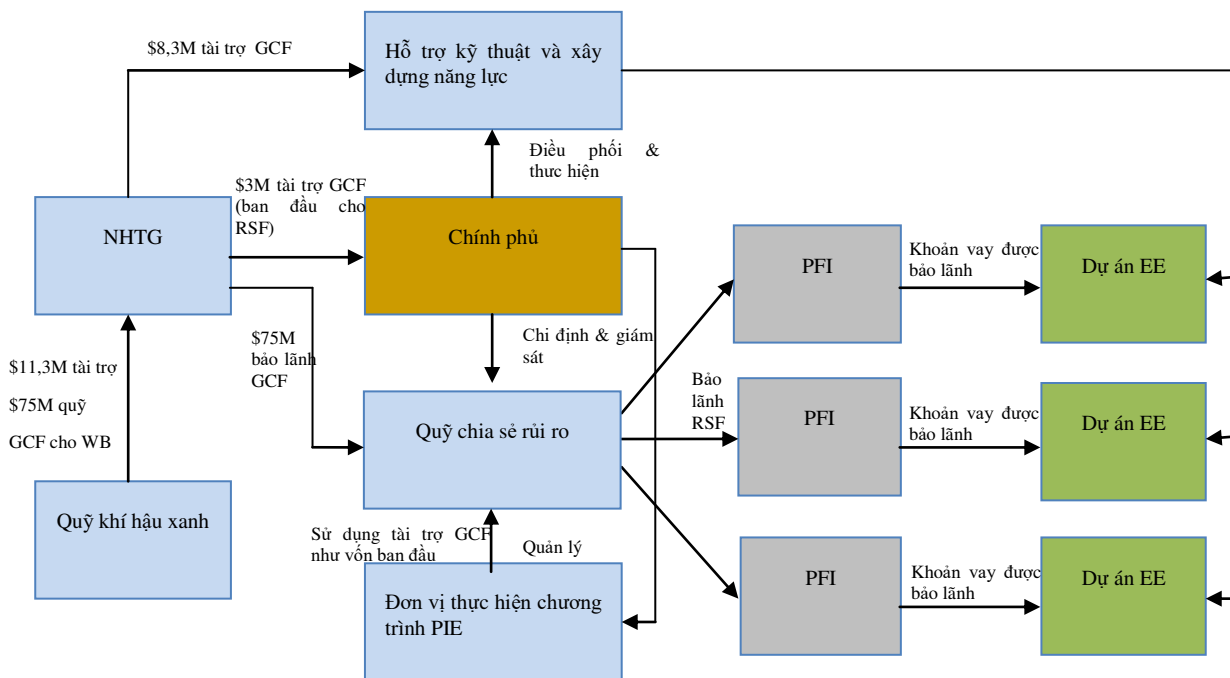
PFIs chịu trách nhiệm thẩm định và đánh giá các tiểu dự án và chịu trách nhiệm đối với toàn

⁴ Lưu ý này được xây dựng trên "Hướng dẫn sàng lọc và phân loại môi trường, 2007" và "Lưu ý hướng dẫn trung gian về Quy hoạch sử dụng đất". Để giải quyết những tác động môi trường và xã hội tiềm tàng từ chính sách cho vay phát triển, tham khảo OP / BP 8.60 về "Chính sách cho vay phát triển". Các nhân viên Ngân hàng nên sử dụng thông tin được cung cấp trong tài liệu này để chuẩn bị và tiến hành các dịch vụ tư vấn bồi hoàn.

bộ các rủi ro liên quan đến khoản vay của IEs. Các PFIs sẽ theo dõi/ giám sát tất cả các khoản vay để đảm bảo chúng được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Ngân hàng và Việt Nam, và nộp các báo cáo định kỳ bao gồm các báo cáo tín dụng và báo cáo an toàn cho Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, PIE và Ngân hàng. Các giám sát viên độc lập sẽ được chọn để thực hiện đánh giá dự án hàng năm về hoạt động của PFIs và IEs

Sổ tay Hoạt động (OM) dự án chi tiết bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, an toàn và các thủ tục cần được chuẩn bị. Khung chính sách môi trường và xã hội sẽ được tích hợp vào Sổ tay hoạt động, từ đó xác định các tiêu chí cụ thể cho các tiểu dự án hợp lệ.

Các doanh nghiệp công nghiệp có các tiểu dự án đảm bảo các phê duyệt cần thiết sẽ tiếp cận với các ngân hàng tham gia. Tất cả các doanh nghiệp công nghiệp tham gia chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu an toàn cho các hoạt động cụ thể theo VSUEE. Trách nhiệm của Ban QLDA, PFIs, các doanh nghiệp công nghiệp cũng như các bên liên quan khác thực hiện ESMF được mô tả trong hình vẽ sau và Bảng 7.



Hình 6: Cơ cấu tổ chức thực hiện VSUEE

Bảng 7: Trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện ESMF

Cộng đồng/Cơ quan	Trách nhiệm thực hiện
Bộ Công Thương (MoIT)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực năng lượng, bao gồm lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; - Giám sát thực hiện luật tiết kiệm và bảo tồn năng lượng và các quy định pháp luật có liên quan; - Giám sát tổng thể việc thực hiện dự án, phối hợp với các Bộ, ngành; - Tạo điều kiện cho BQLDA thực hiện tất cả các công tác cần thiết được yêu cầu để thực hiện thành công VSUEE; - Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương sẽ xem xét và

	<p>phê duyệt kịp thời;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia vào các nhiệm vụ giám sát/ đánh giá của NHTG; - Hỗ trợ BQLDA giải quyết các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án; - Phối hợp với các Bộ, ngành khác để tái cấu trúc dự án trong trường hợp cần thiết. - Lựa chọn đơn vị chuyên nghiệp thực hiện chương trình bảo lãnh (PIE). - Giám sát hoạt động của PIE.
Ban QLDA (PMB) trực thuộc Vụ TKNL và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm quản lý và điều phối các hoạt động hàng ngày trong khuôn khổ dự án VSUEE; - Thuê tư vấn để thực hiện xây dựng năng lực cho các tổ chức tài chính tham gia - Giám sát việc thực hiện các biện pháp an toàn của PFIs và IEs. - Xem xét lại các báo cáo giám sát an toàn do các PFI và IE trình lên BQLDA; - Báo cáo việc thực hiện các biện pháp an toàn tổng thể của dự án VSUEE lên Bộ Công thương và NHTG. - Hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật khi có yêu cầu.
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV)	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nước CHXHCN Việt Nam ký kết Hiệp định vay với NHTG
NHTG	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát an toàn dự án và cung cấp các hướng dẫn cho PMB/PFIs thực hiện dự án bao gồm cả việc thực hiện các biện pháp an toàn. - Xem xét và thông qua điều khoản tham chiếu cho các tiểu dự án loại A - Thực hiện các bước kiểm tra ban đầu và làm rõ các tài liệu an toàn cho tất cả các tiểu dự án loại A và các tiểu dự án loại B được chọn.
Đơn vị thực hiện chương trình (PIE)	<ul style="list-style-type: none"> - Được MoIT lựa chọn để thực hiện việc Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của MoIT (có thể là một ngân hàng hoặc một cơ quan bảo lãnh hiện có). - PIE xem xét và đánh giá hồ sơ xin bảo lãnh bao gồm việc kiểm tra để đảm bảo tính đầy đủ của các tài liệu chính sách an toàn của các đề suất bảo lãnh của PFI cho các tiểu dự án của các IE. - Giám sát việc thực hiện chính sách an toàn của các PFI và IE. - Phát hành các bảo lãnh tín dụng. - Điều chỉnh các điều khoản bảo lãnh dựa trên phản hồi của thị trường, trong giới hạn trước khi được phê duyệt. - Chủ động theo dõi và quản lý rủi ro và mức vốn đầy đủ. - Xác minh các yêu cầu đòi bảo lãnh và thanh toán cho PFIs. - Phối hợp với các PFIs và các cơ quan chính phủ có liên quan khi cần về nỗ lực thu hồi thất thoát vốn.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nỗ lực tiếp thị cho quỹ.
Các tổ chức tài chính tham gia (PFIs)	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi PFI sẽ thành lập một đơn vị thực hiện dự án và phân công một cán bộ môi trường và xã hội chịu trách nhiệm đánh giá và giám sát an toàn cho tiểu dự án trong quá trình thực hiện. - Đơn vị thực hiện dự án được yêu cầu tuyển dụng và đào tạo các chuyên gia môi trường và xã hội trong các năm đầu của dự án để đảm bảo các cán bộ môi trường của PFI đáp ứng được các yêu cầu trong ESMF. - Sàng lọc, xem xét và phê duyệt các tài liệu môi trường (trong giai đoạn chuẩn bị) và các báo cáo giám sát (trong giai đoạn thực hiện) của các doanh nghiệp công nghiệp. - Giám sát việc thực hiện tuân thủ các biện pháp an toàn và môi trường của nhà thầu/ nhà cung cấp thiết bị trong quá trình thực hiện và trong năm đầu tiên vận hành dự án bởi IEs. - Báo cáo việc thực hiện bao gồm cả việc tuân thủ các các biện pháp bảo vệ môi trường lên PIE và BQLDA xem xét.
Các doanh nghiệp công nghiệp (IEs)	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị các tài liệu môi trường phù hợp theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và hướng dẫn của NHTG - Có tài liệu an toàn được phê duyệt phù hợp với quy định quốc gia và chính sách an toàn của NHTG - Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động được quy định trong các tài liệu an toàn môi trường đã được phê duyệt. - Giám sát nội bộ việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu của các nhà thầu - Báo cáo việc tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường lên PFI
Tư vấn môi trường (EC)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong suốt quá trình chuẩn bị dự án, EC được thuê để chuẩn bị các báo cáo giám sát môi trường theo yêu cầu của tiểu dự án. - Với tất cả các tiểu dự án được xác định là loại A, các tài liệu môi trường phải được chuẩn bị bởi các công ty có đủ trình độ. - Điều khoản tham chiếu do tư vấn chuẩn bị báo cáo cho các tiểu dự án loại A phải được trình lên ngân hàng xem xét trước. - Trong giai đoạn vận hành dự án, các doanh nghiệp công nghiệp phải thuê tư vấn để thực hiện giám sát nội bộ được quy định trong các tài liệu đánh giá môi trường đã được phê duyệt.
Nhà thầu thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động và giám sát nội bộ việc thực hiện trong suốt giai đoạn xây dựng. Nhà thầu phải đạt được các thỏa thuận cho phép xây dựng (xử lý chất thải, kiểm soát và dẫn dòng giao thông, đào đắp, an toàn lao động, ... trước khi tiến hành xây dựng) tuân thủ các quy định hiện hành.
Tư vấn giám sát xây	<ul style="list-style-type: none"> - Sẽ chịu trách nhiệm giám sát thường xuyên và giám sát tất cả

dựng	<p>các hoạt động xây dựng và đảm bảo rằng các nhà thầu tuân thủ các yêu cầu của hợp đồng và EMP/ECOP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ IE trong việc báo cáo và duy trì phối hợp chặt chẽ với cộng đồng địa phương
Chính quyền địa phương bao gồm STNMT	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt báo cáo (ĐTM/EPP) và thực hiện nhiệm vụ giám sát theo trách nhiệm được quy định theo Luật Việt Nam.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Theo thực tiễn Việt Nam, cộng đồng có quyền và trách nhiệm thường xuyên theo dõi hoạt động môi trường trong quá trình xây dựng để đảm bảo rằng quyền lợi và sự an toàn của họ được bảo vệ đầy đủ và các biện pháp giảm thiểu được thực hiện hiệu quả do các nhà thầu và IA. Nếu vấn đề bất ngờ xảy ra, họ sẽ báo cáo cho CSC và IE.
Các Tổ chức xã hội, Tổ chức phi chính phủ và các nhóm dân sự xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Các tổ chức khác có thể là một cầu nối giữa UBND tỉnh /UBND huyện, cộng đồng, nhà thầu, và BQLDA bằng cách hỗ trợ trong việc giám sát cộng đồng. - Huy động sự tham gia của cộng đồng trong tiểu dự án, cung cấp đào tạo cho cộng đồng. - Tham gia trong việc giải quyết vấn đề môi trường, nếu có

VI.2. Tích hợp ESMF vào Sổ tay hoạt động của dự án

Sổ tay hoạt động của dự án đã được tích hợp các khung chính sách bao gồm cả các thủ tục/các vấn đề môi trường quy định khung chính sách về an toàn môi trường nên bắt buộc phải được áp dụng. Những nội dung này sẽ bao gồm: (i) sàng lọc tiểu dự án; (ii) danh mục hoặc các hoạt động giảm thiểu các tác động môi trường phù hợp; (iii) có biểu mẫu kiểm tra thực tế tại hiện trường ở cấp độ tiểu dự án; (iv) xây dựng các hướng dẫn/công cụ hỗ trợ; (v) đánh giá và giám sát chi tiết các biện pháp an toàn sẽ được thực hiện; và (vi) định nghĩa và vai trò của cơ quan đánh giá thứ 3.

Các yêu cầu trong khung ESMF sẽ được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án trong thời hạn bảo lãnh.

VII. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

VII.1. Đánh giá năng lực tổ chức

Các PFIs tiềm năng bao gồm Vietcombank, ACB, TP bank, Liên Việt Postbank, MB bank, BIDV, Vietinbank, HSB, Techcombank, SH bank và HD bank.

Những kiến thức và kinh nghiệm của các bên liên quan như IEs, PFIs và Bộ Công Thương về thực hiện các biện pháp an toàn còn đang hạn chế. Bộ Công Thương đã tham gia vào một số dự án được do NHTG tài trợ. Tuy nhiên, không có nghĩa rằng các nhân viên an toàn được giao thực hiện các dự án trước đây có thể tham gia vào các dự án thuộc VSUEE. Trong số các ngân hàng trên, ngân hàng BIDV, SHB, Vietinbank, Vietcomabnk và Techcomnak đã tham gia Dự án năng lượng tái tạo do NHTG tài trợ. Hai PFIs (BIDV và Vietinbank) đã tham gia vào dự án Tài chính nông thôn 3 (RF3). Tại BIDV, phòng Môi trường với 3 nhân sự được đào

tạo về môi trường và quen thuộc với chính sách an toàn của NHTG, hoàn toàn có khả năng tham gia vào các tiểu dự án nông nghiệp. Các PFIs còn lại chưa có kinh nghiệm trong các chính sách an toàn của NHTG. Mặc dù hệ thống quản lý môi trường của dự án VSUEE và VEEIEs là tương tự, tuy nhiên, nâng cao năng lực về chính sách an toàn của dự án VEEIEs vẫn chưa được thực hiện.

Các IE hầu như không có kinh nghiệm với các chính sách này. Hướng dẫn chi tiết và chương trình đào tạo phù hợp phải được phát triển và thực hiện để nâng cao năng lực của các bên liên quan trong việc thực hiện các chính sách an toàn.

Trong thời gian thực hiện Dự án, mỗi PFIs sẽ chỉ định một cán bộ có thẩm quyền có trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường và xã hội. Ngoài ra, một chuyên gia tư vấn sẽ do PMU thuê để thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ môi trường và xã hội của các PFIs và IEs về việc thực hiện các biện pháp an toàn.

VII.2. Đào tạo

Để đảm bảo các biện pháp giảm thiểu tác động chính được thực hiện một cách hiệu quả, các khoá đào tạo về an toàn sẽ tập trung tăng cường kiến thức, kỹ năng về (a) các chính sách và quy trình thực hiện các tài liệu hướng dẫn an toàn (EMP/ESMF) được thiết kế cho dự án và các tiểu dự án; (b) đào tạo chuyên sâu về giám sát và theo dõi Nhà thầu và EC thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường bao gồm các biểu mẫu và quy trình báo cáo; và (c) các kiến thức chung về các bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện xây dựng nhằm giảm thiểu các tác động tiềm tàng tới môi trường địa phương và các khía cạnh an toàn.

Dựa trên nhu cầu thực tế từ việc triển khai ESMF, một chương trình xây dựng năng lực và đào tạo cho các đơn vị liên quan được thiết lập như Bảng 8 dưới đây. Chi phí chương trình xây dựng năng lực được bao gồm trong chi phí thực hiện các biện pháp an toàn.

Bảng 8: Đề xuất chương trình xây dựng năng lực về quản lý môi trường

Nội dung đào tạo	Đối tượng đào tạo	Số học viên	Thời gian đào tạo	Đơn vị tổ chức	Ngân sách
Đào tạo về các chính sách và quy trình hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp an toàn	Nhân viên của PMB, Tổ chức tư vấn môi trường, IEs, PFIs	200	Trong giai đoạn chuẩn bị của tiểu dự án	PMB phối hợp với tư vấn môi trường	Một phần của hợp đồng tư vấn môi trường

VII.3. Hỗ trợ kỹ thuật

Với số lượng các tiểu dự án và tính chất/địa điểm của chúng, ước tính có ít nhất 2 khóa đào tạo về chính sách an toàn phải được cung cấp trong hai năm đầu triển khai Dự án. Các khoá đào tạo này tập trung vào những quy định về môi trường của Việt Nam và chính sách cùng

quy trình/ thủ tục hướng dẫn an toàn của NHTG, đặc biệt quá trình sàng lọc và thẩm định các tài liệu về môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của các tiểu dự án; những kiến thức, chính sách và thủ tục liên quan đến các vấn đề môi trường có thể được hoàn thành trước khi khởi công xây dựng; giám sát việc tuân thủ về mặt môi trường của các IE trong quá trình thực hiện tiểu dự án. Tất cả các cán bộ chủ chốt chịu trách nhiệm về cách hoạt động nên tham gia vào việc đào tạo. Đào tạo về giám sát cho Nhà thầu phải được tiến hành ít nhất 1 tháng trước khi xây dựng. Những người tham gia chủ chốt nên bao gồm nhân viên và tư vấn môi trường của PFI, IE, BQLDA, các đại diện từ các cơ quan địa phương, cộng đồng địa phương, và/hoặc các tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm giám sát nhà thầu.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN ESMF

Bảng 9. Ngân sách và nguồn kinh phí dự kiến thực hiện ESMF

Các hoạt động	Nguồn tài chính
BQLDA xây dựng năng lực cho PFIs, IE BQLDA giám sát việc thực hiện biện pháp an toàn của các PFIs, IEs	Hợp phần 2 của VSUEE: hỗ trợ kỹ thuật
Nhân viên an toàn được chỉ định theo đơn vị thực hiện dự án (PIU) của mỗi PFI	PFIs
Phát triển các tài liệu môi trường của tiểu dự án	IEs
Thực hiện các biện pháp giảm thiểu	Một phần của hợp đồng xây dựng/ lắp đặt
Giám sát nội bộ bởi tư vấn giám sát xây dựng, IEs trong suốt quá trình thực hiện dự án.	Hợp phần 2 của VSUEE: hỗ trợ kỹ thuật

IX. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại được đề cập dưới đây không chỉ áp dụng riêng cho khung chính sách này mà còn áp dụng cho cả RPF và EMPF.

Các doanh nghiệp công nghiệp sẽ thiết lập cơ chế khiếu nại và khiếu kiện để tiếp nhận và giải quyết các vấn đề tái định cư của cộng đồng/ người bị ảnh hưởng bởi dự án. Cơ chế này phải dựa trên các nguyên tắc là (i) tính cân đối; (ii) khả năng tiếp cận; (iii) tính minh bạch; và (iv) sự phù hợp văn hóa như sau.

- (i) Tính cân đối có nghĩa là việc chia tỷ lệ cơ chế đối với các nhu cầu dự án. Với một dự án có tác động tiêu cực tiềm tàng thấp, cơ chế đơn giản và trực tiếp được ưu tiên để giải quyết giải quyết các khiếu nại như tổ chức họp công khai, gọi điện đến đường dây nóng, thông qua phương tiện truyền thông hiện có, qua tài liệu quảng cáo, và một cán bộ liên lạc cộng đồng;
- (ii) Khả năng tiếp cận nghĩa là thiết lập một cơ chế rõ ràng, miễn phí và dễ dàng để tiếp cận cho các nhóm cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan tiềm năng khác. Cách tốt

nhất để đạt được điều này là địa phương hóa điểm liên hệ. Việc này đem lại hiệu quả cho cả chủ dự án và nhà thầu xây dựng. Để thực hiện được việc địa phương hóa điểm liên hệ, cần phải có cán bộ có các kỹ năng phù hợp, được đào tạo và quen thuộc với công việc liên lạc cộng đồng làm việc trong khu vực dự án càng nhanh càng tốt. Khả năng tiếp cận cho phép chủ sở hữu tạo được nhiều hơn các mối quan hệ mang tính xây dựng với các cộng đồng địa phương. Điều này cũng sẽ giúp chủ dự án can thiệp nhanh hơn vào các vấn đề tranh chấp hoặc các vấn đề có liên quan đến môi trường và bằng phương pháp thích hợp, vì việc duy trì sự hiện diện của một gương mặt quen thuộc trong khu vực giúp đem lại sự tin tưởng cao và từ đó, các mối quan hệ cũng trở nên thân thiết hơn;

(iii) Tính minh bạch có nghĩa là những người thuộc các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án biết được ai là người chịu trách nhiệm xử lý các khiếu nại và thông báo kết quả giải quyết khiếu nại. Điều này sẽ giúp người dân tin tưởng rằng cơ chế giải quyết khiếu nại được sử dụng bởi cả chủ dự án và nhà thầu xây dựng;

(iv) Sự phù hợp văn hóa có nghĩa là cần chú ý sự nhạy cảm văn hóa trong khi thiết kế và thực hiện các cơ chế khiếu nại.

Thực hiện các nguyên tắc này, doanh nghiệp công nghiệp sẽ có thể tiếp cận với các bên liên quan và giải quyết các khiếu nại của họ trong thời gian ngắn nhất có thể. Vấn đề mang tính quyết định để giải quyết các khiếu nại là phải đảm bảo tất cả các khiếu nại nhận được phải được lưu giữ; một bộ phận có liên quan của IE sẽ chịu trách nhiệm về các khiếu nại; và các hành động giải quyết khiếu nại phải được sự đồng ý của cả hai bên. Vì vậy, các phản hồi khiếu nại phải thỏa mãn cả hai bên, các hành động giải quyết được theo dõi, và người khiếu nại phải được thông báo về kết quả của các hành động giải quyết khiếu nại. (xem Hình 7).

Trong trường hợp giữa các bên không có được sự đồng thuận, các khiếu nại và khiếu kiện sẽ được trình lên hệ thống tư pháp của chính quyền cấp địa phương và cấp nhà nước với các trách nhiệm như sau:

Cấp VSUEE – UBND xã

Một hộ gia đình bị ảnh hưởng cảm thấy không hài lòng với cách làm việc của dự án có thể đem đơn khiếu nại đến bộ phận tiếp nhận của UBND xã để nộp và được hướng dẫn các thủ tục cần thiết. UBND xã sẽ gặp trực tiếp với cá nhân hộ gia đình đó và sẽ tiến hành giải quyết khiếu nại trong vòng 5 ngày sau khi nhận được đơn khiếu nại (Lưu ý: tại các vùng sâu vùng xa, vùng miền núi, khiếu nại sẽ được giải quyết trong vòng 15 ngày). Thư ký của UBND xã sẽ có trách nhiệm ghi chép lại, lập thành văn bản và lưu trữ hồ sơ về mọi kiến nghị đã được giải quyết. Sau khi có quyết định của UBND xã, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì hộ đó có thể trình đơn khiếu nại lên UBND huyện.

Cấp thứ hai- UBND huyện

UBND huyện sẽ có thời hạn 15 ngày để giải quyết sau khi nhận được đơn khiếu nại (hoặc 45 ngày đối với khu vực vùng sâu vùng xa và miền núi). UBND huyện sẽ có trách nhiệm ghi chép lại, lập thành văn bản và lưu trữ hồ sơ về mọi kiến nghị đã được giải quyết. Sau khi có quyết định của UBND huyện, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì

hộ đó có thể trình đơn khiếu nại lên UBND tỉnh.

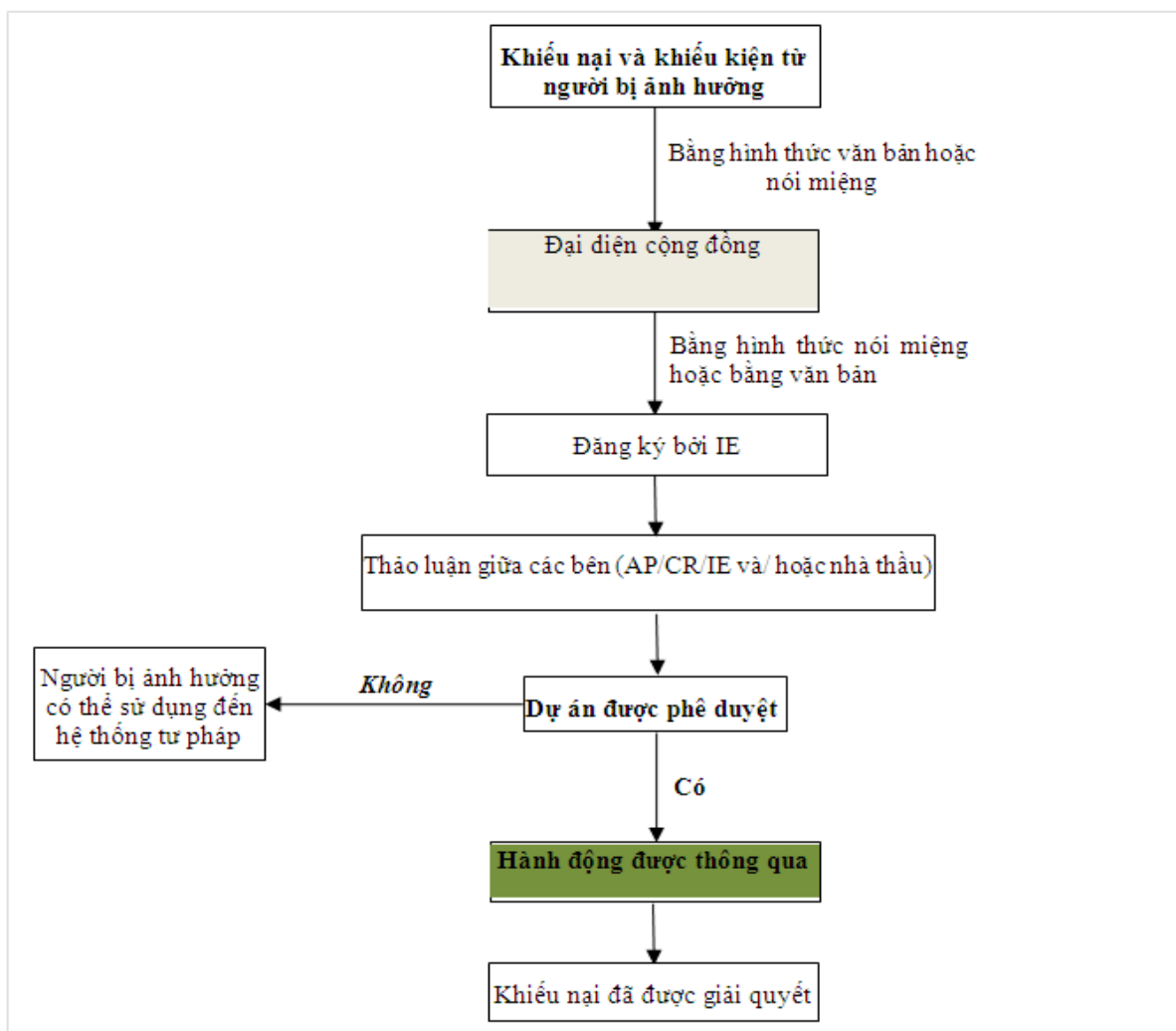
Cấp thứ ba – UBND tỉnh

UBND tỉnh sẽ có thời hạn 30 ngày để giải quyết sau khi nhận được đơn khiếu nại (hoặc 45 ngày đối với khu vực vùng sâu vùng xa và miền núi). UBND tỉnh sẽ có trách nhiệm ghi chép lại, lập thành văn bản và lưu trữ hồ sơ về mọi kiến nghị đã được giải quyết. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 45 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì hộ đó có thể trình đơn khiếu nại lên tòa án trong vòng 45 ngày.

Cấp cuối cùng – Tòa án

Đơn khiếu nại trong trường hợp đưa ra tòa án và tòa án đứng về phía người khiếu nại thì chính quyền tỉnh sẽ phải tăng mức đền bù theo quyết định của tòa án. Trong trường hợp tòa án đứng về phía của UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ nhận được mức bồi thường như trong kế hoạch đền bù đã được phê duyệt và tuân thủ tất cả các yêu cầu về giải phóng mặt bằng.

Để đảm bảo cơ chế giải quyết khiếu nại trên mang tính thực tiễn và được chấp thuận bởi cộng đồng/cá nhân bị ảnh hưởng, cần thiết phải tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương và các cộng đồng bị ảnh hưởng về cơ chế này, đặc biệt là với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.



Hình 6: Cơ chế giải quyết khiếu kiện, khiếu nại của dự án

X. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trong quá trình chuẩn bị ESMF, một hội thảo tham vấn về ESMF đã được thực hiện vào ngày 29 tháng 5 năm 2018. Một tuần trước khi hội thảo, giấy mời và bản dự thảo ESMFs được gửi tới các bên liên quan bao gồm Bộ Công thương, tổ chức NGO (Pan Nature), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ TNMT, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng công ty thép Việt Nam, Tổng công ty xi măng Việt Nam, và 6 Ngân hàng thương mại tiềm năng (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).

Buổi tham vấn được tổ chức tại phòng họp thuộc Bộ Công thương, số 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thành phần tham gia gồm có cán bộ Ban QLDA, đại diện của Bộ Công thương, tư vấn trong nước, các tổ chức phi chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ TNMT, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, các ngân hàng thương mại tiềm năng.

Mục tiêu của buổi tham vấn là giới thiệu khung chính sách an toàn gồm Khung chính sách môi trường và xã hội, Khung chính sách tái định cư, Khung chính sách dân tộc thiểu số để nhận diện các tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án, và trên cơ sở đó, thông báo chiến lược thiết kế/can thiệp cũng như phát triển các công cụ an toàn phù hợp.

Bản dự thảo ESMF, RPF và EMDF được gửi đến các Bộ có liên quan và các tỉnh có dự án để thu thập thêm các ý kiến bổ sung trước khi hoàn thiện bản cuối. Các ý kiến và các mối quan tâm được trình bày trong quá trình hội thảo đã được đưa vào trong quá trình chuẩn bị và hoàn thiện ESMF, RPF và EMDF.

Kết quả của buổi hội thảo tham vấn tập trung vào một số điểm sau:

Các ý kiến	Phản hồi từ Ban QLDA và Tư vấn
<ul style="list-style-type: none">- Khung chính sách (phân loại dự án, vị trí, dân tộc thiểu số, đền bù tái định cư, v.v.) nên được làm rõ và tiếp cận dễ dàng để thực hiện trong thực tế.- Dự án nên làm rõ phạm vi của khung chính sách (những dự án đã có hoặc tiềm năng, bên trong hay bên ngoài phạm vi nhà máy, an toàn môi trường và đánh giá xã hội, v.v.)	<ul style="list-style-type: none">- Sau khi trao đổi với NHTG và Vụ TKNL và Phát triển bền vững về phạm vi công việc, tư vấn sẽ chỉnh sửa chi tiết;- Phạm vi của khung chính sách này là cho những dự án tiềm năng. Những dự án này phải được sàng lọc theo quy định của Việt Nam và hướng dẫn của NHTG. Quy trình cho những dự án phù hợp được chỉ ra trong Phụ lục của khung chính sách. Tuy nhiên, việc đánh giá an toàn môi trường phải theo các quy định của Việt Nam và hướng dẫn của NHTG.- Khung chính sách đã được xây phù hợp cho các PFIs, vì vậy các PFIs phải bố trí cán bộ phù hợp để thực hiện. Những cán bộ này sẽ được đào tạo nâng cao năng lực.- Khung chính sách và hướng dẫn sẽ được điều chỉnh theo hướng dễ tiếp cận thực hiện.

<i>Các ý kiến</i>	<i>Phản hồi từ Ban QLDA và Tư vấn</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án nên cập nhật những quy định mới về bảo vệ môi trường và công nghệ sạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Những quy định mới về môi trường đã được cập nhật vào khung chính sách.
<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA nên thương thảo với NHTG về lãi suất. PFIs hi vọng giảm lãi vay để bù đắp lại chi phí. - Cần thiết nâng cao năng lực cho các cán bộ thẩm định của ngân hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA thấy rằng dự án GCF này đã hỗ trợ rất ưu đãi, không có nhiều nội dung để đàm phán về lãi suất. - Dự án VSUEE tăng tính hấp dẫn của dự án VEEIE và lãi suất vẫn trong quá trình thương thảo để tìm giải pháp về lãi. NHTG đang cân nhắc một cơ chế để giảm rủi ro cho các ngân hàng thương mại khi thay đổi tỷ giá.
<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ các quy định và quy trình khi vỡ nợ xảy ra. Trong trường hợp này, điều kiện để được nhận bảo lãnh là gì? - Làm rõ và cân nhắc cơ chế để giải quyết hoặc đền bù cho những thiệt hại trong trường hợp này của các PFIs. 	<ul style="list-style-type: none"> - Để giảm thiệt hại như đã đề cập từ những dự án được bảo lãnh, PFIs được yêu cầu tăng cường trách nhiệm của họ đối với việc thẩm tra giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án. Khi những vấn đề như thế xuất hiện sẽ kịp thời phát hiện ngay từ đầu, và khi đó giữa ngân hàng và bên doanh nghiệp đi vay sẽ phải đưa ra phương án khắc phục. - NHTG và Ban QLDA sẽ cho thời gian để các bên thực hiện. Nếu sau thời gian đó biện pháp khắc phục không được thực hiện hoặc không triển khai thực hiện, bên cho vay sẽ tiến hành các hành động tiếp theo. Thực tế rủi ro sẽ rơi vào ngân hàng hơn là bên đi vay. Điều đó liên quan đến ràng buộc của ngân hàng về trách nhiệm rà soát, thẩm định dự án để đưa ra quyết định cho vay. - Về tiêu chuẩn để được thanh toán bảo lãnh, vấn đề này chưa chốt và sẽ được trao đổi và làm rõ lại với NHTG.

Bản dự thảo tiếng Việt cuối sẽ được công bố trên trang web của Bộ Công thương và bản dự thảo tiếng Anh sẽ được công bố tại quầy thông tin của ngân hàng trước khi gửi cho hội đồng thẩm định.

Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin về các công cụ chính sách của các tiểu dự án trong dự án VSUEE sẽ được thực hiện tuân thủ ESMF, RPF, EMDF, các quy định của chính phủ, chính sách bảo vệ của Ngân hàng Thế giới và chính sách của Ngân hàng về việc tiếp cận thông tin ở cấp tiểu dự án trong quá trình thực hiện dự án.

XI. PHẦN PHỤ LỤC

Các phụ lục dưới đây được chuẩn bị để hỗ trợ các Chủ doanh nghiệp công nghiệp và PFIs trong quá trình thực hiện Khung chính sách an toàn môi trường của dự án VSUEE. Nội dung chi tiết từng phụ lục như sau:

- **Phụ lục 1:** danh mục Chính sách an toàn môi trường và xã hội được áp dụng

cho tiêu dự án.

- **Phụ lục 2:** Danh mục các tác động môi trường của dự án được sàng lọc.
- **Phụ lục 3:** Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch quản lý môi trường.
- **Phụ lục 4:** Quy tắc Môi trường thực tiễn (ECOPs).
- **Phụ lục 5:** Quy trình quản lý.
- **Phụ lục 6:** Biên bản tham vấn cộng đồng.
- **Phụ lục 7:** Hướng dẫn của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An toàn; và các hướng dẫn của các ngành công nghiệp liên quan

Phụ lục 1. Danh mục kiểm tra an toàn Môi trường và xã hội

Đối với Cùng với tất cả các tiểu dự án/ các hoạt động trong Hợp phần 1 của dự án VSUEE, các tư vấn/cán bộ môi trường của PFI sẽ tiến hành kiểm tra để xác định tính hợp lệ của các tiểu dự án.

Các tư vấn và/hoặc cán bộ môi trường của PFI sẽ hoàn thành danh sách kiểm tra. Bằng cách biểu thị “Có” cho bất kỳ một chính sách an toàn nào khác ngoài các chính sách OP4.01, OP4.10 và OP4.12 thì tiểu dự án đó sẽ được xem xét kỹ hơn.

Lưu ý: Nếu tiểu dự án có bất kỳ chính sách nào được kích hoạt, Chủ dự án phải chỉ ra được mức độ nghiêm trọng của các tác động tiềm ẩn, như được hướng dẫn trong bảng sau đây.

Đánh giá môi trường OP/BP 4.01	Dự án có tiềm ẩn các rủi ro bất lợi cho môi trường hoặc xã hội hay không, và phạm vi ảnh hưởng của các tác động trong của dự án này như thế nào?	Không	Có <i>Nếu Có, đề nghị nêu rõ mức độ nghiêm trọng tiềm tàng của tác động và nêu các yếu tố nào trong thiết kế dự án có thể giúp ngăn ngừa được những tác động có hại tiềm ẩn.</i>	
Môi trường sống tự nhiên OP/BP 4.04	Ngân hàng không tài trợ các dự án làm suy thoái hoặc làm biến đổi những nơi cư trú đặc biệt quan trọng (khu vực được bảo vệ hoặc những vị trí có tầm quan trọng về đa dạng sinh học). Các hoạt động của dự án có khả năng gây ra sự biến đổi (biến mất) nghiêm trọng hoặc gây suy thoái các môi trường sinh thái không quan trọng? (Sự biến mất có thể là tác động trực tiếp từ các hoạt động xây dựng, hoặc là tác động gián tiếp – thông qua các hành động của con người gây ra khi thực hiện dự án)	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị chỉ ra các địa điểm có thể thay thế hoặc nếu không có sẵn địa điểm nào thay thế được thì những giải pháp đề xuất nào trong khi thiết kế dự án này có thể giúp giảm thiểu/phòng tránh được những tác động tiềm ẩn bất lợi</i>	
Quản lý loài gây bệnh	Dự án có sử dụng hoặc mua bán các loại thuốc trừ sâu nào không?	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị chỉ ra các yếu tố thiết kế</i>	

OP 4.09	Dự án có giới thiệu các biện pháp phòng trừ sâu bệnh mới hoặc mở rộng hay thay đổi các biện pháp quản lý sâu bệnh hiện thời hay không?	Không	<i>trong dự án (kết hợp quản lý sâu bệnh mà có thể giúp cho việc phòng ngừa các tác động bất lợi tiềm ẩn.</i>	
	Có các hoạt động nào của dự án có thể dẫn đến gia tăng sử dụng thuốc trừ sâu không?	Không		
	Dự án có bao gồm việc sản xuất hoặc thải bỏ một lượng lớn thuốc phòng trừ sâu bệnh ra ngoài môi trường không?	Không		
Rừng OP/BP 4.36	Dự án có khả năng tác động đến sự phát triển và chất lượng rừng hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi và thu nhập của những người sống phụ thuộc hoặc sống dựa vào rừng?	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị nêu ra các biện pháp sẽ được thực hiện để phòng ngừa các tác động bất lợi tiềm ẩn</i>	
	Dự án có nhằm vào việc làm thay đổi trong việc quản lý, bảo vệ, khai thác rừng tự nhiên hoặc rừng trồng?	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị chỉ ra rằng việc quản lý có thể đảm bảo được tính bền vững của các nguồn tài nguyên rừng hay không?</i>	
Sự an toàn đập	Có bất kỳ hoạt động dự án nào liên quan đến việc xây dựng các đập nước có quy mô lớn không?	Không	Có	
Di sản văn hóa OP/BP 4.11	Các hoạt động dự án có khả năng tác động một cách bất lợi lên các tài nguyên văn hóa tự nhiên hay không? Liệu có thể có đền chùa, di tích, nghĩa địa hoặc các khu vực khảo cổ trong khu vực dự án không?	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị đưa ra các biện pháp thiết kế của dự án giúp ngăn ngừa các tác động bất lợi tiềm ẩn.</i>	

Các dự án trong vùng đường thủy quốc tế OP/BP 7.50	Các hoạt động của dự án có được diễn ra trong tuyến đường thủy quốc tế hay không?	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị liên hệ với Ngân hàng để có thêm thông tin.</i>	
Dự án nằm trong khu vực tranh chấp OP/BP 4.37	Các hoạt động của dự án có được thực hiện trong vùng tranh chấp hay không?	Không	Có <i>Nếu có, đề nghị liên hệ với Ngân hàng để có thêm thông tin.</i>	
Tái định cư không tự nguyện.	Các hoạt động của dự án có khả năng phát sinh tái định cư không tự nguyện hay không? Xin lưu ý rằng việc mất đất hay mất các tài sản khác được gây ra bởi: (i) phải di dời hay mất nơi cư trú; (ii) bị mất khả năng tiếp cận đến các nguồn lợi từ khu vực được bảo vệ dẫn đến những tác động bất lợi về sinh kế của người dân; (iii) mất các nguồn thu nhập hoặc các phương tiện kiếm sống, những người bị ảnh hưởng có phải di chuyển đến nơi khác không? Nếu diện tích đất thu hồi không có người dân phải tái định cư bắt buộc thì chính sách này không được kích hoạt.		Có <i>Nếu có, hãy tham chiếu đến Khung kế hoạch tái định cư.</i>	
Dân tộc ít người	Dự án có khả năng tác động tiêu cực lên các dân tộc thiểu số hoặc có khả năng mang đến các lợi ích tích cực cho các dân tộc thiểu số hay không?		Có <i>Nếu có, vui lòng tham chiếu đến Khung kế hoạch dân tộc thiểu số.</i>	

Ngày

Kiểm tra bởi

Xác nhận bởi

(Tên đầy đủ và chữ ký)

(Do giám đốc PFIs Ký và đóng dấu)

Phụ lục 2. Danh mục các tác động môi trường để sàng lọc

Danh mục sàng lọc tiểu dự án này dành cho PFI để có thể xác định các loại tài liệu an toàn theo yêu cầu của Ngân hàng Thế giới cho tiểu dự án, phù hợp với Khung quản lý môi trường và xã hội của dự án.

Ban quản lý dự án được khuyến khích gửi danh mục này cho Trưởng đoàn hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo rằng Ngân hàng thế giới đồng ý với kết quả của việc sàng lọc trước khi Bên vay thuê tư vấn để chuẩn bị các tài liệu về an toàn theo quy định.

TÊN CỦA DỰ ÁN

Tên của tiểu dự án:

Địa điểm của tiểu dự án: (vùng, huyện,...)

Loại hình hoạt động: (xây dựng mới, cải tạo, bảo dưỡng định kỳ...)

Tên Chủ đầu tư và địa chỉ:

Loại môi trường của dự án chính: (A hoặc B)

1. Sàng lọc tính hợp lệ

Sàng lọc tính hợp lệ được tiến hành để xác định xem một tiểu dự án có đủ điều kiện để xin tài trợ cho dự án. Để tránh các tác động tiêu cực đáng kể đối với môi trường và xã hội, một số dự án có thể bao gồm các tiêu chí không đủ điều kiện hoặc có một danh sách các hoạt động không đủ điều kiện để sàng lọc các tiểu dự án. Những tiêu chí hoặc danh sách không đủ điều kiện được bao gồm trong Khung quản lý môi trường và xã hội và trong quá trình thực hiện dự án sẽ được kiểm tra so sánh với các tiêu chí này.

Các tiểu dự án sau sẽ không có đủ điều kiện tài trợ cho dự án.

- ✓ Các tiểu dự án có liên quan đến việc chuyển đổi hoặc suy thoái⁵ môi trường sống tự nhiên của các loài quan trọng⁶
- ✓ Các tiểu dự án đó sẽ liên quan đến việc chuyển đổi đáng kể hoặc suy thoái đất rừng quan trọng⁷.
- ✓ Các tiểu dự án đó làm ngược với thoả thuận về môi trường quốc tế.
- ✓ Các tiểu dự án đó sẽ được đặt trong khu vực có nguồn tài nguyên văn hóa vật thể được công nhận ở cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh.

⁵ Tham khảo trang web về biện pháp an toàn bên ngoài của Ngân hàng <http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,menuPK:584441~pagePK:64168427~piPK:64168435~theSitePK:584435,00.html> cho các định nghĩa của "chuyển đổi đáng kể", "môi trường sống tự nhiên quan trọng", và rừng quan trọng "

⁶ Như trên

⁷ Như trên

- ✓ Tác động đến môi trường và xã hội tác động rất phức tạp và bất lợi, vượt quá khả năng quản lý của IEs

Các tiêu dự án kích hoạt OP / BP 7.50; OP / BP 7.60; OP / BP4.04, OP / BP 4.37; OP.BP 4.09 có được trước khi tham khảo ý kiến với WB.

Xin lưu ý rằng các chủ sở hữu của các tiêu dự án dự kiến sẽ tuân thủ tất cả các luật lệ và tiêu chuẩn quốc gia và có nghĩa vụ (tiêu chuẩn, hạn chế hoặc tương tự) của đất nước theo các công ước quốc tế, điều ước, thỏa thuận và giao thức.

2. Sàng lọc các tác động đến môi trường và xã hội

Việc sàng lọc tác động môi trường của từng tiêu dự án được đề xuất để xác định phạm vi và loại hình phù hợp của EA. Kết quả của việc sàng lọc này được sử dụng để phân loại các tiêu dự án vào một trong ba loại, tùy thuộc vào loại hình, vị trí, độ nhạy và quy mô của tiêu dự án và các tính chất, mức độ của tác động có thể xảy ra cho môi trường (OP 4.01, đoạn 8).

- (a) Loại A: Một dự án được xếp vào loại A nếu nó có thể gây ra những tác động bất lợi lớn đến môi trường. Các tác động đó rất dễ xảy ra, đa dạng hoặc chưa từng có. Những tác động này có thể ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên một khu vực rộng hơn so với khu vực dự án hoặc khu vực xung quanh.
- (b) Loại B: Một dự án được đề xuất loại B nếu nó có khả năng gây các tác động bất lợi cho môi trường của khu vực có nhiều người sinh sống bao gồm các khu đầm lầy, rừng, đồng cỏ và các môi trường tự nhiên khác – nhưng ít tác động hơn so với các dự án loại A. Những tác động này xảy ra tại các địa điểm cụ thể, một vài trong số đó không thể hồi phục lại, và trong nhiều trường hợp các biện pháp làm giảm thiểu dễ dàng thực hiện hơn so với các dự án loại A.
- (c) Loại C: Một dự án được phân loại C nếu nó chỉ có một số tác động xấu hầu như không đáng kể hoặc không có tác động xấu đến môi trường. Sau khi được sàng lọc, không cần phải có hành động đánh giá tác động môi trường nào thêm cho dự án thuộc loại này.

2.1 Các tiêu chí sàng lọc các dự án loại A

Trong bảng dưới đây là các câu hỏi kiểm tra nhằm xác định xem các tiêu dự án có khả năng gây ra tác động tiêu cực đáng kể hay không (là đối tượng dự án thuộc A)

Bảng 1. Các chỉ tiêu sàng lọc dự án loại A			
Câu hỏi sàng lọc	Có	Kh ông	Ghi chú
1. Tiêu dự án có khả năng gây ra tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường sống tự nhiên hoặc các môi trường sống quan trọng?			
Việc mất hoặc suy giảm Môi trường sống tự nhiên dễ bị tác động được hiểu là: vùng đất và nước nơi (i) các quần xã sinh vật của các hệ sinh thái được hình thành chủ yếu bởi các loài động thực vật bản địa, và (ii) các hoạt động của con người đã không làm thay đổi chức năng sinh thái cơ bản của khu vực. Môi trường sống tự nhiên quan trọng có thể xảy ra			Cho biết vị trí và loại hình của môi trường sống tự nhiên và loại tác động có thể xảy ra, ví dụ như việc đánh mất môi trường sống và mức độ của nó, đánh mất các dịch vụ hệ sinh thái, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống. Trạng thái này cho biết những tác động đó là đáng kể

<p>trong môi trường nhiệt đới ẩm thấp và "rừng mây khô"; các khu rừng ôn đới; các vùng cây bụi kiểu Địa Trung Hải; đất khô cần tự nhiên và đất bán khô hạn; đầm lầy ngập mặn, đầm lầy ven biển, và các vùng đất ngập nước khác; cửa sông; các thảm cỏ biển; rặng san hô; hồ và sông nước ngọt; các đồi núi cao, bao gồm các khu vực thảo mộc và đồng cỏ và đồi trọc; các đồng cỏ nhiệt đới và ôn đới.</p>			<p>hoặc không đáng kể. Lưu ý rằng Ngân hàng thế giới không hỗ trợ các dự án liên quan đến việc chuyển đổi hoàn toàn môi trường sống tự nhiên trừ khi không có lựa chọn thay thế khả thi cho dự án và xác định địa điểm của nó cũng như phân tích tổng thể để thấy rằng lợi ích tổng thể của dự án lớn hơn đáng kể so với chi phí môi trường</p>
<p>Việc mất hoặc suy thoái môi trường sống tự nhiên quan trọng, ví dụ như môi trường sống được bảo vệ theo luật pháp, chính thức được đề nghị bảo vệ, hoặc không được bảo vệ nhưng có giá trị bảo tồn cao. Môi trường sống quan trọng bao gồm các khu vực hiện đang được bảo vệ và các khu vực được đề xuất bảo vệ một cách chính thức (ví dụ: các khu bảo tồn đạt các tiêu chí của ủy ban bảo tồn thế giới phân loại, các khu vực được sự bảo vệ bởi truyền thống địa phương (như rừng thiêng) và các vị trí duy trì các điều kiện quan trọng cho sự sống còn của các khu vực được bảo vệ. Các vị trí có thể bao gồm các khu vực có tính phù hợp cao đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học, và các vị trí quan trọng đối với các sinh vật quý hiếm, dễ bị tổn thương, di cư hoặc đang bị đe dọa</p>			<p>Lưu ý rằng Ngân hàng thế giới không thể tài trợ cho bất kỳ dự án nào có thể gây ra sự biến đổi hoặc suy giảm của môi trường sống tự nhiên tới hạn.</p> <p>Chỉ rõ vị trí và loại hình sinh cảnh tự nhiên quan trọng và nêu rõ tại sao nó được xếp vào tình trạng đáng quan trọng hoặc không quan trọng.</p>
<p>2. Các tiểu dự án có khả năng gây ra tác động tiêu cực đáng kể đến tài nguyên văn hóa vật thể không?</p>			
<p>Việc mất hoặc suy giảm nguồn tài nguyên văn hóa vật thể, được hiểu là việc các đối tượng có thể hoặc không thể di dời, vị trí, cấu trúc nhóm, các đặc điểm tự nhiên và cảnh quan thuộc khảo cổ học, cổ sinh vật học, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, thẩm mỹ hoặc các ý nghĩa văn hóa khác có thể hoặc không thể thay đổi được. Chúng có thể nằm trong khu vực thành thị hoặc nông thôn, trên hoặc dưới mặt đất, hoặc dưới nước. Tầm quan trọng của vật thể thuộc cấp địa phương, cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia, hoặc trong cộng đồng quốc tế.</p>			<p>Mô tả vị trí và loại tài nguyên văn hóa và các loại tác động có thể xảy đến. Tình trạng mức độ bảo vệ (địa phương, tỉnh, quốc gia, hay quốc tế). Liệu bất kỳ vị trí nào trong số đó cũng được coi là quan trọng để được bảo vệ tại chỗ, có nghĩa là nó không nên bị di chuyển khỏi vị trí hiện tại của chúng? Lý giải tại sao các tác động đó là quan trọng hay không quan trọng.</p>
<p>Hậu quả có thể xảy đến của việc vi phạm luật pháp hoặc các nghĩa vụ quốc gia theo các điều ước và thỏa thuận quốc tế, bao gồm Công ước Di sản thế giới của UNESCO hoặc ảnh hưởng đến các địa danh du lịch nổi tiếng hoặc có ý nghĩa khoa học quan trọng.</p>			<p>Mô tả bất kỳ tác động nào có thể đi ngược lại với luật pháp quốc gia hoặc quốc tế liên quan đến tài nguyên văn hóa. Nếu coi điều đó là không đáng kể hãy giải thích lý do tại sao</p>
<p>3. Các tiểu dự án có khả năng gây tác động tiêu cực đáng kể đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên có liên quan đang được các dân tộc ít người sử dụng hay không?</p>			

<p>Có thể gây ra các tác động đến đất đai hoặc vùng lãnh thổ thuộc quyền sở hữu lâu đời, hoặc theo tập quán hoặc bị phụ thuộc và những nơi tiếp cận với các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với sự bền vững của văn hoá và sinh kế của những người dân tộc ít người. Có thể tác động lên các giá trị văn hoá và tinh thần như tác động đến đất và các nguồn tài nguyên hoặc tác động đến quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tồn tại bền vững của các nguồn tài nguyên chịu tác động.</p>		<p>Mô tả loại hình và mức độ ảnh hưởng và tầm quan trọng của sự thay đổi đối với các nguồn tài nguyên của các dân tộc thiểu số.</p> <p>Lưu ý rằng Kế hoạch phát triển cho các dân tộc thiểu số cũng sẽ được lập theo quy định OP 4.10 của Ngân hàng thế giới.</p>
<p>4. Tiểu dự án có khả năng gây ảnh hưởng bất lợi lớn cho người dân bị tái định cư không?</p>		
<p>Việc tái định cư cho cộng đồng dân cư phụ thuộc vào vùng đất và việc sử dụng các nguồn tài nguyên mà các nguồn tài nguyên đó khó để thay thế hoặc phục hồi? Có gặp khó khăn trong khả năng phục hồi sinh kế của các tiểu dự án?</p>		<p>Chỉ ra số lượng hộ gia đình bị ảnh hưởng và các nguồn tài nguyên khó thay thế để phục hồi sinh kế.</p> <p>Lưu ý rằng một kế hoạch hành động cho việc tái định cư cũng sẽ được lập theo quy định OP 4.12 của Ngân hàng thế giới.</p>
<p>5. Tiểu dự án có liên quan đến đập lớn không ?</p>		
<p>Tiểu dự án có yêu cầu phải xây dựng đập:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chiều cao đập lớn hơn 15 mét • Chiều cao đập từ 10 đến 15 mét nhưng thiết kế đặc biệt phức tạp - ví dụ, yêu cầu thoát lũ trong trường hợp khẩn cấp, đập được xây dựng tại khu vực có khả năng cao xảy ra động đất, nền móng phức tạp và rất khó để chuẩn bị, lưu giữ các vật liệu độc hại. • Chiều cao dưới 10 mét nhưng dự kiến đập sẽ phải lớn hơn trong suốt quá trình vận hành tiểu dự án? 		<p>Mô tả các vấn đề và lưu ý các yêu cầu của OP 4.37 liên quan đến việc chỉ định một nhóm chuyên gia độc lập.</p>
<p>Các hoạt động của tiểu dự án có phụ thuộc vào sự hoạt động của:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đập hiện có hoặc một con đập đang được xây dựng (DUC). • Các nhà máy điện hoặc các hệ thống cung cấp nước lấy nước trực tiếp từ một hồ chứa được ngăn bởi một con đập hiện có hoặc đập đang được xây dựng. • Đập chuyển dòng hoặc các kết cấu thủy lực ở hạ du của đập hiện có hoặc đang xây dựng, nơi mà nếu xảy ra vỡ đập thượng nguồn có thể gây ra thiệt hại lớn cho các dự án được tài trợ của NHTG như hệ thống tưới tiêu, cung cấp nước có phụ 		<p>Nếu câu trả lời là có, không có nghĩa là dự án đó phải được xác định là loại A, nhưng cần phải có các biện pháp đặc biệt, bởi vì NHTG có những yêu cầu cụ thể để đảm bảo sự an toàn cho các con đập hiện có và các con đập đang được xây dựng. Ngân hàng thế giới yêu cầu kiểm tra và đánh giá các con đập hoặc DUC, hiệu suất hoạt động và duy trì các quy trình của nó, và khuyến nghị cho mọi công việc khắc phục hậu quả hoặc các biện pháp an toàn liên quan, các thẩm định trước đó cũng có thể được xem xét.</p>

thuộc vào khả năng điều tiết của đập hiện có hoặc đập sẽ được xây dựng để cung cấp nước và không thể vận hành nếu đập gặp sự cố.			
6. Các tiêu dự án có liên quan đến mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu không?			
Các công thức hoá học của các sản phẩm được xếp vào loại IA và IB theo phân loại của Tổ chức sức khoẻ thế giới (WHO), hoặc công thức hoá học thuộc nhóm II?			Nếu câu trả lời là có, điều này không có nghĩa nó luôn thuộc loại A, nhưng cần phải có các biện pháp quan tâm đặc biệt. Ngân hàng thế giới sẽ không tài trợ cho những trường hợp như vậy, nếu (a) một quốc gia thiếu những định chế trong việc phân phối và sử dụng các chất này, hoặc (b) chúng được sử dụng hoặc dễ dàng tiếp cận bởi tất cả mọi người, có thể nhân viên được sắp đặt, người nông dân hoặc những người khác mà không được đào tạo, không có các thiết bị chuyên dụng và phương tiện để xử lý, lưu giữ và sử dụng đúng cách.
7. Tiêu dự án có thể gây ra những tác động không thể phục hồi hoặc không dễ dàng khắc phục hay không?			
Làm giảm khả năng cung cấp nước ngầm ảnh hưởng đến chất lượng của việc dự trữ nước và lưu vực cấp nước uống cho các trung tâm dân cư chính.			Đặt tên cho các lưu vực bị ảnh hưởng và mô tả mức độ của các tác động.
Gây ra những tác động ảnh hưởng lâu dài, ảnh hưởng đến một khu vực địa lý rộng lớn hoặc tác động với cường độ cao.			Mô tả những tác động vĩnh viễn, ảnh hưởng đến một vùng địa lý rộng lớn (xác định) và các tác động với cường độ cao.
8. Tiêu dự án có thể gây ra các tác động lớn đến đa dạng sinh học trên diện rộng hay không?			
Tác động đến nhiều vị trí tại nhiều địa điểm khác nhau gây ra những thiệt hại về môi trường sống, tài nguyên, đất hoặc suy giảm chất lượng các nguồn tài nguyên sinh học			Xác định và mô tả tất cả các địa điểm bị ảnh hưởng.
Các tác động xấu khá lớn có thể vượt ra ngoài các địa điểm dự án hoặc các khu vực phục vụ thi công.			Xác định và mô tả các loại tác động vượt ra ngoài hàng rào khu vực công trường hoặc các địa điểm phục vụ thi công.
Tác động xuyên biên giới (trừ những thay đổi nhỏ đến các hoạt động đường thủy).			Mô tả phạm vi và mức độ của các tác động xuyên biên giới.
Cần phải có các tuyến đường vào khu vực dự án, đường hầm, kênh dẫn, hành lang truyền tải điện, ống dẫn hoặc các khu vực đô chất thải trong những khu vực chưa phát triển.			Mô tả tất cả các hoạt động mới cần thiết phục vụ cho chức năng chính của tiêu dự án.

Gián đoạn phương thức di cư của các loài động vật hoang dã, đàn thú hoặc người chăn gia súc, những người du mục hoặc bán du mục.			Mô tả sự ảnh hưởng tới cách thức di cư của người và động vật.
9. Tiêu dự án là loại hình chưa từng có từ trước đến nay ?			
Chưa từng có ở cấp quốc gia?			Chỉ rõ lý do và những khía cạnh nào chưa từng có.
Chưa từng có ở cấp tỉnh?			Chỉ rõ lý do và những khía cạnh nào chưa từng có.
10. Dự án gây tranh cãi và có khả năng thu hút sự chú ý của các tổ chức NGO hoặc xã hội dân sự quốc gia, quốc tế hay không ?			
Được coi là rủi ro hoặc có nguy cơ cao tới những khía cạnh gây tranh cãi			Mô tả rủi ro và các khía cạnh gây tranh cãi.
Có khả năng dẫn đến các cuộc biểu tình hoặc những người muốn ngăn chặn việc thi công.			Mô tả những lý do mà tiêu dự án không được chào đón.

Nếu câu trả lời là có cho bất kỳ câu hỏi kiểm tra nào ở trên, Tiêu dự án có thể được coi là thuộc loại A và phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đáp ứng yêu cầu của NHTG, bao gồm cả Chương trình quản lý môi trường. Các PFI sẽ phải thảo luận về kết quả kiểm tra này với Trưởng nhóm đoàn hỗ trợ kỹ thuật trước khi bắt đầu nghiên cứu về các yếu tố môi trường và xã hội của dự án. Có một số khác biệt giữa yêu cầu của NHTG và các yêu cầu của chính phủ cho các dự án nhóm A của NHTG liên quan đến việc chuẩn bị các điều khoản tham chiếu, tham vấn các bên liên quan, nội dung và cấu trúc của báo cáo EIA. Cần có hai báo cáo EIA riêng biệt để đáp ứng các yêu cầu của NHTG và các yêu cầu của chính phủ Việt Nam.

Lưu ý: nếu dự án chính không được xếp vào loại A thì bất cứ tiêu dự án nào sau đó có câu trả lời là "có" sẽ bị loại.

2.2. Các tiêu chí sàng lọc dự án loại C

Bộ câu hỏi sàng lọc dự án để xác định các tiêu dự án có gây ra các tác động hoặc không có tác động xấu (được gọi là các dự án loại C).

Bảng 2. Các tiêu chí sàng lọc dự án loại C			
Câu hỏi kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
1. Các hoạt động của tiêu dự án liên quan đến các hoạt động đào tạo, trợ giúp kỹ thuật hoặc tăng cường năng lực.			Mô tả các hoạt động.
2. Đào tạo và tăng cường năng lực không yêu cầu sử dụng các hoá chất, các chế phẩm sinh học, thuốc trừ sâu.			Cung cấp các chứng cứ.
3. Không phá dỡ hoặc xây mới các công trình hạ tầng.			Cung cấp các chứng cứ.
4. Không có các tác động làm ảnh hưởng đến đất, nước, không khí, thực vật, động vật và con người.			Cung cấp các chứng cứ.
5. Nếu đang nghiên cứu khoa học liên quan đến môi trường tự nhiên mà không tạo ra các chất độc, chất thải nguy hại và các nghiên cứu không liên quan đến vấn đề về tái tổ hợp gen (ADN) hoặc các nghiên cứu có khả năng tạo ra			Nếu có, hãy thảo luận với chuyên gia môi trường của NHTG.

các tác nhân nguy hiểm từ các khu vực lưu chứa, phòng thí nghiệm.			
---	--	--	--

2.3 Sàng lọc dự án loại B

Rất nhiều các tiểu dự án được xếp vào loại B. Chúng là những dự án có những tác động tương tự dự án loại A nhưng các tác động đó có thể giảm thiểu được và mức độ ảnh hưởng nhỏ hơn, dễ thực hiện các biện pháp giảm thiểu hơn, không gây tranh cãi nhiều và không phải là dự án chưa từng có.

Sau khi sàng lọc các dự án thuộc loại A và loại C, nếu dự án không phải thuộc loại A hoặc loại C thì chắc chắn sẽ thuộc loại B.

Các dự án thuộc loại B cũng yêu cầu có Báo cáo EIA hoặc các thiết bị đánh giá tác động môi trường theo quy định trong OP 4.01 của NHTG. Đơn vị quản lý dự án sẽ áp dụng các tiêu chuẩn theo quy định của Việt Nam để xem xét dự án có phải thực hiện lập Báo cáo EIA hoặc Chương trình bảo vệ môi trường tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các thông tư, nghị định hướng dẫn về môi trường. Trong hầu hết các trường hợp, Chương trình quản lý môi trường phải phù hợp với chính sách của NHTG (xem Phụ lục 4). Các trường hợp còn lại, sẽ phải lập chương trình quản lý môi trường đơn giản hoặc các ECOP.

Những nội dung cần phải được giải quyết đối với các dự án loại B có thể thay đổi và phụ thuộc vào loại tiểu dự án, vị trí và hiện trạng sử dụng đất xung quanh và các loại quy trình xây dựng, vận hành sẽ được thực hiện.

2.4 Danh mục kiểm tra các tác động về môi trường và xã hội

Bảng 3 trình bày một danh sách kiểm tra, mục đích của nó là hỗ trợ Bên vay trong quá trình chuẩn bị các tài liệu đánh giá môi trường, bao gồm cả Chương trình quản lý môi trường.

Bảng 3. Các tác động có thể có đến môi trường tự nhiên và xã hội							
	Tiểu dự án có các tác động môi trường sau?	Kh ông	Thấp	Vừa	Cao	Khôn g biết	Nhận xét
1.	Xâm phạm vào các khu vực văn hoá/ lịch sử						
2.	Xâm phạm đến hệ sinh thái (khu sinh thái tự nhiên nhạy cảm hoặc khu vực được bảo vệ, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên vv....)						Mô tả và đánh giá ngắn gọn về mức độ tác động
3.	Biến đổi cảnh quan sinh thái và gia tăng phát sinh chất thải						
4.	Phá huỷ thảm thực vật hoặc đốn chặt cây trong quá trình giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng						
5.	Thay đổi chất lượng nước hoặc dòng chảy mặt (ví dụ như tăng độ đục của nước do chảy tràn bề mặt, nước thải từ các khu lán trại và xói lở, chất thải xây dựng) hoặc dài hạn.						Chỉ rõ như nào và khi nào xảy ra.
6.	Gia tăng nồng độ bụi hoặc tăng các chất ô nhiễm trong quá trình xây dựng						Chỉ rõ như nào và khi nào xảy ra.

7.	Gia tăng tiếng ồn và/hoặc rung chấn						<i>Chỉ rõ như nào và khi nào xảy ra.</i>
8.	Các hộ tái định cư và số hộ (nếu có)?						
9.	Có sử dụng vị trí tái định cư ở khu vực nhạy cảm về môi trường và văn hoá						<i>Mô tả ngắn gọn những tác động có thể có</i>
10.	Rủi ro phát sinh các dịch bệnh từ công nhân xây dựng cho người bản địa và ngược lại ?						<i>Chú ý ước lượng số lượng công nhân được tuyển dụng trong quá trình xây dựng dự án trong xã, huyện/quận và các loại dịch bệnh có thể xuất hiện và bị nhiễm.</i>
11.	Có nguy cơ xung đột giữa công nhân xây dựng và người bản địa và ngược lại?						
12.	Có sử dụng chất nổ hoặc hoá chất độc hại						
13.	Sử dụng những vị trí trong quá khứ có xảy ra tai nạn về bom mìn hoặc vật liệu nổ còn sót lại trong chiến tranh						
14.	Hoạt động xây dựng có gây xáo trộn các hoạt động giao thông vận tải, tuyến đường giao thông hoặc vận chuyển đường thủy?						
15.	Hoạt động xây dựng có thể làm hư hỏng các tuyến đường, cầu hoặc các công trình hạ tầng khác của địa phương?						
16.	Đào bới trong quá trình xây dựng tiểu dự án có thể gây xói mòn đất.						
17.	Cần phải mở các tuyến đường mới, đường tạm hoặc đường vĩnh viễn vào khu vực dự án?						<i>Ước tính số lượng và chiều dài của tuyến đường và vị trí của chúng</i>
18.	Phân cắt hoặc chia nhỏ môi trường sống của hệ động và thực vật?						<i>Mô tả bị phân cách ra sao</i>
19.	Tác động lâu dài đến chất lượng không khí						
20.	Rủi ro tai nạn cho công nhân xây dựng và cộng đồng trong giai đoạn xây dựng						
21.	Sử dụng các vật liệu nguy hại, chất độc và phát sinh các chất thải nguy hại						
22.	Rủi ro đến an toàn và sức khỏe của con người						<i>Mô tả rủi ro như thế nào.</i>
Tiểu dự án có liên quan đến chiếm dụng đất hoặc hạn chế tiếp cận với các nguồn tài nguyên ?							
23.	Tiểu dự án có chiếm dụng (tạm thời						<i>Liệt kê diện tích đất bị</i>

	hoặc vĩnh viễn) đất (công cộng, tư nhân)						<i>chiếm dụng tạm thời hoặc vĩnh viễn, loại đất, thời gian và mục đích chiếm dụng</i>
24.	Sử dụng đất hiện đang bị chiếm dụng hoặc sử dụng thường xuyên cho các mục đích sản xuất (vườn, ruộng, đồng cỏ, khu đánh bắt, rừng)						
25.	Di dời các cá nhân, gia đình và doanh nghiệp						
26.	Làm mất mùa, cây ăn quả hoặc hạ tầng của hộ gia đình tạm thời hoặc vĩnh viễn						
27.	Hạn chế tiếp cận của người dân có quyền khai thác hợp pháp công viên và các khu bảo tồn						
<i>Nếu câu trả lời của các câu từ 23-27 là “Có”, hãy tham khảo ESMF và có thể sẽ phải lập kế hoạch tái định cư (RP) cho tiểu dự án.</i>							
A. Có dân tộc ít người hiện diện trong khu vực tiểu dự án ?							
28.	Các nhóm dân tộc ít người đang sinh sống bên trong ranh giới hoặc gần ranh giới của tiểu dự án.						
29.	Các thành viên của những nhóm dân tộc ít người trong khu vực có thể được hưởng lợi hoặc chịu ảnh hưởng từ dự án.						
<i>Nếu câu trả lời cho các câu hỏi 28 hoặc 29 là “Có”, hãy tham khảo ESMF và có thể phải lập Kế hoạch phát triển dân tộc ít người (EMDP).</i>							
Tiểu dự án có liên quan đến việc xây dựng hoặc phụ thuộc vào con đập không ?							
30.	Có liên quan đến việc xây dựng đập lớn?						<i>Xem Bảng 1 về định nghĩa thế nào là đập lớn.</i>
31.	Phụ thuộc vào nguồn nước từ con đập hoặc công xả hiện có hoặc đập đang được xây dựng?						<i>Mô tả quan hệ về chức năng giữa tiểu dự án và đập hiện có hoặc đập đang được xây dựng.</i>
<i>Nếu câu trả lời cho các câu hỏi 30 hoặc 31 là “Có”, hãy xem ESMF và có thể sẽ phải lập Báo cáo an toàn đập (Dam Safety Report - DSR).</i>							
Tiểu dự án có liên quan đến việc mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu không?							
32.	<i>Theo phân loại của Tổ chức Sức khỏe Thế giới loại thuốc trừ sâu nào được sử dụng ?</i>						<i>Xem bản 1 thông tin Bổ sung về thuốc trừ sâu. Để giải quyết vấn đề này, yêu cầu phải biết rõ loại thuốc trừ sâu được đề nghị sử dụng.</i>
<i>Nếu câu trả lời cho các câu hỏi 32 là “Có”, hãy xem ESMF và có thể sẽ phải lập Kế hoạch quản lý Thuốc trừ sâu (PMP)</i>							

3. Các bước tiếp theo

Mô tả ở đây kết quả sàng lọc môi trường và xã hội, khuyến nghị những gì các doanh nghiệp công nghiệp cần thực hiện. Đặc biệt là các doanh nghiệp này nộp báo cáo sàng lọc để kiểm tra liên quan đến việc sàng lọc.

- (I) Các tiểu dự án có đủ điều kiện về tài chính. Vui lòng cung cấp thêm .
- (II) Xác định loại tiểu dự án?
- (III) Xác định các biện pháp bảo vệ cụ thể /để áp dụng cho các tiểu dự án;

Ngày

Xác nhận và sàng lọc bởi

**Tên đầy đủ và chữ kí của Tư vấn/Cán
bộ môi trường của PFI**

Phụ lục 3. Mẫu soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường

1. Giới thiệu

Kế hoạch quản lý môi trường (Environmental Management Plan - EMP) là một hợp phần của quá trình Đánh giá môi trường (Environmental Assessment - EA) đối với các dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Theo các thủ tục nêu trong OP 4.01, Phụ lục C, các dự án này bắt buộc phải thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường. Định nghĩa của Kế hoạch quản lý môi trường như sau:

“Kế hoạch quản lý môi trường của một dự án bao gồm một hệ thống **các biện pháp giảm thiểu, quản lý và các biện pháp về mặt thể chế** được thực hiện trong quá trình triển khai và vận hành dự án để loại trừ các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, bù đắp hoặc giảm thiểu đến mức có thể chấp nhận được. Kế hoạch này cũng bao gồm các hoạt động cần thiết để thực hiện các biện pháp trên”.

Kế hoạch quản lý môi trường cần thiết để kết nối các nội dung khác nhau của dự án sao cho phù hợp với các báo cáo Đánh giá tác động môi trường đối với các dự án được phân loại A, B, và FI; hoặc ESMF khi các tiểu dự án chưa được xác định trước; và kết nối giữa các tác động được dự báo và các biện pháp giảm thiểu được nêu trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án. Kế hoạch quản lý môi trường chỉ ra các tác động môi trường đã được dự báo từ trước, các biện pháp đã được cam kết để giảm thiểu các tác động đó, trách nhiệm phải giảm thiểu, thời gian, chi phí và nguồn vốn. Ngoài ra, Kế hoạch quản lý môi trường thiết lập khung hành động cho các đánh giá tiếp theo đối với các tác động tiềm tàng thông qua việc áp dụng các biện pháp giám sát, kiểm toán và xem xét các biện pháp về mặt thể chế cho phù hợp để thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường.

Hướng dẫn này nhằm mục đích cung cấp một tài liệu tham khảo cho quá trình soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường cho các dự án/tiểu dự án phát triển ở các dạng và quy mô khác nhau về tính chất vật lý, sinh học, xã hội, kinh tế và thể chế. Hướng dẫn này cũng xác định khung chính sách cho quá trình soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường cho các dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ, chỉ ra các nội dung chính, thảo luận các ý nghĩa để đảm bảo tính cam kết của Kế hoạch quản lý môi trường được thực hiện trong giai đoạn triển khai và vận hành dự án. Hướng dẫn này không dùng thay thế cho chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới và các quy chuẩn Quốc gia.

Hướng dẫn này được tuân thủ bởi các cơ quan thực hiện dự án bao gồm các Ban Quản lý dự án, tư vấn lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường, chuyên gia môi trường, các hợp phần của dự án, cơ quan tài chính tham gia và các bên liên quan khác quan tâm hoặc chịu ảnh hưởng từ Kế hoạch quản lý môi trường.

2. Các dự án bắt buộc phải có Kế hoạch quản lý môi trường (Các dự án được phân loại A, B, FI)

Quy chuẩn thực hiện Đánh giá tác động môi trường Quốc gia không yêu cầu các dự án thành phần soạn thảo riêng Kế hoạch quản lý môi trường nhưng Chương trình quản lý và giám sát môi trường (EMMP) là một hợp phần của báo cáo Đánh giá tác động môi trường. Chương trình quản lý và giám sát môi trường bao gồm các giai đoạn thực hiện dự án, các hoạt động của dự án, các tác động môi trường liên quan, bố trí thực hiện, và trách nhiệm giám sát.

Chương trình quản lý và giám sát môi trường cũng bao gồm chương trình giám sát chất thải, chất lượng môi trường xung quanh và các tác động khác gây ra bởi dự án. Một Chương trình quản lý và giám sát môi trường không yêu cầu chi tiết các cam kết bảo vệ môi trường (EPC) nhưng yêu cầu một bộ các biện pháp giảm thiểu, thiết bị xử lý chất thải và một Chương trình giám sát môi trường.

Kế hoạch quản lý môi trường của Ngân hàng Thế giới là một công cụ để chi tiết: a) tất cả tác động xấu đến môi trường được dự báo trước (bao gồm người bản địa hoặc tái định cư không tự nguyện); b) các biện pháp giảm thiểu được thực hiện trong quá trình triển khai và hoạt động của dự án để loại trừ hoặc bù đắp các tác động tiêu cực đến môi trường, hoặc để giảm thiểu đến mức chấp nhận được; c) mục tiêu và loại hình giám sát liên quan đến các tác động được nêu trong báo cáo Đánh giá môi trường và biện pháp giảm thiểu nêu trong Kế hoạch quản lý môi trường; d) các hành động cần được thực hiện bao gồm việc sắp xếp thể chế để thực hiện các biện pháp này; e) nâng cao năng lực và đào tạo để hỗ trợ kịp thời và hiệu quả việc thực hiện các dự án môi trường thành phần và biện pháp giảm thiểu; và f) kế hoạch thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường và chi phí ước tính; và g) tích hợp Kế hoạch quản lý môi trường với dự án. So sánh với Chương trình quản lý và giám sát môi trường Quốc gia, các thành phần của Kế hoạch quản lý môi trường được trình bày chi tiết hơn, bao gồm cả nâng cao năng lực, tích hợp Kế hoạch quản lý môi trường vào kế hoạch tổng thể, thiết kế, xác định nguồn tài chính và thực hiện dự án.

Kế hoạch quản lý môi trường là một phần tích hợp của Đánh giá môi trường cho các dự án được phân loại A (không bao gồm các biện pháp khác). Đánh giá môi trường cho các dự án thuộc nhóm B cũng nằm trong Kế hoạch quản lý môi trường. Kế hoạch quản lý môi trường là công cụ hữu ích để: i) xác định rõ ai, cái gì, ở đâu và khi nào các biện pháp quản lý và giảm thiểu được áp dụng; ii) cung cấp cho các cơ quan nhà nước, các nhà thầu, các nhà phát triển dự án và các bên liên quan có thể kiểm soát quản lý môi trường tốt hơn trong suốt vòng đời của dự án; iii) cho phép những đề xuất từ phía các nhà thầu để có thể hoàn thành các nghĩa vụ môi trường, và; iv) chỉ ra các hành động tích cực bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Kế hoạch quản lý môi trường cũng được xem như một yêu cầu để đấu thầu dự án.

Nói chung, việc sử dụng duy nhất Kế hoạch quản lý môi trường chỉ áp dụng cho các dự án nhỏ và không ảnh hưởng đến các khu vực nhạy cảm về môi trường, phạm vi ảnh hưởng hẹp, dễ xác định và dễ hiểu. Đối với các tiểu dự án nhỏ và rất nhỏ, có tác động môi trường hạn chế và trong phạm vi hẹp, chỉ cần áp dụng các biện pháp giảm thiểu đơn giản chung như Quy tắc môi trường Thực tiễn (ECOP) (tham khảo phụ lục 5) là đủ để giải quyết các tác động môi trường. Quy tắc môi trường Thực tiễn cũng được áp dụng cùng với Kế hoạch quản lý môi trường để giải quyết các tác động môi trường chung trong giai đoạn xây dựng.

Ví dụ về các dự án ở Việt Nam yêu cầu Kế hoạch quản lý môi trường cho các dự án hợp phần (không áp dụng quy định về thực hiện Đánh giá tác động môi trường của Ngân hàng Thế giới): Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, Dự án Phân phối điện nông thôn, Dự án Cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đồng bằng Sông Hồng. Trong các dự án trên, một vài tiểu dự án chỉ yêu cầu Quy tắc môi trường Thực tiễn. Dự án Phát triển nguồn nhân lực, Dự án Tăng cường khả năng sẵn sàng đi học chỉ yêu cầu Quy tắc môi trường Thực tiễn.

Kế hoạch quản lý môi trường là một tài liệu sống nên được cải thiện và cập nhật liên tục khi có thay đổi về thiết kế hoặc phát sinh các vấn đề môi trường khẩn cấp.

3. Mục tiêu của Kế hoạch quản lý môi trường

Kế hoạch quản lý môi trường nêu ra các biện pháp giảm thiểu, giám sát và các biện pháp về thể chế được thực hiện trong quá trình triển khai và vận hành dự án để tránh hoặc kiểm soát các tác động xấu đến môi trường và các hành động cần làm để thực hiện các biện pháp trên. Kế hoạch quản lý môi trường cũng để kết nối giữa các biện pháp giảm thiểu dự phòng được đánh giá và mô tả trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường / Cam kết bảo vệ môi trường, và để đảm bảo rằng các biện pháp đó được thực hiện. Khi thiết kế dự án cần kết hợp để phát huy tính bền vững về môi trường nếu có thể, Kế hoạch quản lý môi trường để giải quyết các vấn đề môi trường không tránh được trong giai đoạn thiết kế. Do đó, mục tiêu của Kế hoạch quản lý môi trường là:

- Đảm bảo phù hợp với các luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn của Quốc gia và của tỉnh;
- Đảm bảo phân phối đủ nguồn ngân sách của dự án để thực hiện các hành động liên quan đến Kế hoạch quản lý môi trường;
- Đảm bảo quản lý được các rủi ro môi trường liên quan đến tài sản của dự án;
- Có các biện pháp phản hồi đối với các vấn đề môi trường khẩn cấp và chưa được xác định trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án;
- Phản hồi để nâng cấp liên tục hiệu suất môi trường.

Kế hoạch quản lý môi trường là cơ sở để Ngân hàng Thế giới và Bên vay vốn đàm phán và thỏa thuận thực hiện môi trường và xã hội quan trọng của dự án. Bên vay vốn (trong Hợp đồng vay vốn) và nhà thầu có nghĩa vụ pháp lý để thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường.

Kế hoạch quản lý môi trường có thể là kế hoạch hiện trường hoặc cho một dự án cụ thể được phát triển để đảm bảo các hàng động quản lý môi trường được tuân thủ trong suốt quá trình dự án xây dựng và vận hành. Kế hoạch quản lý môi trường của dự án thường được các nhà thầu soạn thảo, tuân thủ theo các yêu cầu trong hồ sơ thầu (Đó là hành động thực hành tốt để kết hợp với Kế hoạch quản lý môi trường của dự án). Hướng dẫn này bao gồm cả Kế hoạch quản lý môi trường cho dự án.

4. Ai cần soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường?

Đề xuất dự án chỉ ra trách nhiệm chính về việc thực hiện môi trường cho các dự án của mình. Do đó, đề xuất có trách nhiệm soạn thảo và thực hiện các Kế hoạch quản lý môi trường của dự án trong giai đoạn xây dựng và vận hành. Trong hầu hết các trường hợp, trong quá trình chuẩn bị dự án, Ngân hàng Thế giới sẽ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường cho Ban Quản lý dự án và tư vấn lập Kế hoạch. Trong quá trình phê duyệt, Ngân hàng Thế giới và Bên vay vốn sẽ xem xét Kế hoạch quản lý môi trường để đánh giá tính phù hợp của các đơn vị liên quan có trách nhiệm trong quản lý môi trường, để đảm bảo rằng Kế hoạch quản lý môi trường được cấp đủ ngân sách và để xác định các biện pháp giảm thiểu được thực hiện đúng theo thiết kế và phân tích kinh tế của dự án.

Trong suốt quá trình thực hiện dự án, các Kế hoạch quản lý môi trường và Quy tắc môi trường Thực tiễn của các tiểu dự án sẽ được soạn thảo phù hợp với hướng dẫn và yêu cầu

trong ESMF. ESMF nêu chi tiết và diễn giải vai trò cũng như sự cần thiết của việc soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường trong quá trình triển khai.

Trong quá trình xây dựng và/hoặc vận hành dự án, việc triển khai Kế hoạch quản lý môi trường của các dự án hoặc các tiểu dự án thường được giao cho các nhà thầu theo nội dung và yêu cầu của hợp đồng. Do đó, Kế hoạch quản lý môi trường sẽ chịu ảnh hưởng của nhà thầu, trách nhiệm thực hiện các điều kiện phê duyệt dự án (ví dụ, Đánh giá tác động môi trường sẽ do các đơn vị chức năng phê duyệt như một điều kiện để phê duyệt dự án) cùng với các đề xuất.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ngân hàng Thế giới căn cứ vào việc giám sát các khía cạnh môi trường của dự án về việc tìm và đề xuất Đánh giá môi trường, bao gồm các biện pháp nêu trong Hợp đồng vay vốn, Kế hoạch quản lý môi trường và các tài liệu khác của dự án. Đối với các dự án có mức độ rủi ro thấp, Ngân hàng Thế giới sẽ thực hiện giám sát sau Kế hoạch quản lý môi trường của các tiểu dự án.

5. Các nội dung của Kế hoạch quản lý môi trường

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, một Kế hoạch quản lý môi trường chung nên bao gồm các nội dung sau:

- Định nghĩa các mục tiêu quản lý môi trường được xác định trong suốt vòng đời của dự án (ví dụ trong giai đoạn tiền xây dựng, xây dựng, vận hành và/hoặc tháo dỡ) để tăng cường hiệu quả và giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.
- Mô tả các hành động chi tiết cần thực hiện để đạt được các mục đích trên, bao gồm cả làm thế nào, ai làm, khi nào và nguồn tài nguyên nào, giám sát hoặc điều chỉnh như thế nào, và mục tiêu hoặc mức độ hiệu quả. Cơ chế phải được chuẩn bị để giải quyết những thay đổi trong quá trình thực hiện dự án, trong trường hợp khẩn cấp hoặc các vấn đề chưa lường trước, và quy trình phê duyệt liên quan.
- Làm rõ cấu trúc thể chế, vai trò, quy trình thông tin liên lạc và báo cáo được yêu cầu như một phần của quá trình thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường.
- Làm rõ mối liên hệ giữa Kế hoạch quản lý môi trường và các yêu cầu pháp lý liên quan.
- Mô tả yêu cầu ghi chép, lưu giữ, báo cáo, phỏng vấn, kiểm toán và cập nhật Kế hoạch quản lý môi trường.

Không có định dạng chuẩn cho các Kế hoạch quản lý môi trường. Các định dạng cần phải phù hợp với hoàn cảnh trong đó Kế hoạch quản lý môi trường được phát triển và đáp ứng các yêu cầu thiết kế. Đối với mỗi biện pháp giảm thiểu, cần tóm tắt trong một bảng hiển thị trách nhiệm cho mỗi bên liên quan, vị trí hoặc một phần của dự án mà các biện pháp được áp dụng, thời gian, ngân sách và giám sát để xác minh rằng các biện pháp này đạt được mục tiêu dự kiến. Ngoài ra cần giám sát bổ sung (không liên quan đến các biện pháp giảm thiểu đang thực hiện đúng như dự định). Các giám sát đó cũng có thể được đưa vào một bảng tóm tắt trong đó chỉ ra những người có trách nhiệm, lý do của các biện pháp và một phần của dự án được áp dụng, thời gian áp dụng, báo cáo liên quan đến việc giám sát và các chi phí. Mức độ chi tiết trong Kế hoạch quản lý môi trường có thể thay đổi từ một vài trang cho một dự án với các rủi

ro về môi trường thấp, với một tài liệu chi tiết cho một dự án loại A có quy mô lớn phức tạp và rủi ro môi trường tiềm tàng cao.

Kế hoạch quản lý môi trường được xây dựng như vậy nên rất dễ áp dụng. Tài liệu tham khảo trong kế hoạch nên được rõ ràng và dễ nhận biết. Ngoài ra, các văn bản chính của Kế hoạch quản lý môi trường cần phải được lưu giữ rõ ràng và súc tích, với thông tin chi tiết nên nêu trong các phụ lục. Kế hoạch quản lý môi trường phải xác định mối liên kết với các kế hoạch khác có liên quan liên quan đến dự án, chẳng hạn như các kế hoạch tái định cư hoặc người dân bản địa.

Mặc dù phạm vi và nội dung của một Kế hoạch quản lý môi trường sẽ có hai ý nghĩa về của những tác động tiềm tàng của dự án và trong khu vực dự án, nhưng cũng có những yếu tố chung cần được bao gồm trong tất cả các Kế hoạch quản lý môi trường. Những yếu tố này, được áp dụng cho các dự án có nguy cơ vừa đến cao, được mô tả trong chi tiết dưới đây:

6. Các nội dung chính của một Kế hoạch quản lý môi trường

Giới thiệu

Cần phải bao gồm tóm tắt những nội dung sau:

- (i) *Bối cảnh thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường*: Mô tả cách thức để Kế hoạch quản lý môi trường phù hợp với quy trình kế hoạch toàn diện của dự án, liệt kê các nghiên cứu về môi trường của dự án/ các tiểu dự án như Đánh giá tác động môi trường / Cam kết bảo vệ môi trường, các văn bản phê duyệt.
- (ii) *Kết nối của Kế hoạch quản lý môi trường với ESMF (nếu thích hợp) và dự án*
- (iii) *Các mục tiêu của Kế hoạch quản lý môi trường*: mô tả những nội dung mà Kế hoạch quản lý môi trường đang cố gắng để đạt được. Mục tiêu phải cụ thể cho từng dự án, không báo cáo chính sách chung. Kế hoạch quản lý môi trường dự án cụ thể sẽ là một phần của các chi tiết kỹ thuật hợp đồng.

Khung chính sách, pháp lý và hành chính

- Các quy định của chính phủ: cung cấp mô tả ngắn gọn về các quy định của Chính phủ liên quan đến Đánh giá tác động môi trường và quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng cho các tiểu dự án.
- Chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới: danh sách về chính sách an toàn Ngân hàng Thế giới được khởi động.

Mô tả dự án

Mục tiêu và mô tả dự án / các tiểu dự án cần cung cấp đầy đủ chi tiết để xác định bản chất và phạm vi của dự án, nên bao gồm:

- (i) *Vị trí dự án*: mô tả vị trí của các hoạt động cung cấp bao gồm bản đồ vị trí hiển thị vị trí trong khu vực dự án cũng như chi tiết ở cấp tiểu dự án.
- (ii) *Xây dựng / hoạt động*: mô tả ngắn gọn về quá trình xây dựng và hoạt động; thời gian làm việc và vận hành, bao gồm cả các hoạt động chi tiết; số lượng và loại công việc; nhà máy và thiết bị được sử dụng; các vị trí, khu vực dự án và lán trại công nhân; bảng khối lượng công trình xây dựng.

- (iii) *Thời gian và Kế hoạch*: Ngày khởi công và hoàn thành ngày nên được xác định từ giai đoạn đầu. Nếu dự án sẽ được hoàn thành trong giai đoạn nào đó, thì ngày hoàn thành riêng cụ thể cho từng giai đoạn cần được xác định đồng thời.

Dữ liệu nền

Loại dữ liệu này sẽ cung cấp thông tin quan trọng về môi trường nền của các tiểu dự án cũng như kết nối với các khu vực xung quanh dự án, bao gồm bản đồ. Nên tập trung cung cấp dữ liệu rõ ràng về địa hình, hiện trạng sử dụng đất và sử dụng nước, loại đất, dòng chảy và chất lượng nước / ô nhiễm. Ngoài ra còn cần các dữ liệu mô tả tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội và EM (nếu có), hình ảnh về điều kiện hiện tại của khu vực dự án.

Tác động tiềm tàng và biện pháp giảm thiểu

Phần này tóm tắt các tác động tích cực và tiêu cực tiềm tàng liên quan đến các dự án / tiểu dự án được đề xuất, đặc biệt là những tác động có ảnh hưởng lớn và trung bình đến môi trường. Một bản tóm tắt cần được cung cấp trong những tác động tích cực và tiêu cực dự đoán liên quan đến các dự án đề xuất đòi hỏi phải có các hành động quản lý (tức là giảm thiểu các tác động tiêu cực hoặc tăng cường các tác động tích cực). Các thông tin cần thiết cho phần này nên được lấy từ quá trình thực hiện Đánh giá tác động môi trường, bao gồm các báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường.

Các tác động nên được mô tả trong các quá trình tiền xây dựng, xây dựng và vận hành. Bảng ma trận có thể làm rõ mối liên hệ giữa các tác động và biện pháp giảm thiểu. Nên tham khảo chéo các báo cáo Đánh giá tác động môi trường/Cam kết bảo vệ môi trường và các tài liệu liên quan khác để bổ sung thêm thông tin. Trong khi tác động xã hội và môi trường và rủi ro của hoạt động xây dựng thông thường được có thể được giải quyết Quy tắc thực hành môi trường, các biện pháp giảm thiểu cụ thể nên được đề xuất để giải quyết những tác động từ các tiểu dự án dựa trên điều kiện của từng dự án và loại hình đầu tư. Một số biện pháp có thể được đề xuất để đưa vào thiết kế kỹ thuật để giải quyết các tác động tiềm tàng / rủi ro và / hoặc mang lại giá trị gia tăng cho các công trình (ví dụ như cải thiện đường/đường tiếp cận kết hợp với kênh). Biện pháp giảm thiểu phải bao gồm một chương trình truyền thông và cơ chế bồi thường khiếu nại để giải quyết các tác động xã hội. Cần đảm bảo rằng nội dung này đáp ứng các đề xuất thích hợp và giải quyết thỏa đáng các vấn đề và mối quan tâm lớn của cộng đồng được ghi trong bản tóm tắt tham khảo ý kiến trình bày trong Mục 8 (Tham khảo Bảng 1 mẫu biện pháp giảm thiểu thể hiện dưới dạng ma trận.)

Bảng 1: Ví dụ về ma trận biện pháp giảm thiểu

<i>Giai đoạn</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>	<i>Địa điểm áp dụng</i>	<i>Các tiêu chuẩn có thể áp dụng</i>	<i>Chi phí giảm thiểu</i>	<i>Bên có trách nhiệm</i>	<i>Yêu cầu hiệu quả để xác định tính hiệu quả của</i>
-------------------------	----------------------	------------------------------------	--------------------------------	---	----------------------------------	----------------------------------	--

				(e.g. quốc gia WB, EU)			<i>biện pháp</i>
Thiết kế/ tiền xây dựng							
Xây dựng							
Vận hành							
Tháo dỡ							

Tùy thuộc vào tác động của một dự án, Các tài nguyên văn hóa vật thể (OP 4.11) hoặc Quản lý dịch hại (OP 4.09) có thể được áp dụng và các nguồn tài nguyên văn hóa vật thể cần được phát triển và đưa vào Kế hoạch quản lý môi trường.

Giám sát

Giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường sẽ bao gồm giám sát tuân thủ môi trường và giám sát môi trường trong quá trình thực hiện dự án như đã mô tả chi tiết dưới đây:

- (i) Giám sát việc tuân thủ môi trường bao gồm một hệ thống theo dõi sự tuân thủ môi trường của các nhà thầu như kiểm tra việc thực hiện của nhà thầu hoặc các tổ chức chính phủ đi ngược lại các cam kết thể hiện trong các văn bản chính thức, chẳng hạn như nội dung hợp đồng hoặc thoả thuận vay;
- (ii) Các mục tiêu quan trọng môi trường là: a) để xác định hiệu quả thực hiện các hành động giảm nhẹ (ví dụ như nếu có một hành động giảm nhẹ để kiểm soát tiếng ồn trong quá trình xây dựng, kế hoạch giám sát nên bao gồm các phép đo tiếng ồn trong quá trình xây dựng); b) để đáp ứng yêu cầu về môi trường của Bên vay vốn; và c) để đáp ứng mối quan tâm có thể phát sinh trong quá trình tham vấn cộng đồng (ví dụ như tiếng ồn, nhiệt, mùi,...), việc giám sát thậm chí có thể không liên quan đến một vấn đề môi trường thực sự (điều đó có lợi cho Bên vay vốn). Chương trình giám sát cần thể hiện rõ mối liên hệ giữa tác động được xác định trong báo cáo Đánh giá môi trường, các chỉ số được đo, phương pháp được sử dụng, các địa điểm lấy mẫu, tần suất đo, giới hạn phát hiện (nếu phù hợp), và định nghĩa các ngưỡng để coi như là dấu hiệu cảnh báo nhu cầu cần thực hiện hành động khắc phục... Chi phí giám sát môi trường cần được ước tính và bao gồm trong tổng chi phí đầu tư của dự án. Do đó cần theo dõi và thu thập dữ liệu và sử dụng dữ liệu hiệu quả. Sẽ rất vô ích khi thu thập các số liệu mà không sử dụng phù hợp cho phân tích, báo cáo hoặc báo cáo nhưng không có hành động thực hiện

phù hợp. Cần biết loại dữ liệu dùng cho phân tích trước khi thu thập để đảm bảo phân tích dự đoán được hiệu quả.

Bảng 2 nêu ví dụ để lập cấu trúc giám sát

Bảng 2: ví dụ để lập cấu trúc giám sát

Giai đoạn	Các thông số nào cần được giám sát (nếu vượt quá tiêu chuẩn)	Vị trí nào cần được giám sát	Giám sát như thế nào / bằng thiết bị gì?	Khi nào cần giám sát / tần suất hoặc liên tục?	Bên có trách nhiệm
Tiền xây dựng					
Xây dựng					
Vận hành					
Tháo dỡ					

Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường: Các nội dung dưới đây sẽ được khuyến khích thực hiện.

- (i) **Trách nhiệm thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường:** Phần này mô tả các cơ quan thực hiện kế hoạch phân công trách nhiệm để đảm bảo quá trình thực hiện thích hợp và sử dụng thông tin môi trường để quản lý môi trường hiệu lực và hiệu quả. Đối với một dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ, các bên liên quan tham gia thực hiện và giám sát Kế hoạch quản lý môi trường thường bao gồm các cơ quan thực hiện dự án, Ban quản lý dự án, nhà thầu xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng (CSC), tư vấn giám sát môi trường độc lập (IEMC), cơ quan quản lý môi trường địa phương, các tổ chức phi chính phủ, và cộng đồng. Mỗi bên liên quan sẽ được giao trách nhiệm thực tế. Phối hợp tốt giữa các hành động đảm bảo thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường hiệu quả. Trách nhiệm của CSC và IEMC để theo dõi, giám sát việc tuân thủ thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường trong quá trình xây dựng và giám sát cần được chỉ định trong một số trường hợp cụ thể. Điều khoản tham chiếu chung nên được bao gồm trong Kế hoạch quản lý môi trường như một nội dung của phụ lục.
- (ii) **Kết hợp Kế hoạch quản lý môi trường vào thiết kế kỹ thuật chi tiết và tài liệu đấu thầu và hợp đồng:** Việc đấu thầu và các văn bản hợp đồng nên bao gồm các yêu cầu của Kế hoạch quản lý môi trường để đảm bảo rằng các nghĩa vụ được truyền đạt rõ ràng cho các nhà thầu. Các tài liệu đấu thầu cũng có thể bao gồm các tiêu chuẩn về môi trường như là một phần của cơ bản cho việc lựa

chọn nhà thầu. Nhà thầu cũng phải có nghĩa vụ tuân thủ các qui định về môi trường, y tế và an toàn thích hợp để giảm rủi ro liên quan trong quá trình xây dựng và hoạt động. Do đó, phần này cũng nên quy định về cách thức mà ban quản lý dự án và nhân viên kết hợp thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường vào việc thiết kế và đấu thầu tài liệu dự án chi tiết.

- (iii) *Khung tuân thủ môi trường*: Trong quá trình thực hiện dự án, Bên vay vốn phải báo cáo về việc tuân thủ các cam kết môi trường, tình trạng của các biện pháp giảm thiểu, và các kết quả của chương trình giám sát theo quy định tại các văn bản của dự án. Ngân hàng Thế giới giám sát các khía cạnh môi trường của dự án trong Kế hoạch quản lý môi trường như quy định trong hợp đồng pháp lý cho dự án. Phần này làm rõ về các nhiệm vụ môi trường của nhà thầu và các cán bộ môi trường và an toàn, phù hợp với các yêu cầu pháp lý và hợp đồng, và giám sát môi trường trong quá trình giám sát thi công, và lập ra một khung hình phạt
- (iv) *Thủ tục báo cáo*: Quy trình cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả của các biện pháp giảm thiểu và giám sát cần được quy định rõ ràng. Ở mức tối thiểu, những người nhận thông tin như vậy nên bao gồm những người có trách nhiệm đảm bảo thực hiện kịp thời các biện pháp giảm thiểu, và cho việc thực hiện hành động khắc phục để khắc phục với hành vi vi phạm các ngưỡng theo dõi. Ngoài ra, cấu trúc, nội dung và thời gian báo cáo cho Ngân hàng thế giới nên được thiết kế để dễ dàng giám sát. Trách nhiệm của các bên liên quan khác nhau để báo cáo và các loại báo cáo cũng cần được thể hiện rõ ràng.

Kế hoạch tăng cường thể chế

Phần này mô tả nhu cầu thể chế để đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch giảm thiểu và giám sát. Điều này có thể bao gồm việc mua thiết bị, đào tạo, dịch vụ tư vấn và các nghiên cứu đặc biệt. Hầu hết các dự án chủ yếu sẽ đòi hỏi phải tăng cường năng lực trong việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường thông qua đào tạo cho các bên liên quan khác nhau.

Tất cả các bên liên quan phải được đào tạo nâng cao nhận thức về môi trường nói chung và đào tạo về trách nhiệm của mình theo Kế hoạch quản lý môi trường. Việc đào tạo phải đảm bảo rằng họ hiểu nghĩa vụ của mình để quản lý môi trường thích hợp trong quá trình thực hiện dự án. Đào tạo về môi trường bao gồm: giới thiệu khu vực dự án, làm quen với các yêu cầu của Kế hoạch quản lý môi trường; đào tạo ứng phó khẩn cấp về môi trường; làm quen với kiểm soát môi trường trong khu vực dự án; mục tiêu đào tạo môi trường cho nhân sự cụ thể như nhân viên môi trường của Ban quản lý dự án, cán bộ an toàn và môi trường của các nhà thầu, kỹ sư giám sát thi công.

Sự cần thiết phải đào tạo bổ sung hoặc sửa đổi nên được xác định và thực hiện từ các kết quả giám sát và xem xét Kế hoạch quản lý môi trường. Hồ sơ về đào tạo cần được duy trì và bao gồm: người được đào tạo; thời gian được đào tạo; tên của các đơn vị; và một mô tả chung về nội dung đào tạo.

Ước tính ngân sách thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường

Ngân sách này nên được tính toán chi tiết cho cả đầu tư ban đầu và chi phí định kỳ để thực hiện tất cả các biện pháp nêu trong Kế hoạch quản lý môi trường, tích hợp vào tổng chi phí dự án, và là một nhân tố trong quá trình đàm phán khoản vay. Cần nắm bắt tất cả các chi phí, bao gồm cả chi phí hành chính, đào tạo, giám sát môi trường, giám sát, chi phí cho các biện pháp giảm thiểu do các nhà thầu thực hiện, chi phí nghiên cứu môi trường bổ sung, và chi phí vận hành và bảo trì. Mục đích là để giảm thiểu tác động bất lợi nhất đến chi phí. Các chi phí soạn thảo Kế hoạch quản lý môi trường, mà phát sinh do Bên vay vốn, có thể thay đổi tùy vào các yếu tố như sự phức tạp của các tác động tiềm năng, số lượng các chuyên gia tư vấn quốc tế tham gia vào dự án, và sự cần thiết để chuẩn bị các Kế hoạch quản lý môi trường riêng cho các tiêu dự án.

Tham vấn

Kế hoạch quản lý môi trường phải mô tả rõ ràng và diễn giải cho các biện pháp giảm thiểu đề xuất để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tham khảo cộng đồng. Tham vấn với người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ nên được tích hợp đối với tất cả các dự án thuộc nhóm A và B để đạt được sự chấp nhận cho các biện pháp giảm thiểu đề xuất từ phía các nhóm bị ảnh hưởng. Trong một số trường hợp, sự phát triển của nhận thức về môi trường giữa các bên liên quan rất quan trọng để đảm bảo quá trình tham vấn hiệu quả trong quá trình thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường. Trường hợp dự án liên quan đến thu hồi đất và tái định cư, những vấn đề cần được giải quyết đầy đủ trong kế hoạch hành động tái định cư (RAP), và khi thích hợp trong kế hoạch phát triển dân tộc ít người (EMDP).

Quá trình tham vấn cũng có thể được sử dụng trong quá trình hỗ trợ thiết kế và đề ra biện pháp giảm thiểu. Quá trình này là đặc biệt quan trọng khi nó phụ thuộc vào sự tham gia của những người bị ảnh hưởng. Nếu thích hợp, có thể hỗ trợ các yêu cầu chính thức trong các điều khoản tham chiếu cho công chúng tham gia trong việc phát triển các Kế hoạch quản lý môi trường.

Tham vấn cộng đồng của Kế hoạch quản lý môi trường phải là một phần không thể thiếu trong quá trình tham vấn của Đánh giá tác động môi trường/Cam kết bảo vệ môi trường. Nếu việc tham vấn đã không được thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trong quá trình chuẩn bị Đánh giá tác động môi trường / Cam kết bảo vệ môi trường, cần phải thực hiện bổ sung để nắm bắt các ý kiến phản hồi của người dân bị ảnh hưởng và các tổ chức cộng đồng.

Phần này cung cấp tóm tắt về hoạt động tham vấn các bên liên quan, đặc biệt là các hộ gia đình bị ảnh hưởng, trong quá trình dự thảo Kế hoạch quản lý môi trường ở cấp dự án / tiêu dự án. Bản tóm tắt này phải ghi rõ ngày và địa điểm mà cuộc họp tham vấn diễn ra, số lượng người tham gia từ các hộ gia đình bị ảnh hưởng, số lượng phụ nữ tham gia và đồng bào dân tộc ít người, những khuyến nghị, và mối quan tâm và phản hồi. Địa điểm và ngày, tháng công bố Kế hoạch quản lý môi trường được cung cấp trong quá trình tham vấn.

Công bố thông tin về Kế hoạch quản lý môi trường

Công bố thông tin: Theo chính sách của Ngân hàng Thế giới về tiếp cận thông tin, tất cả các

văn bản dự thảo về an toàn, bao gồm cả các Kế hoạch quản lý môi trường, được công bố tại địa phương ở một nơi dễ tiếp cận và trong một hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với các bên liên quan và bằng tiếng Anh tại các Infoshop trước khi tiến hành thẩm định.

Phụ lục 4. Quy tắc Thực hành Môi trường (ECOPs)

(Được điều chỉnh phù hợp với dự án VSUEE từ các ECOP tiêu chuẩn; và Hướng dẫn chung về môi trường, sức khỏe và an toàn của NHTG (chi tiết xem phụ lục 7) cho dự án quy mô nhỏ ở Việt Nam)

Phần 1: Trách nhiệm của nhà thầu xây dựng

CÁC VẤN ĐỀ/ RỦI RO	BIỆN PHÁP GIẢM NHE	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG
1. Gây ra bụi/ô nhiễm không khí	<ul style="list-style-type: none"> Nhà thầu cần thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi để bảo đảm giảm thiểu việc tạo ra bụi và không làm phiền đến các hộ dân địa phương, duy trì môi trường làm việc an toàn, ví dụ như: <ul style="list-style-type: none"> rửa đường và các công trường xây dựng có phát sinh bụi che phủ nguyên vật liệu Xe chở nguyên vật liệu được che phủ và bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển để chống rơi đất, cát, vật liệu hay bụi bẩn; Các nguyên vật liệu và đất không được che phủ cần được bảo vệ khỏi xói mòn do gió 	<ul style="list-style-type: none"> • QCVN 13: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh • TCVN 6438-2005: Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải. • Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam; • QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh • Hướng dẫn chung của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn • Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn cho ngành công nghiệp
2. Tiếng ồn và rung chấn	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả các phương tiện cần có “Giấy phép chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT để phòng ngừa các tiếng ồn phát ra từ 	<ul style="list-style-type: none"> • QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia tiếng ồn • QCVN

	máy móc không được bảo trì tốt.	<p>27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn chung của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn
3. Ô nhiễm nước	<ul style="list-style-type: none"> • Các công trình vệ sinh được xây dựng hay cơ động cần được cung cấp cho các công nhân tại công trường. Nước thải từ các công trình vệ sinh này cũng như từ bếp, buồng tắm, bồn rửa, v.v... cần được thu gom vào một bể chứa để thải ra khỏi công trường hoặc xả vào hệ thống cống thải nước thải sinh hoạt đô thị; không được xả thẳng vào các lưu vực nước. • Nước thải vượt quá mức cho phép với các tiêu chuẩn/quy định kỹ thuật của Việt Nam cần được thu gom trong một bể chứa và được các đơn vị xử lý chất thải có giấy phép thực hiện xử lý. • Các bể chứa nước và bể phốt cần được che đậy và bịt kín khi hoàn thành các công trình xây dựng. • Không được xả chất thải, rác, dầu hay các tạp chất vào các nguồn nước. • Không được rửa xe ô tô hay máy móc ở các sông suối tự nhiên. • Lập và theo dõi thường xuyên đầy đủ các nguồn và vị trí xả nước thải. • Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu các tác động của nước thải (như biện pháp trung hòa xử lý trước khi loại bỏ chất thải, v.v...) 	<ul style="list-style-type: none"> • QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ngầm • QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt • QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp; • TCVN 7222: 2002: yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; • Hướng dẫn chung của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn
4. Tiêu thoát nước và lắng cặn	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà thầu phải thực hiện theo thiết kế chi tiết của hệ thống thoát nước trong quá trình thi công để đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước và không bị tắc nghẽn. • Các khu vực công trường không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công cần được duy trì giữ nguyên hiện trạng. 	<ul style="list-style-type: none"> • TCVN 4447:1987: Công tác đất – Thi công và nghiệm thu • Nghị định số 22/2010/TT-BXD quy định về an toàn xây dựng • QCVN 08:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia

		về chất lượng nước mặt
5. Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> • Tại mọi vị trí thi công, Nhà thầu phải bố trí các thùng rác, công-te-nơ và các vật chứa thu gom phế thải. • Chất thải rắn có thể được tạm thời chứa ở công trường trong một vùng chỉ định riêng và được Tư vấn giám sát thi công và chính quyền địa phương thông qua trước khi thu gom và xử lý. • Các công-te-nơ chứa rác thải cần được che đậy, đặt vững, chống được tác động thời tiết và rơi vãi rác ra ngoài. • Không được đốt, chôn hay vứt chất thải rắn. • Các vật liệu có thể tái chế được như tấm gỗ cốp pha, vật liệu làm giàn giáo, chống đỡ công trình, các bao bì, v.v... sẽ được thu gom và tách riêng khỏi các chất thải khác để tái sử dụng, chèn hay đem bán. • Nếu chất thải rắn hoặc phế thải xây dựng không được vứt bỏ khỏi công trường thì chỉ được xử lý ở những vị trí được Tư vấn giám sát thi công xác định và thông qua và đưa vào kế hoạch xử lý chất thải rắn. Trong bất cứ trường hợp nào nhà thầu cũng không được thải bất kì vật liệu nào vào các vùng nhạy cảm về môi trường như các môi trường sống tự nhiên hay nguồn nước. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số 59/2007/ND-CP về quản lý chất thải rắn • Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT về danh mục chất thải nguy hại • Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại • Hướng dẫn chung của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn
6. Các chất thải hóa học hay độc hại	<ul style="list-style-type: none"> • Các loại dầu mỡ đã qua sử dụng cần được bỏ khỏi công trường và bán cho công ty có chức năng chuyên tái chế dầu đã qua sử dụng. • Các loại dầu, chất bôi trơn, chất làm sạch, v.v... đã qua sử dụng từ việc bảo trì phương tiện và máy móc phải được thu gom trong các bể chứa và được một công ty chuyên tái chế dầu loại bỏ khỏi công trường và tiến hành xử lý ở một địa điểm xử lý chất thải độc hại đã được duyệt. 	<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT về danh mục chất thải nguy hại • Nghị định số 59/2007/ND-CP về quản lý chất thải rắn • Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại

	<ul style="list-style-type: none"> • Cát giữ hóa chất an toàn sử dụng các biện pháp như che đậy, làm hàng rào và dán nhãn thích hợp. • Không sử dụng các hóa chất độc hại không được cấp phép bao gồm sơn chứa chì. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn chung của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn
7. Ảnh hưởng đến thảm thực vật và các nguồn tài nguyên sinh thái.	<ul style="list-style-type: none"> • Hạn chế diện tích các khu vực cần giải phóng mặt bằng nhiều nhất có thể. • Nhà thầu sẽ phải loại bỏ lớp đất phủ của tất cả những khu vực mà lớp đất phủ chịu ảnh hưởng của các hoạt động cải tạo, gồm các hoạt động tạm thời như cát giữ và dự trữ nguyên vật liệu; lớp đất đã được ... sẽ được giữ ở các khu vực theo thống nhất với Tư vấn giám sát thi công để sau này sử dụng để phục hồi lại thảm thực vật và vì vậy cần được giữ và bảo vệ tốt. • Không cho phép việc sử dụng hóa chất trong quá trình phát quang các thảm thực vật. • Cấm đốn cây trừ những cây được phép trong khu vực giải phóng mặt bằng. • Dựng rào bảo vệ tạm thời, nếu cần thiết, để bảo vệ hiệu quả các cây cối cần được bảo vệ trước khi thực hiện bất cứ công việc nào trong công trường. • Nhà thầu phải bảo đảm không có bất cứ hoạt động săn bắn, bẫy hay gây độc cho các loại động vật. 	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13
8. Quản lý giao thông	<ul style="list-style-type: none"> • Trước khi thi công cần tổ chức tham vấn với chính quyền và cộng đồng địa phương cũng như các cán bộ cảnh sát giao thông. • Trong kế hoạch xây dựng phải tính toán đến tình huống gia tăng mật độ phương tiện giao thông. Các tuyến đường, đặc biệt các tuyến có xe tải hạng nặng, cần chú ý đến những khu vực nhạy cảm như trường học, bệnh viện và chợ. • Thiết lập hệ thống đèn chiếu sáng ban đêm nếu cần để bảo đảm giao thông an 	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Giao thông – Vận tải số 23/2008/QH12 • Luật xây dựng số 50/2014/QH13 • Thông tư số 22/2010/TT-BXD ngày 3/12/ 2010 Quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

	<p>toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặt biển báo quanh khu vực thi công để tạo điều kiện cho giao thông đi lại thuận lợi, chỉ dẫn cho các bộ phận khác nhau của công trình và đưa ra cảnh báo an toàn. • Triển khai các biện pháp kiểm soát an toàn giao thông, gồm cấm các biển báo đường bộ/sông/kênh và người cầm cờ chỉ dẫn để báo hiệu các vị trí tình trạng nguy hiểm. • Tránh vận chuyển nguyên vật liệu thi công trong giờ cao điểm. • Các biển chỉ đường cần được lắp đặt ở cả các tuyến đường thủy và đường bộ nếu cần thiết. 	
9. Giám đoạn các dịch vụ công cộng	<ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp thông tin cho các hộ dân bị ảnh hưởng về lịch trình làm việc và các hoạt động gây cản trở về nước/điện theo như trong kế hoạch ít nhất 2 ngày trước khi diễn ra. • Nếu có bất cứ thiệt hại nào cho các hệ thống dây cáp hiện có cần phải báo cáo với cơ quan chính quyền và khắc phục trong thời gian sớm nhất có thể. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số 73/2010/ND-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội
10. Khôi phục các khu vực bị ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> • Các khu vực đã được phát quang như các khu xử lý chất thải, công trình, lán trại công nhân, khu vực kho lưu trữ, sàn thi công và các khu vực tạm thời sử dụng trong quá trình thi công các công trình cửa dự án cần được phục hồi bằng các biện pháp hiệu quả như phủ xanh đất trống, thoát nước và phục hồi đất. • Đất bị nhiễm độc hóa chất hay các vật chất độc hại cần được loại bỏ, di chuyển và chôn ở các khu chứa chất thải. 	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13
11. An toàn lao động và an ninh cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> • Đào tạo cho công nhân về các quy định an toàn lao động và cung cấp quần áo bảo hộ đầy đủ cho công nhân theo như quy định của Việt Nam. • Lắp đặt hàng rào, rào chắn, biển báo 	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư số 22/2010/TT-BXD ngày 3/12/ 2010 Quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công

	<p>nguy hiểm/biến cấm xung quanh khu vực thi công tại những khu vực có thể gây ra nguy hiểm cho người dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhà thầu cần cung cấp các biện pháp an toàn như lắp đặt hàng rào, các ba-ri-e chắn có biển báo nguy hiểm, hệ thống đèn sáng chống tai nạn giao thông cũng như các nguy hiểm khác có thể xảy ra cho dân cư và các khu vực nhạy cảm. • Nếu các đánh giá trước đây cho thấy có thể có các vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh (UXO), phải thực hiện rà phá bom mìn như trong kế hoạch chi tiết được tư vấn xây dựng thông qua. • Cấm công nhân sử dụng đồ uống có cồn trong giờ làm việc • Không được làm việc mà không có thiết bị bảo hộ an toàn (gồm giày ủng và mũ bảo hộ) 	<p>trình</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ thị số 02 /2008/CT-BXD hấn chỉnh và tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động trong các đơn vị xây dựng • TCVN 5308-91: quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng • Quyết định số. 96/2006/QĐ-TTg ngày 4/5/2006 về quản lý thực hiện công tác rà phá bom, mìn và vật liệu nổ • Hướng dẫn chung của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An Toàn
<p>12. Công tác liên lạc với các cộng đồng dân cư địa phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà thầu sẽ phối hợp và thống nhất với chính quyền địa phương (lãnh đạo xã, trưởng làng) về lịch trình của các hoạt động thi công ở các vùng gần các khu vực nhạy cảm hay thời điểm nhạy cảm (như các ngày lễ tôn giáo). • Các bản sao tiếng Việt của các ECOP và các tài liệu an toàn môi trường liên quan khác sẽ được cung cấp cho các cộng đồng dân cư địa phương và công nhân tại công trường. • Phổ biến thông tin dự án cho các bên liên quan (ví dụ như chính quyền địa phương, các doanh nghiệp và các hộ dân bị ảnh hưởng, v.v...) qua các buổi họp với cộng đồng trước khi thực hiện thi công. • Cung cấp các kênh thông tin liên lạc để những bên quan tâm có thể lấy thông tin về các hoạt động của công trường, tình hình dự án và các kết quả thực hiện dự án. • Thông báo cho dân cư địa phương về lịch trình làm việc và thi công, các 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số No. 73/2010/ND-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội

	<p>công việc làm gián đoạn các dịch vụ công cộng, các tuyến đường vòng và các tuyến xe buýt tạm thời, các hoạt động nổ mìn và phá dỡ, nếu thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phải dựng các bảng thông báo ở tất cả các công trình xây dựng để cung cấp thông tin về dự án cũng như thông tin liên lạc của các giám đốc công trình, cán bộ môi trường, cán bộ an toàn và sức khỏe, các số điện thoại và các kênh thông tin liên hệ khác để những người dân bị ảnh hưởng có thể bày tỏ quan tâm lo ngại và khiếu kiện. • Không làm phiền và gây cản trở đến các cộng đồng dân cư gần khu vực dự án. 	
<p>13. Các hiện vật hiếm thấy</p>	<p>Nếu Nhà thầu phát hiện các hiện vật công trình khảo cổ, lịch sử, gồm khu nghĩa địa và/hoặc mồ mả cá nhân trong quá trình đào đất hay xây dựng, Nhà thầu sẽ phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dừng các hoạt động thi công ở khu vực tìm thấy di vật vật; • Phác họa khu vực hoặc công trình tìm thấy di vật; • Giữ an ninh cho khu vực để phòng ngừa thiệt hại hay mất mát các đồ vật có thể di chuyển được. Trong trường hợp các hiện vật hay các đồ vật nhạy cảm, cần bố trí nhân viên bảo vệ trực đêm cho đến khi chính quyền địa phương hay Sở văn hóa và thông tin tiếp quản. • Thông báo cho Tư vấn giám sát thi công để thông báo cho chính quyền địa phương hay nhà nước chịu trách nhiệm các công tác về Di sản văn hóa ở Việt Nam (trong vòng 24 giờ hoặc sớm hơn); • Các cơ quan chính quyền địa phương hoặc quốc gia sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và bảo tồn khu vực trước khi quyết định các thủ tục thích hợp. Hoạt động đánh giá sơ bộ các di vật tìm thấy sẽ được yêu cầu triển khai. Tầm quan 	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Di sản văn hóa 32/2009/QH12 • Nghị định số 98/2010/ND-CP ngày 21/09/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa

	<p>trọng của các hiện vật cần được đánh giá theo các tiêu chí liên quan đến di sản văn hóa; bao gồm các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học hay nghiên cứu, xã hội và kinh tế;</p> <ul style="list-style-type: none">• Quyết định về công tác giải quyết xử lý các hiện vật sẽ do các cơ quan chức năng thực hiện. Công việc này có thể gồm có các thay đổi trong sắp đặt bố cục, bảo tồn, bảo quản, phục hồi và lưu giữ;• Nếu công trình văn hóa và/hoặc các di vật có giá trị cao và việc bảo tồn khu vực được các nhà chuyên môn khuyến nghị và được các đơn vị có thẩm quyền về lĩnh vực di sản văn hóa yêu cầu, Chủ Dự án sẽ phải thực hiện các thay đổi thiết kế cần thiết (như trong trường hợp tìm thấy các di vật không di chuyển được có giá trị văn hóa và khảo cổ) theo yêu cầu và duy trì hiện trạng khu vực;• Các quyết định liên quan đến quản lý di vật sẽ được các cơ quan chính quyền liên quan sẽ được gửi theo đường văn bản.• Các công việc thi công sẽ chỉ được tiếp tục sau khi có sự cho phép của các cơ quan chính quyền địa phương trên cơ sở an toàn cho các di sản.	
--	---	--

Phụ lục 5. Quy trình quản lý PCB

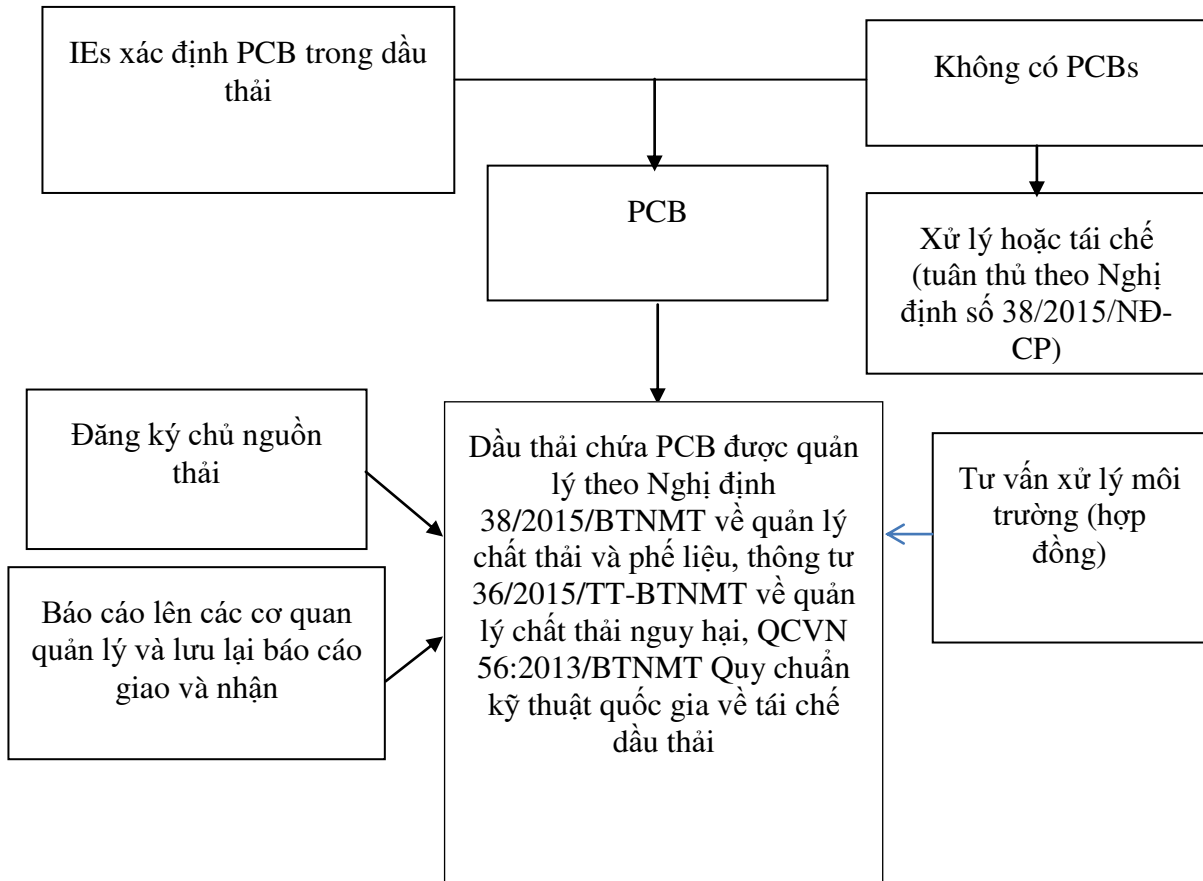
Dầu thải máy biến thế phải được kiểm tra PCB.

Trong trường hợp xác định có PCB trong trong dầu thì dầu thải sẽ được mang đi xử lý hoặc tái chế theo Nghị định 38/2015/BTNMT về quản lý chất thải và phế liệu, thông tư 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, QCVN 56:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải.

Quy trình quản lý PCB được thực hiện theo các bước sau:

1. Xác định mã số, phân loại và lưu giữ dầu thải nhiễm PCB.
2. Đăng ký chủ nguồn thải.
3. Dự kiến vị trí lưu giữ tạm thời dầu thải nhiễm PCB. Việc lưu giữ phải tuân thủ theo Nghị định 38/2015/BTNMT về quản lý chất thải và phế liệu, thông tư 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại và các hướng dẫn kỹ thuật
 - + Hướng dẫn số 1 về nhận dạng dầu và các thiết bị, vật liệu và chất thải có PCB, thiết bị, nguyên vật liệu và chất thải (văn bản số 2299/TCMT-KSON của Tổng cục Môi trường ban hành ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 2 về việc đăng ký dầu và các thiết bị, vật liệu và chất thải có PCB (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 3 về việc đóng gói và dán nhãn dầu và các thiết bị, vật liệu và chất thải có PCB (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 4 về việc lưu giữ dầu và các thiết bị, vật liệu và chất thải có PCB (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 5 về việc vận chuyển dầu và các thiết bị, vật liệu và chất thải có PCB (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 6 về việc xử lý, tiêu hủy thiết bị, vật liệu, chất thải có PCB (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 7 về phát triển kế hoạch ứng phó và dự phòng liên quan đến PCBs (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 8 về ứng phó và khắc phục sự cố môi trường do PCB ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
 - + Hướng dẫn số 9 về kiểm tra việc quản lý PCB (ban hành bởi Tổng cục Môi trường ngày 20/11/2014);
4. Hợp đồng với đơn vị chuyên môn được cấp phép để thu gom và xử lý chất thải nguy hại bao gồm cả dầu thải chứa PCB.

Sơ đồ dưới đây mô tả quy trình quản lý PCB sẽ được sử dụng cho các tiểu dự án trong khuôn khổ dự án VEIEEs:



Hình 8: Quy trình quản lý PCB

Phụ lục 6. Biên bản họp tham vấn các bên liên quan

TÓM TẮT

BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN

Ngày 09 tháng 10 năm 2015, tại Phòng họp số 101 Bộ Công Thương, 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tổng cục Năng lượng đã tổ chức buổi tham vấn các bên liên quan để hoàn thiện các Khung chính sách về An toàn Môi trường, Kế hoạch tái định cư và Dân tộc ít người.

1. Thành phần tham dự

- 03 đại diện của Ban QLDA và Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững
- 01 đại diện của Ngân hàng nhà nước
- 01 đại diện của tổ chức NG: Pan Nature
- 06 đại diện ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- 08 đại diện của các đơn vị và tổ chức liên quan: Bộ TNMT, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty thép Việt Nam, Tổng công ty xi măng Việt Nam.

2. Mục đích của Hội thảo

Tiếp nhận các nhận xét và ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện 03 khung chính sách, hướng dẫn trong quá trình thực hiện các dự án về tiết kiệm năng lượng nhằm đáp ứng chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường và an ninh quốc gia tuân thủ các khung chính sách của NHTG và các quy định của Việt Nam:

- Khung chính sách về An toàn môi trường
- Khung chính sách về Tái định cư
- Khung chính sách về Dân tộc ít người

3. Các nội dung chính của buổi hội thảo

3.1. Khung chính sách về An toàn môi trường

Các ý kiến nhận xét và góp ý của các hội thảo xoay quanh 7 nội dung chính như sau:

- Khung chính sách (phân loại dự án, dân tộc thiểu số, đền bù tái định cư, v.v.) sẽ được đánh giá chi tiết;
- Dự án nên làm rõ phạm vi của khung chính sách (những dự án đã có hoặc tiềm năng, bên trong hay bên ngoài phạm vi nhà máy, an toàn môi trường và đánh giá xã hội, v.v.)
- Dự án nên cập nhật những quy định mới về bảo vệ môi trường và công nghệ sạch;
- Ban QLDA nên thương thảo với NHTG về lãi suất. PFIs hi vọng giảm lãi vay để bù đắp

lại chi phí;

- Cần thiết nâng cao năng lực cho các cán bộ thẩm định của ngân hàng;
- Làm rõ các quy định và quy trình khi vỡ nợ xảy ra. Trong trường hợp này, điều kiện để được nhận bảo lãnh là gì?
- Làm rõ và cân nhắc cơ chế để giải quyết hoặc đền bù cho những thiệt hại trong trường hợp này của các PFIs.

Phản hồi và giải thích những ý kiến từ chuyên gia tư vấn độc lập và Ban QLDA:

- Sau khi trao đổi cùng NHTG và Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững về phạm vi công việc, Tư vấn sẽ xem xét việc có cần đánh giá chi tiết hơn. Tuy nhiên, phạm vi của những khung này cho những dự án tiềm năng. Những dự án này sẽ được sàng lọc theo các quy định của Việt Nam và hướng dẫn của NHTG. Quy trình cho những dự án phù hợp được nêu trong phụ lục của Khung. Thêm vào đó, việc đánh giá chính sách an toàn môi trường sẽ tuân theo các quy định của Việt Nam và hướng dẫn của NHTG;
- Khung chính sách đã được xây dựng để phù hợp với các PFIs, vì vậy các PFIs sẽ phải bố trí nhân sự phù hợp để thực hiện. Những nhân sự này sẽ được đào tạo để nâng cao năng lực.
- Khung chính sách và hướng dẫn sẽ được điều chỉnh theo hướng dễ tiếp cận thực hiện.
- Ban QLDA thấy rằng dự án GCF này đã hỗ trợ rất ưu đãi, không có nhiều nội dung để đàm phán về lãi suất. Dự án VSUEE tăng tính hấp dẫn của dự án VEEIE và lãi suất vẫn trong quá trình thương thảo để tìm giải pháp về lãi. NHTG đang cân nhắc một cơ chế để giảm rủi ro cho các ngân hàng thương mại khi thay đổi tỷ giá;
- Để giảm thiệt hại như đã đề cập từ những dự án được bảo lãnh, PFIs được yêu cầu tăng cường trách nhiệm của họ đối với việc thẩm tra giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án. Khi những vấn đề như thế xuất hiện sẽ kịp thời phát hiện ngay từ đầu, và khi đó giữa ngân hàng và bên doanh nghiệp đi vay sẽ phải đưa ra phương án khắc phục. NHTG và Ban QLDA sẽ cho thời gian để các bên thực hiện. Nếu sau thời gian đó biện pháp khắc phục không được thực hiện hoặc không triển khai thực hiện, bên cho vay sẽ tiến hành các hành động tiếp theo. Thực tế rủi ro sẽ rơi vào ngân hàng hơn là bên đi vay. Điều đó liên quan đến ràng buộc của ngân hàng về trách nhiệm rà soát, thẩm định dự án để đưa ra quyết định cho vay. Về tiêu chuẩn để được thanh toán bảo lãnh, vấn đề này chưa chốt và sẽ được trao đổi và làm rõ lại với NHTG.
- Những quy định mới về môi trường đã được cập nhật vào khung chính sách.

3.2. Khung chính sách về Tái định cư và Khung chính sách về Dân tộc ít người

Các ý kiến góp ý của các thành viên tham gia xoay quanh 2 vấn đề chính sau đây:

- Khung chính sách về Tái định cư sẽ theo những quy định của Việt Nam; chính sách của khung này chưa được làm rõ đối với những người bị ảnh hưởng và tài sản được đền bù là

không hợp pháp sẽ ảnh hưởng đến các dự án trong nước và những khu vực lân cận (ví dụ mức độ hỗ trợ, đền bù cho những dự án theo Luật của Việt Nam sẽ khác với những dự án vay vốn của NHTG).

- Trong cơ chế xử lý khiếu kiện, nên thêm vào Ban QLDA, Ban đền bù và tổ chức dịch vụ công về đất đai (được thành lập bởi HĐND cấp tỉnh).

Giải thích và phản hồi của tư vấn và NHTG như sau:





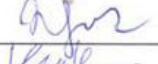



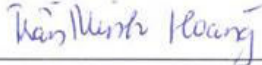


- Khung chính sách Tái định cư và Khung chính sách về Dân tộc ít người không thể chỉnh sửa lại và viết hoàn toàn theo quy định Việt Nam mà sẽ phải được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHTG vì đây là dự án vay vốn NHTG;







Về cơ chế, tư vấn xin tiếp thu ý kiến và sẽ xem xét, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp và đầy đủ.

4. Kết luận

Buổi hội thảo kết thúc vào hồi 11 giờ sáng cùng ngày. Các tư vấn độc lập sẽ chỉnh sửa, bổ sung các khung chính sách và báo cáo theo các ý kiến góp ý của các bên tham dự hội thảo.

Hội thảo tham vấn Khung chính sách an toàn môi trường xã hội, khung chính sách tái định cư, khung chính sách dân tộc thiểu số của Dự án Thúc đẩy hiệu quả năng lượng cho các ngành công nghiệp
 Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Bộ Công Thương

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại	Chữ ký
1	Ông Bùi Huy Tuấn	Ban kỹ thuật - Tổng công ty Thép Việt Nam		
2	Ông Doãn Nam Khánh	Trưởng ban An toàn môi trường - Tổng công ty Xi măng Việt Nam		
3	Bà Phạm Thị Cẩm Nhung	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF Việt Nam)		
4	Ông Nguyễn Tử Hoàng	Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất – Tổng cục quản lý đất đai		
5	Ông Nguyễn Đức Cường			
6	Ông Mai Văn Huyền	Trung tâm phát triển xanh		
7	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		
8	Ông Nguyễn Ngọc Lâm			
9	Ông Hoàng Trung Hiếu	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	0904011587	
10	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh	0988.436.499	
11	Bà Lê Diệu Linh	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam		
12		Phòng an toàn môi trường - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	0167 260 2620	
13		Ban chiến lược phát triển (KCL) - Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam		

14		Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam		
15		Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
16		Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
17		Tổng công ty Giấy Việt Nam		
18	Bà Nguyễn Minh Phượng	Trung tâm con người và thiên nhiên (Pan Nature)		
19	Bà Ngô Kim Thanh	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
20		Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		
21	Ngã Ngọc Anh	Bà TN - Mí		
22	Ngã Thanh Hằng	NH VPBank		
23	Trần Chi Lê Hằng	Viện Năng lượng		
24	Đỗ Thị Tâm Phượng	Tập đoàn Dầu khí VN		
25				
26				
27				

Phụ lục 7. Hướng dẫn của NHTG về Môi trường, Sức khỏe và An toàn; và Hướng dẫn trong ngành công nghiệp

Tham khảo Hướng dẫn An toàn, Sức khỏe, Môi trường; và Hướng dẫn khu vực công nghiệp của Nhóm NHTG bản tiếng Anh và tiếng Việt theo đường dẫn sau:

<https://www.ifc.org/ehsguidelines>

<http://documents.worldbank.org/curated/en/638461495002160327/text/112110-VIETNAMESE-IFC-EHS-General-Guidelines-PUBLIC.txt>

